

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

LÊ HỒNG PHONG

TRƯỜNG CA NGUYỄN ANH NÔNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Thái Nguyên - 2016

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

LÊ HỒNG PHONG

TRƯỜNG CA NGUYỄN ANH NÔNG

Chuyên ngành: VĂN HỌC VIỆT NAM

Mã số: 60 22 01 21

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN KIẾN THỌ

Thái Nguyên – 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả nghiên cứu trong đề tài là trung thực và chưa có ai công bố trong một công trình nào khác.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2016

Tác giả

Lê Hồng Phong

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến **TS. Nguyễn Kiến Thọ** - người thầy hướng dẫn khoa học đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới các thầy cô giáo khoa Văn học, khoa Sau đại học - trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, các thầy cô giáo Viện Văn học và nhà thơ Nguyễn Anh Nông đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn !

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm 2016

Tác giả

Lê Hồng Phong

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề	2
2.1. Về <i>Trường ca Trường Sơn</i>	4
2.2. Về trường ca <i>Gửi Bill Gates và trời xanh</i>	5
2.3. Về hai trường ca <i>Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành</i>	6
3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu.....	7
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	7
3.2. Mục tiêu nghiên cứu.....	8
4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu	8
4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu	8
4.2. Phương pháp nghiên cứu.....	8
5. Phạm vi nghiên cứu.....	8
6. Cấu trúc của luận văn.....	9
7. Đóng góp của luận văn.....	9
NỘI DUNG	10
Chương 1: Trường ca Việt Nam hiện đại và sự xuất hiện của Nguyễn Anh Nông	10
1.1. Trường ca Việt Nam hiện đại.....	10
1.1.1. Khái niệm trường ca.....	10
1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của thể loại trường ca trong văn học Việt Nam hiện đại.....	12
1.1.3. Một số đặc điểm của trường ca sau chiến tranh.....	16
1.2. Nhà thơ Nguyễn Anh Nông với thể loại trường ca.....	24
1.2.1. Tiểu sử nhà thơ Nguyễn Anh Nông	24
1.2.2. Sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Nguyễn Anh Nông	26
1.2.3. Nguyễn Anh Nông với thể loại trường ca.....	28
Chương 2: Nội dung trường ca Nguyễn Anh Nông	31
2.1. <i>Trường ca Trường Sơn</i> , một cái nhìn đa chiều về chiến tranh	31
2.1.1. Những mất mát, đau thương	31
2.1.2. Khúc ca của muôn đời.....	38

2.2. <i>Gửi Bill Gates và trời xanh, “một thông điệp văn hóa thời kỹ trị”</i>	46
2.2.1. Tình yêu cuộc sống	46
2.2.2. Tình yêu thơ ca.....	53
2.3. <i>Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành, một mảng màu cuộc sống</i> <i>đời thường</i>	56
2.3.1. Niềm vui bình dị.....	57
2.3.2. Những lo âu, trăn trở	59
2.3.3. Khát vọng tương lai.....	62
Chương 3: Nghệ thuật trường ca Nguyễn Anh Nông	67
3.1. Ngôn ngữ, hình ảnh trong trường ca Nguyễn Anh Nông	67
3.1.1. Ngôn ngữ đối thoại, gần gũi với đời sống.....	67
3.1.2. Hình ảnh thơ.....	71
3.2. Cấu trúc, nhịp điệu trong trường ca Nguyễn Anh Nông.....	79
3.2.1. Cấu trúc	79
3.2.2. Nhịp điệu thơ.....	83
3.3. Thời gian và không gian nghệ thuật trong trường ca Nguyễn Anh Nông	87
3.3.1. Thời gian đồng hiện mang dấu ấn thời hậu hiện đại.....	87
3.3.2. Không gian được chuyển đổi linh hoạt	90
KẾT LUẬN	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Nhắc đến Thanh Hóa là ta nhắc tới vùng đất địa linh, nhân kiệt, nơi giao thoa và chuyển hóa của hai vùng văn hóa: Bắc Bộ và Trung Bộ. Đây cũng là cái nôi sinh thành và nuôi dưỡng cho nhiều tâm hồn thơ cất cánh thẳng hoa, góp phần tạo nên sắc diện cho thi đàn Việt Nam. Khi điểm mặt các nhà thơ xuất sắc là người con của xứ Thanh, ta có thể nhắc tới: Hữu Loan, Nguyễn Duy, Hồng Nguyên, Trịnh Thanh Sơn,... và ta không thể bỏ qua một gương mặt đã khẳng định được tài năng, vị thế của mình trên thi đàn, có những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại – nhà thơ quân đội Nguyễn Anh Nông.

Nguyễn Anh Nông bước vào làng thơ Việt Nam từ khá sớm. Sau khi đã gặt hái được thành công ở những sáng tác thơ ngắn, anh tiếp tục thử sức với thể loại trường ca. Nguyễn Anh Nông đến với trường ca trong lúc nhiều người cứ ngỡ trường ca không còn mảnh đất màu mỡ để gieo trồng và cho những vụ mùa bội thu, nhưng chỉ trong vòng hơn ba năm, anh đã cho ra đời liên tiếp bốn trường ca: *Trường ca Trường sơn* (2009), *Gửi Bill Gates và trời xanh* (2011), *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* (2012), *Lập Thành* (2012).

Trường ca của Nguyễn Anh Nông mới ra đời cách đây khoảng sáu năm, tuy chưa có nhiều khoảng lùi về thời gian nhưng đã thu hút được sự quan tâm của nhiều bạn đọc và nhận được nhiều phản hồi tích cực của các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về trường ca Nguyễn Anh Nông. Với mong muốn tìm hiểu những nét độc đáo về phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật trong các sáng tác trường ca của Nguyễn Anh Nông để thấy được sự diễn tiến, phát triển của thể loại trường ca nói riêng, sự phát triển của nền văn học dân tộc nói chung đồng thời thấy được vị thế của nhà thơ xứ Thanh trên thi đàn Việt Nam, chúng tôi đã lựa chọn đề tài ***Trường ca Nguyễn Anh Nông*** làm đối tượng nghiên cứu cho luận văn của mình.

2. Lịch sử vấn đề

Tìm hiểu các hướng nghiên cứu liên quan đến đề tài, chúng tôi chủ yếu dựa vào cuốn sách *Nguyễn Anh Nông “Đi từ miền lá cỏ”* (tiểu luận, phê bình) do tiến sĩ Đỗ Thị Thu Huyền tuyển chọn và biên soạn và do nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành (2013). Cuốn sách này đã tập hợp những ý kiến phê bình, đánh giá về thơ Nguyễn Anh Nông nói chung và về trường ca của Nguyễn Anh Nông nói riêng.

Trường ca của Nguyễn Anh Nông tuy mới ra đời cách đây gần chục năm nhưng đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, phê bình như: Chu Văn Sơn, Đỗ Thị Thu Huyền, Nguyễn Thanh Tú, Đoàn Minh Tâm, Nguyễn Đức Thiện, Phạm Thanh Khương, Nguyễn Tiên Hải, Phạm Thuận Thành, Trần Sáng, Hòa Diệu Thúy, Đỗ Trọng Khơi, Đặng Văn Toàn, Nguyễn Văn Lai, Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Hưng Hải, Đỗ Quyên, Nguyễn Bao,...

Trong bài viết: *Những giọt thơ tích tụ nơi thượng nguồn thi cảm*, Đỗ Thị Thu Huyền đã đưa ra cái nhìn khái quát về đặc điểm chung của trường ca Nguyễn Anh Nông với ba nét nổi bật. Thứ nhất là *Điểm nổi bật của bốn trường ca Nguyễn Anh Nông là sự tập trung trong một mạch xuyên suốt. Cái tính chất đối thoại thể hiện rất rõ. “Trường ca Trường Sơn” là đối thoại với quá khứ để giúp nhận chân giá trị, một phần lịch sử đã qua; “Gửi Bill Gates và trời xanh” là cuộc đối thoại đa thanh đầy kiêu hãnh từ một thi sĩ với tỉ phú nổi tiếng toàn thế giới; và “Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn” và “Lập Thành” là cuộc đối thoại với tương lai. Dù với tâm thế nào, trường ca Nguyễn Anh Nông cũng hướng cái nhìn đến một tương lai đầy hứa hẹn* [22, tr.16]. Thứ hai là trường ca Nguyễn Anh Nông có *dung lượng vừa và ngắn với cấu trúc vững* [22, tr.17]. Đặc điểm thứ ba mà Đỗ Thị Thu Huyền nhận thấy ở trường ca Nguyễn Anh Nông là cái nhìn hướng về những điều bình dị. Ở khía cạnh này, tác giả bài viết đã có một cái nhìn khá toàn diện và tinh tế để nhận ra nét mới trong trường ca Nguyễn Anh Nông: *Khác với quan niệm quá trình vươn tới cái đích của trường ca là “tái hiện được những sự kiện, những vấn đề liên quan tới vận mệnh của một cộng đồng, một dân tộc, trong một thời gian và không gian rộng lớn”, trường ca của Nguyễn Anh Nông lại hướng cái nhìn về những điều bình dị. Dù tập trung xuyên suốt như “Trường ca Trường Sơn”, có lúc lại nặng về tính suy*

tưởng, nhiều chiêm nghiệm như “Gửi Bill Gates và trời xanh”; hay nhiều đoạn, phân khúc được dồn nén, tích hợp như “Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn”...tất cả tạo nên một diện mạo phong phú hấp dẫn riêng cho những trường ca của Nguyễn Anh Nông [22, tr.19].

Ngoài ra, Đỗ Thị Thu Huyền còn có phát hiện đặc điểm về thể loại trong trường ca của Nguyễn Anh Nông: *Thơ Nguyễn Anh Nông đa dạng các thể loại, ngay ở trường ca điều này cũng được thể hiện rõ* [22, tr.24].

Nguyễn Thanh Tuấn trong bài *Lối viết tự động tâm linh trong “Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn” và “Lập Thành”* đã mượn lời của các nhà phê bình Đỗ Trọng Khơi, Nguyễn Văn Lai, Đỗ Quyên để đánh giá về thơ và trường ca của Nguyễn Anh Nông: “*thật kinh ngạc về sức bút thơ ông trong những ngày này*” (Đỗ Trọng Khơi), “*là trải nghiệm một cách nhìn sáng tạo, mạnh mẽ và đột phá*” (Nguyễn Văn Lai), “*Như một thành tựu, thơ Nguyễn Anh Nông đã có nhiều điều hơn người ở thể thơ ngắn. Như một khai phá, thơ Nguyễn Anh Nông đang có nhiều điều khác người ở trường ca*” (Đỗ Quyên) [22, tr.170]. Cũng trong bài viết này, tác giả còn có phát hiện độc đáo về hình thức biểu hiện trường ca Nguyễn Anh Nông: *Trường ca Nguyễn Anh Nông còn là kết quả của quá trình giao thoa giữa văn xuôi và thơ* [22, tr.174].

Đánh giá về những đóng góp quan trọng của Nguyễn Anh Nông cho sự phát triển của thể loại trường ca và khẳng định vị thế của Nguyễn Anh Nông trên thi đàn, Nguyễn Hưng Hải trong *Trường ca Nguyễn Anh Nông* đã khẳng định với sự ngợi ca đầy trân trọng: *Nguyễn Anh Nông đã làm một cuộc bút phá ngoạn mục: mấy mươi năm trước còn là tác giả chưa được chú ý lắm thì nay với bảy tập thơ và bốn trường ca ra đời, anh đã thực sự là một tên tuổi “đáng gờm” trong lực lượng vũ trang cũng như trên thi đàn cả nước. Riêng với những đóng góp ở thể loại trường ca, anh xứng đáng được tôn vinh là người “khởi xướng” của việc đi tìm cái đẹp trong quá khứ và những vẻ đẹp thuộc về phía ngày mai. Thơ, trường ca của anh đã và đang nghiêng bút và can dự sâu hơn vào tâm thế thời cuộc* [22, tr.212].

Điểm qua những ý trên, chúng ta có thể thấy các nhà nghiên cứu đã có những đánh giá chung về trường ca Nguyễn Anh Nông. Không dừng lại ở đó, trong bài

viết của mình, các tác giả còn đi vào đánh giá những đặc điểm nổi bật về phương diện nội dung và nghệ thuật trong từng tác phẩm trường ca của Nguyễn Anh Nông.

2.1. Về *Trường ca Trường Sơn*

Trường ca Trường Sơn của Nguyễn Anh Nông đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, phê bình như: Chu Văn Sơn, Nguyễn Bao, Nguyễn Thanh Tú, Đoàn Minh Tâm, Nguyễn Đức Thiện, Phạm Thanh Khương, Nguyễn Tiến Hải, Phạm Thuận Thành, Đỗ Thị Thu Huyền. Nghiên cứu *Trường ca Trường Sơn*, các tác giả đi vào tìm hiểu các khía cạnh về nội dung, nghệ thuật và đánh giá sự thành công của tác phẩm.

Trong bài viết *Cảm nhận về bốn trường ca của Nguyễn Anh Nông*, Nguyễn Văn Lai đã đưa ra nhận xét rất xác đáng: “*Trường ca Trường Sơn*” của Nguyễn Anh Nông trò chuyện với quá khứ hùng tráng của dân tộc, với đại ngàn Trường Sơn, trò chuyện và vinh danh những con người của quá khứ và hiện tại đã làm nên huyền thoại Trường Sơn anh hùng, trò chuyện với cả một không gian và thời gian lịch sử để rồi được chiêm ngưỡng, tôn vinh và hưởng thụ thành quả lớn lao đó [22, tr.194].

Trở lại với bài viết: *Những giọt thơ tích tụ nơi thượng nguồn thi cảm*, Đỗ Thị Thu Huyền đã có những đánh giá về nội dung cảm hứng của “*Trường ca Trường Sơn*”: *Trường ca Trường Sơn* hướng sự chú ý đến chất sử thi, nhằm tái hiện một chặng đường lịch sử dài, một chuỗi các sự kiện tiêu biểu [22, tr.13].

Cùng với ý kiến của Đỗ Thị Thu Huyền, trong bài “*Trường ca Trường Sơn*” ngọn lửa và tiếng hát, Nguyễn Bao cũng đưa ra nhận xét tinh tế: *Cái khốc liệt của chiến tranh cùng với sự quyết tâm của người Trường Sơn đã được tác giả tô đậm bằng những hình tượng khá sinh động, đủ sức khơi gợi cảm xúc cho người đọc, lôi cuốn người đọc hòa vào bản trường ca của Nguyễn Anh Nông* [22, tr.125].

Ở bài *Đối thoại với Trường Sơn*, Nguyễn Thanh Tú đã đưa ra nhận xét: *Đây là trường ca về chiến tranh nhưng không trực tiếp nói đến chiến tranh, nên âm hưởng anh hùng ca không phải là âm hưởng chủ đạo. Nó không thể lấy những trận đánh, những cảm hứng đầy dũng khí đánh giặc làm cái tứ để triển khai hình tượng mà biết tìm đến một điểm tựa vững chãi thích hợp là văn hóa* [22, tr.128 – 129].

Bàn về nghệ thuật *Trường ca Trường Sơn*, trong bài viết “*Trường ca Trường Sơn*”- *những điểm nhấn*, Đoàn Minh Tâm đã có phát hiện: *Một điểm khá đặc biệt trong “Trường ca Trường Sơn” là nhân vật dẫn chuyện liên tục thay đổi* [22, tr.134]. Sau khi chỉ ra và phân tích các điểm nhìn thời gian, tác giả bài viết đi đến khẳng định: *Không hề có sự riêng rẽ phần này là thời gian quá khứ, phần kia là hiện tại, phần tiếp là tương lai. Sự thay đổi nho nhỏ trong cách sử dụng thời gian đồng hiện của Nguyễn Anh Nông là ở chỗ đó* [22, tr.133].

Trong *Vài cảm nhận khi đọc “Trường ca Trường Sơn”*, tác giả Phạm Thanh Khương rất chú ý đến cấu tứ, ngôn ngữ, ông đã có đánh giá: *Trường ca của anh cũng đã có sự chuyển trong cấu tứ, ngôn ngữ, cách nói, cách cảm, cách nhìn nhận mới về chiến tranh. Mỗi chương, mỗi khúc đã có sự “tinh táo” của người viết khi đề cập đến vấn đề chiến tranh. Và có lẽ vì thế, người đọc có cái nhìn tương đối đầy đủ, tương đối toàn diện về chiến tranh, không thấy chỉ có một màu mà có cái nhìn đa sắc* [22, tr.143].

2.2. Về trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*

Trong bài “*Gửi Bill Gates và trời xanh*” – *thông điệp xanh*, Hỏa Diệu Thúy đã đưa ra và phân tích về cách lựa chọn hình thức trò chuyện, đối thoại độc đáo của Nguyễn Anh Nông trong việc truyền tải thông điệp nội dung. Từ đó, tác giả đi đến nhận định từ những cuộc trò chuyện ấy, luôn mở ra nhiều vấn đề “nóng” của nhân loại thời hiện đại. Đồng thời, tác giả khẳng định: *Dù đối thoại về nhiều vấn đề, song thi sĩ hầu như không quên mục đích: khẳng định văn minh tinh thần, khẳng định giá trị tự thân, khẳng định lòng nhân hậu, truyền thống văn hóa, khẳng định thi ca* [22, tr.164].

Mở đầu bài viết “*Gửi Bill Gates và trời xanh*” – *một thông điệp văn hóa thời kỹ trị*, tác giả Trần Sáng đưa ra ý kiến: “*Gửi Bill Gates và trời xanh*” là lời tự sự của một chàng thi sĩ nông dân, đại diện cho nền văn hóa nông canh phương đông, với *Bil Gates*, chàng hiệp sĩ IT (*Information Techlonogy*) hiển hách, đại diện cho nền văn minh kỹ trị Tây Phương [22, tr.154]. Sau khi phân tích lợi thế của cách sử dụng ngôn ngữ chân mộc để nhà thơ bộc bạch những nỗi niềm, để xóa mờ khoảng cách giữa một nhà tỉ phú với một nhà thơ nông dân, tác giả bài viết đi đến nhận

định: *Cách nói có thể mộc mạc, thô sơ, song ngẫm ra, mới thấy nhìn đâu cũng thấy những vấn đề mang hơi thở thời đại* [22, tr.156].

Bàn về trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*, Nguyễn Văn Lai trong bài viết *Cảm nhận về bốn trường ca của Nguyễn Anh Nông* có nhận xét: *Với trường ca “Gửi Bill Gates và trời xanh”, Nguyễn Anh Nông trò chuyện và đối thoại với con người nổi tiếng và giàu có trên thế giới, trò chuyện với vũ trụ bao la, trời xanh mây trắng, với những đấng tối cao. Ở họ có đủ sức mạnh diệu kỳ của vật chất và tinh thần* [22, tr.194].

2.3. Về hai trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành*

Trong *Cảm nhận về bốn trường ca của Nguyễn Anh Nông*, Nguyễn Văn Lai đã có đánh giá: *Chẳng phải với trời xanh, chẳng phải với Bill Gates – nhà tỉ phú người Mỹ giàu nhất nhì thế giới và chẳng phải với một vĩ nhân nào khác, mà là với cha con Cu Lập Sơn – người bạn thơ sức khỏe yếu và cậu con trai chưa đầy ba tháng tuổi. Tức là Nguyễn Anh Nông muốn trò chuyện với những con người bình thường nhất, thậm chí là với những sinh linh bé nhỏ mới cất tiếng khóc chào đời, như một lời nhắn gửi, một thông điệp của cuộc sống về sự tồn tại và phát triển* [22, tr.192].

Kết thúc bài viết, Nguyễn Văn Lai đi đến khái quát về trường ca *Lập Thành*: *Nét phác họa một tương lai tươi sáng, nơi trải nghiệm tình đời, tình người, ở đó có cỏ cây hoa lá, có đế mèn, bò sữa, ghé ọ, cây đa, cây tre, cây lúa, cây ngô và cả siêu nhân; thể hiện ước mong cho thế giới này bình yên, thân thiện, hòa bình, có bánh mì và hoa hồng* [22, tr.196].

Người bạn thơ của Nguyễn Anh Nông là Đỗ Trọng Khơi, cũng là đối tượng được miêu tả trong hai trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành*, trong bài *Với Nguyễn Anh Nông và trường ca* đưa ra nhận xét: *Nguyễn Anh Nông, qua trường ca “Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn” và “Lập Thành” khá “mới”, có yếu tố “lạ” và có những câu, trường đoạn hay* [22, tr.186].

Cũng trong bài viết này, Đỗ Trọng Khơi còn chú ý đến cấu trúc: *Trường ca “Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn” được cấu trúc, lập tứ (một cái có, sự hình dung) qua hành trạng thời gian một số phận con người cụ thể* [22, tr.184]. Và ông

còn đưa ra nhận xét tinh tế: *Trường ca “Lập Thành” được dựng trong một không gian thân gần, trong trẻo, tươi mát, đó là khoảng không gian làng quê trong một thế giới hoàn toàn của trẻ thơ. Trong thế giới đó, Cu Lập Thành sống với tuổi thơ ngây, hồn nhiên cùng cây cỏ, đồ vật, cách chơi, cách nghĩ, suy tưởng của mình [22, tr.185].*

Đánh giá về sự hấp dẫn của *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành*, ở bài viết *Qua mỗi hành trình câu chữ (Đọc Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành)*, tác giả Đặng Văn Toàn viết: *Cái ma lực của “Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn” có thể hấp dẫn, cuốn hút được người đọc là bởi cách nói, giọng điệu khác lạ [22, tr.188].* Rồi tác giả đưa ra nhận xét về không gian của trường ca: *Mỗi chương hồi, mỗi đoạn, mỗi khổ là một không gian ấn tượng khác nhau. Tác giả rất giỏi tạo không gian thơ. Mỗi không gian thơ tạo ra một phía cuộc đời hoặc đào sâu vào một tầng tâm trạng [22, tr.190].*

Điểm lại lịch sử nghiên cứu về trường ca Nguyễn Anh Nông, chúng tôi nhận thấy các nhà nghiên cứu, phê bình đã có những nhìn nhận, đánh giá chân xác và tinh tế về trường ca Nguyễn Anh Nông nói chung và từng tác phẩm trường ca cụ thể của Nguyễn Anh Nông nói riêng. Đồng thời, họ cũng ghi nhận sự đóng góp của Nguyễn Anh Nông cho sự phát triển của thể loại trường ca. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về trường ca Nguyễn Anh Nông. Vậy nên chúng tôi đã lựa chọn *Trường ca Nguyễn Anh Nông* làm đề tài Luận văn Thạc sĩ khoa học Ngữ văn.

3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn đi vào tìm hiểu về tác giả Nguyễn Anh Nông; thể loại trường ca, một số đặc điểm của trường ca sau chiến tranh. Đồng thời, chúng tôi đi sâu vào phân tích, đánh giá những nét nổi bật và độc đáo về nội dung và nghệ thuật trong trường ca Nguyễn Anh Nông.

3.2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài này, chúng tôi hướng tới mục tiêu tìm hiểu những nét nổi bật về phương diện nội dung và nghệ thuật trong trường ca Nguyễn Anh Nông. Qua đó thấy được những đóng góp của nhà thơ đối với sự phát triển của thể loại trường ca nói riêng, của thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung.

4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có nhiệm vụ phân tích một cách hệ thống và có định hướng những sáng tác trường ca của Nguyễn Anh Nông để tìm ra những nét độc đáo về phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật trong các sáng tác trường ca của Nguyễn Anh Nông.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Ở luận văn này, chúng tôi sử dụng những phương pháp:

- Phương pháp nghiên cứu loại hình: nghiên cứu loại hình tác phẩm trường ca của Nguyễn Anh Nông để thấy được diễn tiến của thể loại trường ca trong dòng chảy văn học dân tộc.

- Phương pháp phân tích: phân tích để thấy được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong những tác phẩm trường ca cụ thể của Nguyễn Anh Nông.

- Phương pháp tổng hợp: giúp nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện.

- Ngoài những phương pháp trên, luận văn còn sử dụng các phương pháp hỗ trợ khác như: phương pháp tiếp cận thi pháp học, phương pháp tiếp cận văn hóa,...

5. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là bốn trường ca của Nguyễn Anh Nông:

- *Trường ca Trường Sơn* (2009)

- *Gửi Bill Gates và trời xanh* (2011)

- *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* (2012)

- *Lập Thành* (2012)

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phần tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được triển khai làm ba chương:

Chương 1: Trường ca Việt Nam hiện đại và sự xuất hiện của Nguyễn Anh Nông.

Chương 2: Nội dung trường ca Nguyễn Anh Nông.

Chương 3: Nghệ thuật trường ca Nguyễn Anh Nông.

7. Đóng góp của luận văn

Thực hiện đề tài này, chúng tôi mong muốn được góp thêm một cách nhìn, cách cảm thật toàn diện và sâu sắc về trường ca của Nguyễn Anh Nông, đồng thời thấy được vị thế của nhà thơ mặc áo lính trên thi đàn Việt Nam đương đại.

NỘI DUNG

Chương 1

TRƯỜNG CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI VÀ SỰ XUẤT HIỆN CỦA NGUYỄN ANH NÔNG

1.1. Trường ca Việt Nam hiện đại

1.1.1. Khái niệm trường ca

Trong văn học Việt Nam hiện đại, trường ca là thể loại có đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của tư duy thơ Việt nói riêng, sự phát triển của văn học nói chung. Là thể loại đặc biệt của văn chương, trường ca đã thu hút được sự quan tâm, chú ý của nhiều nhà nghiên cứu, trường ca cũng là sân khấu lí tưởng được nhiều nhà thơ lựa chọn để trình diễn và thể hiện tài năng của mình. Tuy đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài nhưng cho đến nay trường ca vẫn được xem là thể loại chưa ổn định. Theo nhà nghiên cứu về trường ca M. Bakhtin: trường ca là khái niệm *không bao giờ bị đông cứng* nghĩa là trường ca là thể loại văn chương đang biến chuyển và chưa định hình. Nhà nghiên cứu Vũ Đức Phúc trong *Chung quanh vấn đề trường ca* cũng đưa ra nhận xét: *Trường ca là một thuật ngữ văn học mới, chưa chính xác, chưa ổn định, để chỉ các sáng tác thơ dài* [52; tr.93 - 102]. Chính vì là thể loại chưa ổn định nên cho đến nay người ta thật khó mà đưa ra được khái niệm trường ca một cách chính xác và đầy đủ. Tuy nhiên các nhà lí luận, phê bình văn học cũng cố gắng đưa ra cách hiểu của mình về khái niệm và tên gọi trường ca, song ở các điểm nhìn và góc độ khác nhau nên các ý kiến đưa ra cũng có sự khác nhau.

Theo nhóm tác giả cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* bao gồm Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi thì trường ca trong tiếng Pháp là "Poème" chỉ *những tác phẩm thơ có dung lượng lớn, thường có cốt truyện tự sự hoặc trữ tình* [14; tr.376]. Trường ca cũng được dùng để chỉ các tác phẩm sử thi (épopée) thời cổ và thời trung đại, khuyết danh hoặc có tác giả. Ở Việt Nam, tên gọi "trường ca" một thời dùng để chỉ các sử thi dân gian như *Đăm Săn*, *Xinh Nhã*, nay thường được dùng để chỉ các sáng tác thơ dài của các tác giả như *Bài ca chim chơ rao* của Thu

Bòn, *Theo chân Bác* của Tố Hữu. Nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến cũng đồng quan điểm với các tác giả *Từ điển thuật ngữ văn học*, ông có đánh giá: "*Trường ca*" chỉ có nghĩa là tác phẩm thơ dài, số lượng câu thơ lớn: hàng trăm, hàng ngàn câu [18; tr.44]. Theo nhà nghiên cứu văn học người Nga Tynhianov, trường ca chính là độ lớn. Và nhà nghiên cứu X. I. Kormilov cũng cho rằng: trường ca (*tiếng Hi Lạp: Poëma - sáng tác*) theo quan điểm hiện đại là các tác phẩm thơ ca có dung lượng lớn và vừa [75; tr.9].

Như vậy, với việc xác định trường ca là tác phẩm thơ có dung lượng lớn, tác phẩm thơ dài, các nhà nghiên cứu đã xác định khái niệm trường ca về mặt định lượng dựa vào những dấu hiệu bề ngoài. Không dừng lại ở đó, giới nghiên cứu còn cố gắng đi tìm một định nghĩa để chỉ ra những đặc điểm bản chất của trường ca.

Về vấn đề này, nhà lí luận, phê bình văn học nổi tiếng người Nga Biêlinxki đã đưa ra đánh giá: *Trong thơ đương đại có một loại tự sự đặc biệt, nó không dung nạp văn xuôi của đời sống, nó chỉ chớp lấy những yếu tố mang tính chất thơ, chất lí tưởng của cuộc sống mà nội dung là những chiêm nghiệm sâu sắc nhất về thế giới và những vấn đề đạo đức của nhân loại hiện đại. Thể loại này giữ riêng cho mình từ Poëma* [9; tr.48]. Trong cuốn tiểu luận phê bình *Thơ Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng* khi chỉ ra hiện tượng nở rộ của trường ca Việt Nam sau chiến tranh, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Điệp có đánh giá: *Các trường ca thường dung nạp trong nó yếu tố tự sự rõ nét, thông qua các sự kiện, biến cố xảy ra trong đời sống để trình bày những suy ngẫm của nhà thơ về dân tộc, con người* [13; tr.77]. Nhà nghiên cứu Vũ Văn Sỹ cũng cho rằng: *Trường ca là hình thức biểu hiện lớn cái tôi trữ tình trước các hiện tượng tinh thần của đời sống có ý nghĩa với cộng đồng* [64; tr.8]. Hoàng Ngọc Hiến trong bài *Về đặc trưng của trường ca* trong khi so sánh các trường ca của Việt Nam với trường ca trong văn học phương Tây đã nhấn mạnh trường ca không nhất thiết lấy sự chuyển động của các sự kiện lớn làm mạch văn, mà thường lấy cảm xúc trực tiếp của tác giả đối với sự kiện và nhân vật là động lực thúc đẩy mạch văn phát triển [17; tr.56]. Nhìn vào các ý kiến trên ta thấy các nhà nghiên cứu đã chỉ ra được đặc điểm chung của trường ca, ở thể loại trường ca có sự kết hợp chặt chẽ giữa hai yếu tố trữ tình và tự sự.

Như vậy, từ việc liệt kê các ý kiến trên, chúng tôi nhận thấy các nhà nghiên cứu, lí luận văn học tuy mỗi người đều đưa ra cách hiểu riêng của mình về khái niệm trường ca song các ý kiến đều có điểm chung thống nhất đó là: Trường ca là những tác phẩm vừa có "tâm cỡ", "tâm vóc", lớn lao cả về hình thức lẫn nội dung vừa có tính tự sự, tính trữ tình và yếu tố chính luận.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của thể loại trường ca trong văn học Việt Nam hiện đại

Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, thể loại trường ca ra đời và phát triển đã đáp ứng yêu cầu của lịch sử, xã hội là phản ánh và tổng kết cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Cùng với các thể loại khác, trường ca đã góp phần làm cho nền văn học dân tộc phát triển toàn diện và ngày càng hoàn thiện hơn. Nhà nghiên cứu Lã Nguyên đã khẳng định sự xuất hiện của trường ca trong giai đoạn 1945 -1975 là một nhu cầu tất yếu nằm trong hệ thống các thể loại văn học Việt Nam. *Có thể nói, văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 không thiếu một thể loại nào: truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, các loại kí: kí sử, bút kí, tùy bút, truyện kí, các thể thơ: thơ tứ tuyệt, thơ trào phúng, truyện thơ, trường ca* [50; tr.208].

Trong nền văn học dân tộc nói chung, thơ ca nói riêng, trường ca đã có lịch sử từ lâu đời. Trước đây, các sáng tác dân gian của các dân tộc thiểu số mang âm hưởng anh hùng ca như sử thi *Đăm Săn, Đăm Noi, Xinh Nhã*,... hay truyện thơ *Đẻ đất đẻ nước* đều được xem là trường ca. Đến văn học trung đại, tuy thành tựu nổi bật của thời kì này là thơ ca, song do tính qui phạm chặt chẽ nên các nhà thơ không thể tìm đến những thể loại mới để bộc lộ cảm xúc của mình. Chính vì vậy các tác phẩm thuộc thể loại trường ca không có điều kiện để xuất hiện. Bước sang đầu thế kỉ XX, quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc diễn ra một cách mạnh mẽ và toàn diện. Các thể loại văn học, đặc biệt là thơ và văn xuôi đều phát triển nhanh và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Nói riêng về thơ ca, sự thắng thế và ra đời của phong trào Thơ mới (1932- 1945) đã thực sự mở ra "Một thời đại mới trong thơ ca" (Hoài Thanh), các nhà thơ mới đã mang lại cho thơ ca dân tộc một tiếng nói mới, một hình thức biểu đạt tự do, phóng khoáng, điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi để

các sáng tác thơ dài ra đời. Nhà thơ mới tìm đến sáng tác thơ dài theo hình thức của thể loại trường ca là Phạm Huy Thông với tác phẩm *Tiếng địch sông Ô*. Tuy nhiên, ở sáng tác này mới chỉ tập trung vào việc biểu hiện cái tôi cá nhân, cá thể riêng lẻ chứ chưa bắt rễ vào đời sống hiện thực nên chưa phản ánh được tinh thần chung của cộng đồng dân tộc. Như vậy, thực công bằng mà nói văn học Việt Nam đến thời kì Thơ mới vẫn chưa thực sự có tác phẩm được gọi là trường ca đáp ứng được đặc trưng cơ bản của thể loại là khả năng khái quát, tổng hợp, phát triển.

Trường ca Việt Nam hiện đại đã chính thức xuất hiện sau cách mạng tháng Tám 1945. Từ chỗ xuất hiện lẻ tẻ trong thời kì kháng chiến chống Pháp, trường ca phát triển mạnh mẽ trong những năm chống Mĩ và mười năm sau chiến tranh. Khi đất nước bước vào thời kì đổi mới, trường ca có sự chững lại. Từ năm 1990 đến nay, trường ca đã xuất hiện trở lại và ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong dòng chảy văn học dân tộc.

Trong Văn học Việt Nam hiện đại, nhiều nhà nghiên cứu đã lấy mốc từ năm 1945 đến năm 1965 làm giai đoạn mở đầu của thể loại trường ca. Là giai đoạn thể nghiệm của thể loại, tuy trường ca chưa có được thành tựu gì đáng kể, đội ngũ sáng tác còn thưa thớt, số lượng tác phẩm còn khiêm tốn, ý thức về thể loại chưa sâu sắc, sự phân định giữa trường ca với các thể thơ trường thiên khác cũng chưa thật rạch ròi nhưng thể loại này đã gây được sự chú ý với sự xuất hiện của những tác giả, tác phẩm như: Xuân Diệu với *Ngọn Quốc kì* (1945) và *Hội nghị non sông* (1946); Khương Hữu Dụng với *Từ đêm mười chín* (1948); Hà Thanh Đầu với *Việt Nam hùng sử ca* (1949); Phùng Quán với *Tiếng hát trên địa ngục Côn Đảo* (1954); Văn Cao với *Những người trên cửa biển* (1956); Xuân Hoàng với *Du kích sông Loan* (1962); ...Nhìn chung, các tác phẩm kể trên đã phản ánh được một số sự kiện nổi bật và ghi lại được hình tượng người chiến sĩ cách mạng trong thời kì kháng chiến chống Pháp và những năm đầu kháng chiến chống Mĩ. Tuy nhiên, ở các trường ca này giá trị nghệ thuật cũng như tư tưởng chưa có kết tinh lớn, chưa khái quát được những đặc trưng của thể loại trường ca. Đến năm 1964, *Bài ca chim chơ - rao* của Thu Bồn ra đời là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của trường ca Việt Nam.

Bước sang giai đoạn từ 1965 đến 1985, do nhu cầu khái quát và tổng kết lịch sử nên nhiều nhà thơ đã lựa chọn trường ca là thể loại thích hợp để sáng tác. Đây chính là giai đoạn trường ca Việt Nam nở rộ, phát triển mạnh mẽ và trở thành hiện tượng văn học được chú ý trong những năm chống Mĩ và mười năm sau chiến tranh. Dựa vào bối cảnh lịch sử, lấy năm 1975 làm mốc, có thể chia sự phát triển của trường ca ở giai đoạn này làm hai chặng đường là mười năm trong chiến tranh và mười năm sau chiến tranh.

Từ năm 1965 đến 1975 là thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đang diễn ra quyết liệt và đây cũng là thời kì trường ca nở rộ. Hàng loạt cây bút đã khẳng định được tên tuổi của mình, hàng loạt những bông hoa trường ca khoe sắc, tỏa hương. Tiêu biểu như Lê Anh Xuân với trường ca *Nguyễn Văn Trỗi* (1967); Giang Nam với *Người anh hùng Đồng Tháp* (1968); Tố Hữu với *Theo chân Bác* (1970) và *Nước non ngàn dặm* (1973); Thu Bồn với *Vách đá Hồ Chí Minh* (1970), *Người gồng gánh phương Đông* (1972) và *Quê hương mặt trời vàng* (1975); Hương Triều với *Hành trình* (1971); Liên Nam với *Trên cát trắng* (1973); Trần Đăng Khoa với *Khúc hát người anh hùng* (1974); Nguyễn Khoa Điềm với *Mặt đường khát vọng* (1974);...Nếu như các sáng tác trường ca ở giai đoạn trước phản ánh hiện thực ở độ hẹp về không gian, thời gian và đối tượng thì đến giai đoạn này có thể nói chính sự sôi động của đời sống kháng chiến đã giúp các tác giả trường ca đi sâu vào phản ánh được nhiều phương diện của cuộc kháng chiến. Bên cạnh đó, các trường ca ở chặng đường này chủ yếu là trường ca có cốt truyện nhưng chất tự sự, trữ tình, triết lí ngày càng được tăng cường và được kết hợp nhuần nhuyễn với nhau góp phần tạo nên chiều sâu tư tưởng cho tác phẩm. Tuy nhiên, nhìn vào đội ngũ sáng tác trường ca ở chặng đường này thì phần lớn các tác giả đều là những người lính trực tiếp cầm súng chiến đấu, họ lại viết trong hoàn cảnh chiến tranh nên hiện thực phản ánh trong tác phẩm còn bề bộn, mới chỉ ở mức liệt kê phác thảo, chưa thực sự đi vào chiều sâu. Nhìn chung trường ca ở chặng đường này vẫn còn có những hạn chế nhất định về cả nội dung phản ánh và nghệ thuật biểu hiện.

Sang chặng đường mười năm sau chiến tranh (1975 - 1985), đất nước được giải phóng và thống nhất, các tác giả trường ca, những người đã lăn lộn trong chiến tranh khốc liệt để đưa cuộc kháng chiến của dân tộc đi đến thắng lợi cuối cùng, hơn

ai hết họ nhận thức rõ về sự lớn lao, vĩ đại của một dân tộc, về niềm vui chiến thắng và họ càng nhận thức rõ rằng để có được vinh quang chiến thắng thì dân tộc ta phải đánh đổi bằng biết bao mất mát, đau thương. Với nhu cầu khái quát và tổng kết lịch sử, trường ca viết sau chiến tranh đã bùng nổ và phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng tác phẩm. Hàng loạt các tác giả trường ca có lực viết dồi dào, hàng loạt các tác phẩm trường ca vừa có dung lượng lớn, vừa chứa đựng giá trị tư tưởng sâu sắc và được đánh giá là có giá trị nghệ thuật cao tiêu biểu như: *Những người đi tới biển* (1976), *Ngọn sóng mặt trời* (1982), *Khối vuông ru - bích* (1985) của Thanh Thảo; *Ba zan khát* (1976), *Cam Pu Chia hi vọng* (1978), *O ran 76 ngọn* (1980) của Thu Bồn; *Sông núi trên vai* (1977), *Sông Mê không bốn mắt* (1981), *Điệp khúc vô danh* (1983) của Anh Ngọc; *Người anh hùng đất Hoan Châu* (1976), *Ngày hội rạng đông* (1978), *Hành khúc mùa xuân* (1980); *Đường tới thành phố* (1979) của Hữu Thịnh; *Con đường của những vì sao* (1978) của Nguyễn Trọng Tạo; *Mặt trời trong lòng đất* (1979), *Đất nước hình tia chớp* (1980) của Trần Mạnh Hảo; *Trường ca sư đoàn* (1980) của Nguyễn Đức Mậu;...Có thể nói, những sáng tác trường ca ở thời kỳ này tuy vẫn chủ yếu viết về chiến tranh và cách mạng, song các tác giả đã có những góc nhìn nhận rộng hơn, toàn diện hơn trong việc chiếm lĩnh con người và sự kiện. Nếu các trường ca ra đời trong chiến tranh thường lấy kết cấu sự kiện, cốt truyện và giọng điệu ngợi ca làm điểm tựa thì trường ca sau chiến tranh lại lấy mạch ngầm tư tưởng cảm xúc làm kết cấu chính và lấy giọng điệu suy tư, triết lí làm chủ đạo. Vì vậy trường ca sau năm 1975 ngày càng có xu hướng nghiêng về thể sự, các nhà trường ca đã thể hiện được sự nhận thức, suy ngẫm và triết luận của mình về các vấn đề hiện thực.

Từ năm 1986 đến nay, đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, hiện thực cuộc sống và không khí thời đại đã có sự thay đổi nhiều so với giai đoạn trước, trường ca có sự chững lại. Số nhà thơ tìm đến trường ca để khẳng định "sức vóc" ngòi bút của mình như giai đoạn trước là không nhiều, các tác phẩm trường ca xuất hiện cũng thưa thớt hơn. Đáng chú ý là nhà thơ Vĩnh Quang Lê với tác phẩm *Tốc độ lớn của tình yêu* (1986), sau đó trường ca đã lắng xuống trong một khoảng thời gian khá dài. Từ khoảng năm 1994 đến nay, trường ca đang có sự "hồi sinh" trở lại. Bên cạnh các tác giả đã thành danh từ trước, có sự gia nhập

của những nhà trường ca mới, ta có thể điểm qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu như: Hữu Thịnh với *Trường ca biển* (1994); Thi Hoàng với *Gọi nhau qua vách núi* (1994); Nguyễn Quang Thiều với *Nhịp độ châu thổ mới* (1997); Mai Văn Phan với *Người cùng thời* (1999); Hoàng Trần Cương với *Trầm tích* (1999); Giang Nam với *Sông Dinh mùa trăng khuyết* (2000); Lê Thị Mây với *Lửa mùa hong áo* (2003); Nguyễn Hưng Hải với *Mảnh hồn chim Lạc* (2003); Trần Anh Thái với *Đổ bóng xuống mặt trời* (1999), *Trên đường* (2004) và *Ngày đang mở sáng* (2007); Nguyễn Anh Nông với *Trường ca Trường Sơn* (2009), *Gửi Bill Gates và Trời xanh* (2011), *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* (2012) và *Lập Thành* (2012);...Nội dung cảm hứng của trường ca giai đoạn này, đặc biệt là các tác phẩm được viết trong những năm gần đây đã được mở rộng, cảm hứng sử thi đã dần nhường chỗ cho cảm hứng thế sự đòi thường trong thời hiện đại. Một số trường ca tuy vẫn khai thác về đề tài chiến tranh nhưng các tác giả đã có cái nhìn đa chiều về chiến tranh. Về nghệ thuật, các tác giả đã có ý thức phá vỡ cấu trúc, không theo mô hình cấu trúc cố định mà nhận thức và chiếm lĩnh hiện thực theo cách riêng của mình, mở rộng trường liên tưởng, chú trọng xây dựng các biểu tượng,...

Như vậy, qua việc tìm hiểu ở trên, ta thấy trường ca Việt Nam hiện đại đã trải qua các giai đoạn phát triển và biến đổi không ngừng để phù hợp với xu thế vận động chung của nền văn học và đáp ứng yêu cầu tổng hợp và khái quát hiện thực đời sống. Nhờ sự tìm tòi và thể nghiệm của nhiều thế hệ nhà thơ qua các thời kì, trường ca đã dần dần được hoàn thiện và đang khẳng định được vị trí quan trọng trong tiến trình phát triển của nền văn học dân tộc.

1.1.3. Một số đặc điểm của trường ca sau chiến tranh

1.1.3.1. Trường ca được nhìn bằng con mắt hậu chiến

Dân tộc Việt Nam đã phải trải qua nhiều cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược. Đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã lập nên bao chiến công lẫy lừng không chỉ giữ gìn được nền độc lập dân tộc mà còn gây tiếng vang lớn đối với nhân loại. Tuy nhiên, để có được thắng lợi vinh quang ấy, dân tộc ta phải đánh đổi bằng biết bao xương máu. Tuy chiến tranh đã lùi xa hơn bốn mươi năm nhưng những mất mát, đau thương nó để lại trên

thân hình đất nước và con người Việt Nam là vô cùng nặng nề và dai dẳng, nó nhắc nhở chúng ta không được phép quên. Viết về chiến tranh đã trở thành chủ đề lớn trong văn học nói chung, trong trường ca nói riêng.

Như trên đã nói, đội ngũ các nhà thơ sáng tác trường ca sau chiến tranh chủ yếu là những người lính đã kinh qua cuộc chiến. Giờ đây chiến tranh đã qua đi, các nhà thơ đã có độ lùi thời gian để nhìn nhận lại cuộc chiến bằng cái nhìn từ thẳm sâu tâm hồn mình trên cơ sở của tinh thần dân chủ. Trong chiến tranh, do yêu cầu của lịch sử là cứu nước giải phóng dân tộc, trong lúc triệu triệu con người Việt Nam đang trong khí thế hào hùng *Xẻ dọc trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai* thì người ta không được phép nói đến mất mát, bi thương. Ở thời kì hậu chiến, các trường ca viết về chiến tranh không còn né tránh hiện thực mà đã có cái nhìn đa chiều về chiến tranh. Các nhà thơ không còn ca ngợi một chiều về về sự hi sinh, chiến công và ý thức trách nhiệm của con người đối với đất nước mà đã đi vào phản ánh chân thực về những mất mát đau thương đến tột cùng của con người. Hình tượng nhân vật trung tâm trong các sáng tác trường ca này vẫn là người lính. Họ là linh hồn của cuộc kháng chiến, là những con người đã làm nên thắng lợi vẻ vang giành độc lập, tự do cho dân tộc. Nhà nghiên cứu Lưu Khánh Thơ có nhận xét: *Người lính trong trường ca thời chống Mĩ hiện lên với bút pháp lãng mạn bay bổng luôn tỏa hào quang chiến thắng, nay được miêu tả với bút pháp hiện thực tinh táo, nhân vật hiện ra sống động thật hơn* [70]. Quả thật viết về người lính, các tác giả đã miêu tả một cách sinh động hiện thực khốc liệt mà người lính đã phải trải qua. Trần Anh Thái đã miêu tả chi tiết đầy ám ảnh về hiện thực *Mắt người hấp hối* vì đói khát nhiều ngày, vì tập trung chiến đấu nhiều đêm không chớp mắt nên mi mắt bị căng cứng: *Hành quân/ Mắt người hấp hối/ Cơm sẵn, canh rùng/ Sóng chết dưng dưng (Ngày đang mở sáng)*. Với Nguyễn Anh Nông, những bước hành quân khó nhọc và đói khát của người lính là những kỉ niệm không bao giờ quên: *Gió thốc/ Nắng xém/ Tóc cứng/ Miệng khát/ Họng rát/ Mắt chói/ Bụng đói (Trường ca Trường Sơn)*.

Tuy nhiên khi tái hiện sự khốc liệt mà người lính phải đối diện trên đường hành quân cũng chỉ là phong nền để các tác giả tô đậm cái hào hùng. Nhưng cảm hứng lãng mạn không còn là cảm hứng chính, mà các nhà thơ đã chú trọng vào bi kịch của chiến tranh, bi kịch của thời hậu chiến. Sự hi sinh, hậu quả của chiến tranh

với những bi kịch cá nhân là nội dung phản ánh phổ biến trong các sáng tác trường ca sau chiến tranh. Ngày nay đất nước đã hòa bình, song các nhà thơ vẫn luôn bị ám ảnh bởi sự mất mát quá lớn của dân tộc. Nguyễn Đức Mậu trong **Mở bàn tay gặp núi** đã rất thẳng thắn khi nói về cái chết: *Nếu nắm mộ nói hàng thay cột cây số/ Đường Trường Sơn sẽ dài gấp bao lần.*

Trong **Những hồi chuông màu đỏ**, Nguyễn Hữu Quý cũng bị ám ảnh bởi sự hi sinh mất mát và nỗi đau chiến tranh, hiện hiện trước mắt nhà thơ là những nghĩa trang với những bát hương nghi ngút khói:

Nằm kê nhau

Những nắm mộ giống nhau

Mười nghìn bát hương

Mười nghìn ngôi sao cháy

Mười nghìn tiếng chuông ngân trong im lặng

Mười nghìn trái tim neo đậu ở đầu nguồn.

Và rồi nhà thơ thể hiện niềm trân trọng đối với những người con của quê hương đã dũng cảm chiến đấu và hi sinh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Nhưng tránh sao khỏi nỗi ngậm ngùi, chua xót khi trên mộ các anh, các chị là dòng chữ liệt sĩ vô danh: *Chết không còn tuổi đã đành/ Cái tên mẹ đặt cũng thành khói mây/ Biết hồn xanh cỏ, xanh cây/ Vô danh vẫn cứ đắng cay lòng mình (Những hồi chuông màu đỏ).*

Trong chiến tranh, khi viết về người lính, các nhà thơ tránh đề cập đến số phận cá nhân là điều cần thiết. Nhưng sau chiến tranh, các tác giả viết trường ca đã không ngần ngại đi vào phản ánh số phận người lính cùng những tâm tư, tình cảm và khát vọng đời thường của họ. Ở trường ca **Trong Chiến tranh - chín khúc tưởng niệm**, Nguyễn Thái Sơn đã thay lời các chiến sĩ đã hi sinh nói lên những khát vọng thầm kín, những khát vọng hết sức nhân bản của con người: *Hương vị trái Đào Tiên chỉ có trên Trời!! Tình yêu tình dục/ Nghe kể rồi tưởng tượng/ Không sờ tay, không nhìn tận mắt/ Bạn tôi, em tôi chết trận/ Riêng điều ấy mười mười có thật/ Chôn vùi lấp vàng những thi thể con trai/ Chưa từng cọ sát da thịt phụ nữ mỡ màu ấm nóng.*

Trường ca sau chiến tranh không chỉ hướng cái nhìn về chiến tranh mà còn có cái nhìn chân thực và sắc lạnh hơn về số phận của con người sau chiến tranh, đặc biệt là số phận của những người lính trở về quê hương. Khi cầm súng chiến đấu, người lính luôn mang theo bên mình lí tưởng xả thân để bảo vệ đất nước, bảo vệ những người thân yêu. May mắn hơn những đồng đội đã hi sinh, họ từ cõi chết trở về những tương sẽ được sống hạnh phúc bên gia đình và những người thân yêu nhưng cuộc đời đâu có đơn giản như thế! Trong *Nhật kí dòng sông*, Nguyễn Trọng Bính đã thay lời người lính bộc bạch nỗi niềm cay đắng của mình khi trở về quê hương: *Mồ côi mẹ thuở rừng sâu/ Khói bom nghi ngút trắng màu khăn tang/ Bước chân về tận đầu làng/ Vợ mình đã hóa vợ chàng đầu đầu/ Hai chồng một vợ gặp nhau/ Riêng anh xin nhận nỗi đau ba người*. Chiến tranh đã trở thành thủ phạm lấy đi của các anh bao nhiêu thứ quý giá trên đời: tuổi trẻ, tình yêu và mái ấm gia đình. Nhưng với bản lĩnh, lòng vị tha của một người lính, anh sẵn sàng nhận nỗi đau về mình để cho người vợ được hạnh phúc bên người chồng mới.

Nguyễn Anh Nông không chỉ cảm nhận được tốt cùng những cơn đau vật vã đang dày vò cơ thể người lính Trường Sơn khi về giữa cuộc sống đời thường mà còn thấu hiểu nỗi đau, sự bất lực của người vợ khi chứng kiến chồng thoi thóp thờ:

Ngày cha vật vã cơn đau

Tiền nông không công được giấc mơ

Mẹ bất lực nhìn cha thoi thóp thờ

Dằng dặc Trường Sơn trong mắt mẹ buồn.

(*Trường ca Trường Sơn*)

Trong *Mở bàn tay gặp núi*, Nguyễn Đức Mậu còn nói lên một bi kịch đau xót khác: người lính trở về mang theo bao thương tích của chiến tranh, những thương tích đó đang ngày ngày hành hạ anh cả về thể xác lẫn tinh thần: *Người lính đi qua vùng bom hóa học/ Khói chiến tranh đen/ Thấm vào máu anh hồng/ Con anh/ Đưa chết tuổi lên ba/ Đưa mang thương tật/ Màu da con anh màu khói bom trải dọc/ Cánh rừng.*

Trường ca sau chiến tranh không chỉ quan tâm phản ánh số phận của con người với những nỗi đau bi kịch của thời hậu chiến mà còn hướng tới phản ánh những vấn đề bộn bề của cuộc sống mà con người trong thời hiện đại đang phải đối diện như sinh tử, thiện ác, nỗi buồn vui, sự sướng khổ. Trong trường ca *Lòng hải lý*, Đỗ Quyên đã phản ánh chân thực tâm trạng của kẻ xa quê với những khắc khoải về quê hương đất nước, về cuộc sống tha hương và phận người nơi đất khách: *Mẹ nằm xuống/ Bằng chân của mình/ con đi/ những bước dài không điểm tựa/ những lối đường không lượng định/ Không nhìn ngó hai bên, không ngoái lại một lần*. Trong trường ca *Gửi Bill Gates và Trời xanh*, Nguyễn Anh Nông lại đề cập đến những vấn đề thời sự nóng bỏng của thế giới đó là chiến tranh và khủng bố để qua đó gửi gắm khát vọng hòa bình cho nhân loại:

Tòa tháp đôi sụp đổ

tan tành

Tổng thống Hút - xen bị treo cổ

Bin laden - Bush - Tony Blair...

Máu và lửa

Đồng đô la voi dân trong túi người dân

Con quỷ chiến tranh mọc dạ dày người lao động.

Với *Hành trình của con kiến*, sự chăm chỉ, cần mẫn của loài kiến đã giúp nhà thơ Lê Minh Quốc liên tưởng và xây dựng thành công hình ảnh lặng lẽ, lầm lũi của nhà thơ trên hành trình trong cõi dẫu bề của thi ca. Đó là một hành trình tự nguyện dần thân, tự nhận thức về sứ mệnh và ý thức trách nhiệm của người nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật: *Con kiến đo từng ki lô mét/ Bao giờ đo cho hết quả địa cầu? / Giọt sương sớm hữu hình trong nháy mắt / Tiếng chuông nào vọng đến ngàn sau?*

Trường ca được nhìn bằng con mắt hậu chiến là một trong những đặc điểm nổi bật của trường ca sau chiến tranh. Khi viết về chiến tranh, các tác giả không chỉ làm nổi bật sự khốc liệt của cuộc chiến mà còn đi sâu vào phản ánh những nỗi đau của con người sau chiến tranh. Quan sát sự vận động của dòng chảy trường ca sau

chiến tranh đến nay, chúng tôi nhận thấy trường ca đang có sự chuyển mình từ cảm hứng sử thi sang cảm hứng thế sự, đòi thường. Thực tế này không chỉ cho thấy xu thế vận động của trường ca phù hợp với xu thế vận động chung của nền văn học trong thời hiện đại mà còn khẳng định sức sống mãnh liệt của thể loại trường ca trong dòng chảy văn học dân tộc.

1.1.3.2. Trường ca được biểu hiện bằng lối viết hậu hiện đại

Theo cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* của nhóm tác giả Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi: *Chủ nghĩa hậu hiện đại (tiếng Pháp: postmodernisme) là thuật ngữ đa nghĩa, được sử dụng linh hoạt, nhằm chỉ một trào lưu tư tưởng, văn hóa, một hệ thống quan niệm bao trùm nhiều lĩnh vực khác nhau, như lí luận khoa học, triết học, nhận thức luận, mỹ học, nghiên cứu, phê bình văn học. Chủ nghĩa hậu hiện đại là một phản ứng tâm lí, một kiểu chiếm lĩnh thế giới, cảm thức vũ trụ, một cách đánh giá những khả năng nhận thức, cũng như vai trò, vị trí của con người trong thế giới khách quan* [14; tr.71]. Chủ nghĩa hậu hiện đại với tư cách là một khuynh hướng phê bình văn học hiện đại, có ý đồ khám phá, phát hiện ở cấp độ tổ chức văn bản nghệ thuật tập hợp tư tưởng - tình cảm mang nội dung vũ trụ quan.

Thuật ngữ *Chủ nghĩa hậu hiện đại* được xác định xuất hiện từ cuối những năm bảy mươi của thế kỉ XX. Đầu tiên là ở Mỹ rồi lan rộng sang các nước châu Âu. Đến nay chủ nghĩa hậu hiện đại đã lan tỏa trên khắp thế giới, được thừa nhận và thậm chí được coi là một khuynh hướng chủ đạo của nghệ thuật đương đại. *Chủ nghĩa hậu hiện đại trong nghệ thuật nói chung, trong văn học nói riêng là thuật ngữ bao quát được nhiều người dùng để chỉ các xu hướng văn học - nghệ thuật ngoài chủ nghĩa hiện thực truyền thống* [21].

Chủ nghĩa hậu hiện đại vào Việt Nam từ đầu thế kỉ XXI. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Điệp *Trong khi có một số nhà nghiên cứu vẫn băn khoăn, nghi ngờ về hậu hiện đại, coi đó như là sự chông chéo khái niệm thì nhiều người lại nói đến dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Việt Nam* [13; tr.13]. Như vậy, tuy các nhà lí luận vẫn chưa tìm được sự nhất trí về nguồn gốc, đặc tính tồn tại của chủ nghĩa hậu hiện đại ở Việt Nam nhưng đã có sự xuất hiện những công trình nghiên cứu về chủ nghĩa hậu hiện đại, và cũng đã xuất hiện các tác giả, tác phẩm

viết theo lối hậu hiện đại. Văn học Việt Nam vẫn đang trên con đường hội nhập để hòa vào dòng chảy văn học thế giới và lẽ dĩ nhiên, trường ca cũng không thể đi chệch con đường chung ấy. Có thể nói trường ca sau chiến tranh, đặc biệt là những sáng tác trường ca gần đây, các tác giả đã chú ý đến lối viết của chủ nghĩa hậu hiện đại. Ở đây khi bàn đến đặc điểm của trường ca sau chiến tranh, chúng tôi sẽ chỉ ra dấu hiệu và một số đặc điểm, thủ pháp để thấy được trường ca được biểu hiện bằng lối viết hậu hiện đại.

Trước tiên có thể nói, liên kết văn bản và sự trộn lẫn các loại hình văn học nghệ thuật khác nhau là điểm nổi bật của lối viết hậu hiện đại. Trong trường ca, yếu tố cảm xúc đóng vai trò vô cùng quan trọng. Do sự đa dạng nội tại của nguồn mạch cảm xúc và tư tưởng nên các tác giả trường ca đều tìm cách vận dụng đa dạng các thể loại văn học, các thủ pháp cấu trúc của nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau để xây dựng cấu trúc tác phẩm. Trong trường ca sau chiến tranh, thể loại quen thuộc là thơ tự do song ở nhiều trường ca đã có sự trộn lẫn với thơ văn xuôi. Người đầu tiên có ý thức đưa thơ văn xuôi vào trường ca là Thanh Thảo trong *Khối vuông rubic*. Sau đó, ta thấy thơ văn xuôi xuất hiện ngày càng nhiều trong các trường ca như: *Người cùng thời* của Mai Văn Phấn, *Trên đường* và *Ngày đang mở sáng* của Trần Anh Thái, *Hành trình của con kiến* của Lê Minh Quốc, *Phồn sinh* của Nguyễn Linh Khiếu,...Yếu tố âm nhạc cũng xuất hiện trong nhiều trường ca. Chẳng hạn, ta bắt gặp trong trường ca *Lập Thành* của Nguyễn Anh Nông hai yếu tố nhạc và thơ hòa quện vào nhau tạo thành bản trường ca tràn ngập âm thanh: *Tuyết bóng/ Lửa lạnh/ Đất nâu/ Trời xanh/ Lộc non/ Chồi biếc/ Mắt/ Môi/ Má hồng/ Đắm đuối/ Gió/ Hồn ghen/ Mây/ Lòng lộn...* Trong trường ca có cả lối cấu trúc điện ảnh, tiêu biểu như trường ca *Ba dan khát* và *Oran bảy sáu ngọn* của Thu Bồn. Chẳng hạn như trường ca *Ba dan khát* có cấu trúc gồm chín phần như một kịch bản phim tập trung vào ba cảnh chính: Tây Nguyên thời quá khứ, Tây Nguyên trong chiến tranh và Tây Nguyên thời hòa bình.

Phân mảnh là một thủ pháp quan trọng của văn chương hậu hiện đại. Người đọc có thể tìm thấy những mảnh vụn rời rạc trong cốt truyện, tính cách nhân vật, đề tài, hình ảnh và tình tiết xuyên suốt toàn bộ tác phẩm. Nó bao gồm một chuỗi các sự kiện, con số, hành động tiếp nối nhau theo trình tự nào đó. Trong các tác phẩm

trường ca sau chiến tranh, sự phân mảnh trong cốt truyện không chỉ là sự phân mảnh của các sự kiện mà còn là những mảnh ghép của hiện thực - từng bộ phận của một bức tranh, một hình tượng lớn. Ta dễ dàng bắt gặp cách phân mảnh này trong hàng loạt các trường ca như: *Trường ca biển* của Hữu Thịnh, *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo, *Vỡ ra mưa ấm* của Lê Vĩnh Tài, *Trầm tích* của Hoàng Trần Cương, *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông,... Trong *Trầm tích*, Hoàng Trần Cương đã chia làm mười chín chương: *Nguồn cội*, *Đất mật*, *Cật tre*, *Thóc giống*, *Những viên đá lẻ*, *Quặng lửa*, *Mưa óc đảo*, *Hoàng hôn màu cỏ*, *Bóng đa làng*, *Tảo mộ*, *Địa linh*, *Thành hoàng*, *Thiên nhiên*, *Cấu trúc làng*, *Cá gỗ*, *Đá đỏ*, *Giao cảm phù sa*, *Vốn và lãi*, *Miền Trung*. Mỗi một chương giống như một lát cắt, một câu chuyện, nơi ẩn chứa những "trầm tích" của quê hương, đất nước.

Bóp méo thời gian là kỹ thuật khá phổ biến trong cả văn chương hiện đại và hậu hiện đại. Thực chất của đặc điểm này là sự xáo trộn trật tự thời gian quá khứ nhằm phá vỡ tính mạch lạc của lối kể truyền thống. Sử dụng kỹ thuật này, tác giả có thể nhảy tới, nhảy lui bất kỳ thời điểm nào của thời gian. Trong các sáng tác trường ca viết về chiến tranh, các tác giả đều lựa chọn sử dụng thủ pháp thời gian đồng hiện xen kẽ quá khứ với hiện tại, từ hiện tại nghĩ tới tương lai. Ở trường ca *Kí ức Trường Sơn* của Phạm Minh Tâm là sự đan xen xoắn xuýt giữa quá khứ với hiện tại, nồng cháy trong liên tưởng, hồi tưởng; ở trường ca *Metro* của Thanh Thảo là nỗi ám ảnh chiến tranh và kí ức Trường Sơn như một mạch ngầm vẫn đang len lỏi trong đời sống ngày hôm nay. *Những mảnh vụn của tiềm thức cứ chộp chòn đan xen giữa quá khứ và hiện tại dường như đã trở thành tâm thức của con người thời hiện đại* [74].

Trong văn chương hậu hiện đại còn có hình thức vui đùa và chuyện khôi hài. Nhưng nhìn chung những hình thức châm biếm, khôi hài thường nằm trong những chủ đề nghiêm túc. Trong trường ca, đặc biệt là các sáng tác trường ca viết về những vấn đề của cuộc sống đời thường, các tác giả cũng sử dụng hình thức trào tiếu. Trong trường ca *Hành trình của con kiến*, ta sẽ nhận ra nhà thơ Lê Minh Quốc miêu tả nhân vật nhà báo với giọng điệu trào tiếu: *Cọc cạch chiếc xe đạp trật sên/ gió thổi ngược chiều/ múm môi trợn mắt/ gồng người vượt dốc/ thở hồng hộc*. Giọng thơ khôi hài làm người đọc vừa cảm thông với cuộc sống nghèo khó, vừa cảm phục trước tinh thần vượt khó, vừa tủm tỉm cười, vừa muốn sẻ chia công việc

với anh chàng nhà báo làm thơ. Hay nhà thơ Phạm Công Trứ cũng sử dụng giọng điệu vui đùa, trào tiếu để so sánh tiền thưởng mười năm lao động xuất sắc với chó Nhật thời hoàng kim đi bán giống:

*Mười năm lao động quang vinh
Không bằng chó giống xuất tinh một lần*

(Làng phố giao duyên)

Như vậy, thực công bằng mà nói, khi xem xét các tác phẩm trường ca sau chiến tranh đến nay, ta thấy không phải tác phẩm nào cũng được biểu hiện bằng lối viết hậu hiện đại, nhưng đã có nhiều tác phẩm trường ca mang hơi hướng hậu hiện đại là một thực tế không thể phủ nhận. Phải chăng đây là xu thế phù hợp để bắt nhịp với sự vận động và phát triển của thời kì hiện đại?

1.2. Nhà thơ Nguyễn Anh Nông với thể loại trường ca

1.2.1. Tiểu sử nhà thơ Nguyễn Anh Nông

Nhà thơ Nguyễn Anh Nông có bút danh là Kim Diệu Hương, sinh ngày mùng 5 tháng 1 năm 1959 tại thôn Chín Cảnh, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay đang sinh sống ở phố Thanh Lâm, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Thanh Hóa, quê hương của nhà thơ Nguyễn Anh Nông là một vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa rất đáng tự hào và trân trọng. Là vùng đất địa linh nhân kiệt, gắn liền với tên tuổi của nhiều anh hùng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc như Triệu Quốc Đạt, Triệu Thị Chinh, Lê Lợi,... Thanh Hóa là nơi có cảnh núi sông hùng vĩ, có những bãi biển đẹp nên thơ. Đây cũng là vùng đất có những nét văn hóa độc đáo. Ngô Đức Thịnh khi nghiên cứu về *Tiểu vùng văn hóa Xứ Thanh* đã khẳng định: *Với miền Trung, Xứ Thanh như là sự mở đầu, trước nhất cho một mô hình hệ sinh thái kết hợp chặt chẽ giữa đồng bằng, rừng núi và biển cả. Thanh Hóa chưa được coi là Tứ trấn nội Kinh như Kinh Bắc, Sơn Nam, nhưng cũng không phải là vùng trại xa xôi như Xứ Nghệ. Tính trung gian chuyển tiếp không chỉ trên bình diện môi trường địa lí tự nhiên mà cả về phương diện lịch sử và văn hóa, khiến người ta coi Thanh Hóa lúc thì nhập vào Bắc Bộ,*

lúc thì nhập vào Trung Bộ. Đó chính là "tính cách" của một vùng mang tính chuyển tiếp văn hóa, từ đó tạo nên tất cả những gì gọi là nét riêng của Xứ Thanh [71; tr.43].

Do có địa hình tự nhiên đa dạng, phức tạp vừa có rừng, vừa có núi, lại có cả biển nên người dân Thanh Hóa phải hứng chịu điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên khi thì lũ lụt, lúc thì hạn hán, gió Lào,... Là người con của xứ Thanh, Nguyễn Anh Nông sớm được hấp thụ truyền thống anh hùng của quê hương. Và với việc sớm phải đối mặt với những khó khăn đã giúp cho Nguyễn Anh Nông rèn luyện ý chí, bản lĩnh để không chỉ hoàn thành nhiệm vụ của một người lính mà còn vươn lên trong sáng tạo nghệ thuật. Đồng thời, những truyền thống của quê hương đã trở thành nguồn cảm hứng trong những sáng tác của Nguyễn Anh Nông và tạo nên phong cách riêng của nhà thơ xứ Thanh.

Trước khi trở thành một người lính, Nguyễn Anh Nông từng là công nhân kỹ thuật của mỏ Crômít Cỏ Định, thuộc Bộ Cơ khí và luyện kim. Chiến tranh biên giới nổ ra năm 1979, Nguyễn Anh Nông viết đơn tình nguyện lên đường chiến đấu bảo vệ đất nước đến tháng 12 năm 1980, Nguyễn Anh Nông nhập ngũ. Tháng 5 năm 1981, là học viên trường Sĩ quan Lục quân I. Tháng 6 năm 1984, Nguyễn Anh Nông tốt nghiệp và được phong hàm trung úy, tình nguyện đi chiến đấu và được điều lên biên giới Cao Bằng, thuộc Binh đoàn Pác Bó, Quân đoàn 26, Quân khu I. Sau bảy năm gắn bó với biên giới Cao Bằng, nơi tiền tiêu của tổ quốc, đầu năm 1992, Nguyễn Anh Nông chuyển về công tác ở Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình thuộc Quân khu III. Sau ba năm gắn bó với quê lúa đến tháng 12 năm 1995, Nguyễn Anh Nông lại được điều động lên công tác ở Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hòa Bình thuộc Quân khu III. Đến tháng 2 năm 2004, Nguyễn Anh Nông chuyển về Hà Nội làm biên kịch phim, rồi làm Quản đốc xưởng phim khoa học, Điện ảnh Quân đội - Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Hiện nay Nguyễn Anh Nông đang đeo quân hàm Đại tá. Vậy là chính cuộc đời sương gió của một người lính với những vùng đất mà Nguyễn Anh Nông đã đi qua nó đã để lại dấu ấn sâu đậm và trở thành nguồn cảm hứng để hồn thơ Nguyễn Anh Nông thăng hoa.

Cùng với quê hương thì gia đình cũng là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên hồn thơ Nguyễn Anh Nông. Những năm tháng phải xa gia đình đến những vùng đất xa xôi để hoàn thành nhiệm vụ của một người chiến sĩ, công việc chăm lo gia đình đều do người vợ tảo tần của nhà thơ gánh vác. Vì vậy hình ảnh người vợ và gia đình thường xuất hiện trong thơ Nguyễn Anh Nông cũng là điều dễ hiểu.

Hiện nay Nguyễn Anh Nông là hội viên: Hội nhà văn Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hội nhà báo Việt Nam, Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Chi hội Nhà văn Quân đội; từng là hội viên hội văn nghệ các tỉnh: Cao Bằng, Thái Bình, Hòa Bình. Với sự đóng góp tích cực của mình cho Quân đội, cho văn học nghệ thuật nước nhà, Nguyễn Anh Nông đã vinh dự được nhận nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Quân kì Quyết thắng; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; cùng nhiều bằng khen, giấy khen và giải thưởng của các cấp ngành Trung ương và địa phương.

Như vậy, qua tìm hiểu về tiểu sử của nhà thơ Nguyễn Anh Nông, ta có thể thấy quê hương, gia đình là những yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ đến hồn thơ Nguyễn Anh Nông. Song cái chính tạo nên tên tuổi và sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Anh Nông lại chính là nhân tố tự thân: là tài năng, sự nỗ lực và niềm đam mê sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ.

1.2.2. Sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Nguyễn Anh Nông

Nguyễn Anh Nông bước vào làng thơ Việt từ khá sớm. Năm 1982, lúc 23 tuổi ông có thơ in báo. Từ đó đến nay sau hơn ba mươi năm gắn bó với thơ ca, Nguyễn Anh Nông đã xuất bản được mười một tác phẩm bao gồm bảy tập thơ và bốn trường ca.

Về các tác phẩm thơ, sau nhiều năm ấp ủ đến năm 1993, Nguyễn Anh Nông đã trình làng tập thơ đầu tay *Bàn tay lá cỏ*, tập I. Năm 1995, tập thơ *Bàn tay lá cỏ*, tập II tiếp tục được ra mắt bạn đọc. Nguyễn Anh Nông còn viết thơ cho thiếu nhi với tập thơ *Kỵ sĩ ngựa gỗ* năm 1998. Rồi sau đó liên tiếp là những đứa con đẻ tinh thần của nhà thơ được khai sinh: *Mây bay* năm 2000, *Những tháng năm ở rừng* năm 2005, *Lững thững xanh* năm 2010, *Hà Nội và em* năm 2011.

Khi thơ đã vào độ chín, Nguyễn Anh Nông bước dài thêm trên con đường sự nghiệp sáng tác. Từ thể loại thơ ngắn nhà thơ hướng tới thể nghiệm ở thể loại trường ca. Nguyễn Anh Nông đã liên tiếp cho ra đời bốn tác phẩm trường ca: *Trường ca Trường Sơn* năm 2009, *Gửi Bill Gates và Trời xanh* năm 2011, *Trò chuyện với cha con cu Lập Sơn* năm 2012 và trường ca *Lập Thành* năm 2012.

Thật hạnh phúc cho Nguyễn Anh Nông khi thơ của anh được các nhạc sĩ lựa chọn để phổ nhạc thành bài hát và gây được ấn tượng mạnh cho công chúng như *Tình yêu lính biển* – Nhạc sĩ Vũ Đức Quân, *Lính đồng bằng* – Nhạc sĩ Nam Bình, *Hát giữa đại ngàn Trường Sơn* – Nhạc sĩ Quỳnh Hợp,...Không chỉ thế, công chúng còn được thưởng thức thơ Nguyễn Anh Nông qua những tác phẩm được dịch sang tiếng nước ngoài như: bài thơ *Cảm tác* - Nhà thơ, họa sĩ Lâm Chiêu Đồng dịch sang tiếng Trung; trường ca *Lập Thành* - dịch giả Nguyễn Thị Bích Nga dịch sang tiếng Anh;...

Như vậy, qua sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Anh Nông, ta có thể thấy rõ rằng trung bình cứ hai năm nhà thơ xứ Thanh này lại cho ra đời một tập thơ. Điều đó đã chứng tỏ lực viết đều đặn cũng như sức sáng tạo dồi dào của nhà thơ. Đồng thời cho thấy, nhà thơ Nguyễn Anh Nông đã và đang ngày càng khẳng định tên tuổi và vị thế của mình trên thi đàn văn học dân tộc.

Là một nghệ sĩ tài năng, bên cạnh việc sáng tác thơ ca, Nguyễn Anh Nông còn tham gia lĩnh vực điện ảnh, viết kịch bản phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học. Có thể kể đến một số tác phẩm kịch bản phim của Nguyễn Anh Nông đã được điện ảnh Quân đội nhân dân sản xuất như: *Sao vương mặt lưới* (2005), *Điểm tựa Ka Lăng* (2006), *Đông Bắc - nỗi niềm người lính* (2006), *Vẫn là người lính Trường Sơn* (2007 - 2008), *Mười ba bến nước* (2008), *Nữ tướng xứ dừa* (2012), *Hậu cần trong tác chiến vùng đồng nước* (2013),...Hầu hết các kịch bản phim của Nguyễn Anh Nông đều được nhận giải thưởng.

Có thể thấy, với tâm hồn và tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ, Nguyễn Anh Nông đã tạo dựng được cho mình một sự nghiệp sáng tác đáng nể trọng, bao gồm bảy tập thơ và bốn trường ca, cùng nhiều tác phẩm điện ảnh có giá trị. Thành

quả nghệ thuật ấy đã khẳng định được vị thế của nhà thơ quân đội Nguyễn Anh Nông trên thi đàn văn học đương đại.

1.2.3. Nguyễn Anh Nông với thể loại trường ca

Trong cuốn tiểu luận phê bình *Nguyễn Anh Nông đi từ miền lá cỏ*, tác giả Đỗ Thị Thu Huyền đã nhận xét: *Nếu như thơ Nguyễn Anh Nông để trang trải tình cảm với bạn bè, quê hương, gia đình bằng một chất giọng dung dị, tinh tế thì riêng thơ ngắn đã giúp anh làm mới và bóc bạch những đúc kết về cuộc sống; đặc biệt với trường ca, Nguyễn Anh Nông đã thể hiện sự bút phá đầy quyết liệt, mạnh dạn qua những nỗ lực tìm tòi không ngừng nghỉ* [22, tr.13]. Đúng như vậy, là một nghệ sĩ luôn khát khao sáng tạo nghệ thuật, Nguyễn Anh Nông không bao giờ tự bằng lòng với chính mình. Nhà thơ quân đội này luôn tâm niệm rằng nếu mình không dám đi xa, không dám dấn thân chấp nhận khó khăn thử thách trên con đường nghệ thuật thì sẽ không bao giờ gieo trồng được những bông hoa nghệ thuật để tô điểm cho cuộc sống và làm đẹp cho đời:

Nếu mình không dám đi xa

Câu thơ sông- chẳng thiết tha mặn nồng

Đã không có lửa trong lòng

Đừng mơ hái một cành hồng tặng ai.

(Lửa và hoa)

Sau khi đã gặt hái được thành công ở thể loại thơ ngắn, Nguyễn Anh Nông đã tìm đến thể loại trường ca để khẳng định "sức vóc" ngòi bút của mình. Đến với trường ca trong lúc nhiều người còn đang hoài nghi về sức sống của thể loại này trong thời đại mới, Nguyễn Anh Nông đã lặng lẽ tìm hướng đi cho riêng mình và anh đã có được thành công. Chỉ trong vòng bốn năm trời, Nguyễn Anh Nông đã liên tiếp cho trình làng bốn trường ca: *Trường ca Trường sơn* (2009), *Gửi Bill Gates và trời xanh* (2011), *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* (2012), *Lập Thành* (2012). Mỗi một trường ca ra đời đều là kết quả của sự nỗ lực không ngừng nghỉ và đánh dấu những bước trưởng thành của nhà thơ. Ở thể loại trường ca, Nguyễn Anh Nông đã tạo dựng được bức tranh sống động về cuộc sống. Ở đó là những số phận con

người, cũng có khi là số phận của cả dân tộc, và xa hơn là hướng cái nhìn về tương lai [22, tr.14].

Có thể khẳng định rằng chiến tranh và Trường Sơn đã trở thành nguồn cảm hứng dạt dào cho các sáng tác thơ văn, đặc biệt là các sáng tác trường ca. Ta có thể điểm qua hàng loạt những nhà thơ viết trường ca khai thác về đề tài này như: *Đường tới thành phố* (Hữu Thịnh), *Trường ca sư đoàn* (Nguyễn Đức Mậu), *Vạn lí Trường Sơn* (Nguyễn Hữu Quý), *Kí ức Trường Sơn* (Phạm Minh Tâm), *Metro* (Thanh Thảo),... Khi viết *Trường ca Trường Sơn*, Nguyễn Anh Nông vẫn tiếp tục khơi nguồn mạch cũ bằng cố gắng đưa vào đó cái nhìn của riêng mình *Không dàn trải, không thuyết minh và mô tả nhiều về những đau thương, những hi sinh, cái dụng ý lớn nhất là khắc họa hình ảnh những con người bình dị, đại diện cho cả một thế hệ của quá khứ hào hùng đã qua.*[22; tr.14]. Những con người bình dị ấy chính là những chàng trai, cô gái đã làm nên Trường Sơn huyền thoại: *Những chàng trai cô gái tuổi mười tám đôi mươi/ Gánh trên vai bao điều bình dị/ Công trên lưng nặng nhọc tháng năm đi (Trường ca Trường Sơn).*

Cùng với việc khắc họa những con người bình dị, khi miêu tả về chiến tranh, Nguyễn Anh Nông còn đặc biệt chú ý đến số phận những con người trong cuộc chiến ấy. Nhà thơ không ngại ngần mà thâm nhập sâu hơn vào những bộn bề phức tạp của cuộc sống. Nguyễn Anh Nông đã nói về số phận của người cha trở về sau chiến tranh với bao thương tích đang dày vò:

Mảnh bom nhei nhói da thịt

Đôi khi vợ con cần nhân

Gió mưa xương cốt nhưng nhức

(Trường ca Trường Sơn)

Xu thế vận động và phát triển của trường ca hiện đại là chất sử thi hoành tráng ngày càng mờ nhạt và dần được thay thế bởi chất đời tư. Trường ca Nguyễn Anh Nông cũng vậy. Nếu tập trường ca đầu tay *Trường ca Trường Sơn*, chất sử thi còn rõ nét thì đến ba tập trường ca sau: *Gửi Bill Gates và trời xanh; Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành* nhà thơ lại đặc biệt quan tâm đến những vấn đề cuộc sống đời thường trong thời hiện tại. Từ những vấn đề bình dị đời thường ấy,

Nguyễn Anh Nông đã tìm ra cách khai thác riêng để truyền tải những thông điệp mới. Trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh* là cuộc đối thoại giữa nhà thơ với một tỉ phú nổi tiếng thế giới qua đó gửi gắm *một bức thông điệp văn hóa thời kỹ trị* [22; tr.104], trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành* là cuộc đối thoại với những đứa trẻ mới chào đời, qua đó nhà thơ hướng cái nhìn về tương lai đầy hứa hẹn.

Về mặt nghệ thuật, nhìn chung các sáng tác trường ca của Nguyễn Anh Nông đều có dung lượng vừa và ngắn với cấu trúc vững. Với việc hướng cái nhìn đến những điều bình dị nên trong trường ca của mình, Nguyễn Anh Nông vừa sử dụng ngôn ngữ đối thoại, gần gũi với đời sống, vừa chú ý xây dựng các hình ảnh biểu tượng. Đặc biệt, trường ca Nguyễn Anh Nông đã mang hơi hướng của lối viết hậu hiện đại.

Tiểu kết

Qua việc tìm hiểu ở trên, ta có thể thấy trường ca là những tác phẩm vừa có "tâm cỡ", "tâm vóc", lớn lao cả về hình thức lẫn nội dung vừa có tính tự sự, tính trữ tình và yếu tố chính luận. Trường ca Việt Nam hiện đại chỉ thực sự có mặt trên thi đàn Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Từ khi ra đời đến nay, trường ca Việt Nam hiện đại đã trải qua các giai đoạn phát triển và biến đổi không ngừng để phù hợp với xu thế vận động chung của nền văn học và đáp ứng yêu cầu tổng hợp, khái quát hiện thực đời sống. Người đọc dễ dàng nhận thấy hai đặc điểm nổi bật của trường ca Việt Nam hiện đại: Trường ca được nhìn bằng con mắt hậu chiến và trường ca được biểu hiện bằng lối viết hậu hiện đại. Nhờ sự tìm tòi và thể nghiệm của nhiều thế hệ nhà thơ qua các thời kì, trường ca đã dần được hoàn thiện và đang khẳng định được vị trí quan trọng trong tiến trình phát triển của nền văn học dân tộc. Một trong số các gương mặt góp phần tạo nên diện mạo mới cho thể loại trường ca, chúng ta phải kể đến nhà thơ Quân đội Nguyễn Anh Nông. Chỉ trong vòng bốn năm anh đã liên tiếp cho ra đời bốn tác phẩm có giá trị: *Trường ca Trường Sơn*, *Gửi Bill Gates và trời xanh*, *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành*. Với sức viết như thế cùng tài năng và niềm đam mê sáng tạo nghệ thuật, chúng ta có quyền tin rằng Nguyễn Anh Nông sẽ còn đóng góp nhiều hơn thế cho sự phát triển của thể loại trường ca nói riêng, của nền văn học dân tộc nói chung.

Chương 2

NỘI DUNG TRƯỜNG CA NGUYỄN ANH NÔNG

2.1. Trường ca Trường Sơn, một cái nhìn đa chiều về chiến tranh

Có thể nói, việc chuyển từ thơ ngắn sang sáng tác trường ca là một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Nguyễn Anh Nông. Chắc hẳn khi đặt bút viết *Trường ca Trường Sơn*, Nguyễn Anh Nông phải trăn trở nhiều lắm. Bởi lẽ, trước đó trong văn học Việt Nam đã có quá nhiều nhà văn, nhà thơ đã viết về Trường Sơn, về chiến tranh và tác phẩm của họ đã sừng sững án ngữ, trở thành thử thách không nhỏ đối với những người đi sau. Vượt lên trên những thử thách, Nguyễn Anh Nông lặng lẽ viết và đã có *Trường ca Trường Sơn* theo cách cảm và cái nhìn của riêng mình. Với Nguyễn Anh Nông, một dân tộc đã đập bằng mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh để đi tới ngày độc lập, thống nhất như Việt Nam ta thật đáng nhận được muôn lời ngợi ca và anh cũng nhận ra rằng những mất mát, đau thương của dân tộc ta từ cuộc chiến ấy là điều có thật. Đọc *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông, người đọc cảm nhận được cái nhìn đa chiều về chiến tranh: có mất mát, đau thương và có cả bản hùng ca của muôn đời.

2.1.1. Những mất mát, đau thương

Thật công bằng mà nói không phải đến Nguyễn Anh Nông, văn học Việt Nam mới có cái nhìn hiện thực về sự khốc liệt của chiến tranh song ta không thể phủ nhận rằng Nguyễn Anh Nông đã góp thêm một tiếng nói cá nhân về nỗi đau thương, mất mát của con người trong cuộc chiến với *Trường ca Trường Sơn*. Tiếng nói cá nhân mà chúng tôi muốn nói tới ở Nguyễn Anh Nông chính là cách anh cảm và thể hiện nỗi đau. Không quá nhiều những ồn ào, vật vã, thống thiết, Nguyễn Anh Nông bằng ánh mắt của một người lính từng trải, bằng trái tim của một người thơ đã cảm nhận thật tinh tế mà thấm thía nỗi đau thương của dân tộc khi đi qua cuộc chiến. Cái cách thể hiện của nhà thơ càng ấn tượng bội phần với độc giả khi anh soi rọi nỗi đau chiến tranh từ nhiều phía với sự luân chuyển liên tục những điểm nhìn: khi thì điểm nhìn nghệ thuật được đặt vào người lính về thăm lại chiến trường xưa, lúc lại là lời một người con, lời của nhà thơ, lời của kẻ đào ngũ, lời một người cha từng là

lính Trường Sơn đã về bên kia cõi thế,...Tất cả đã tạo nên chiều sâu trong tư tưởng của tác phẩm và nhịp ngân thốn thức trong trái tim người đọc.

Nói về chiến tranh, nói về Trường Sơn kì vĩ, Nguyễn Anh Nông không thể không nhắc tới hình ảnh người lính. Họ chính là những con người bình thường mà vĩ đại đã ghi dấu son chói lọi vào trang sử hào hùng của dân tộc. Và để có được độc lập, tự do cho dân tộc, các anh, các chị phải đánh đổi bằng một cái giá rất đắt bởi trong chiến tranh: *Sống chết trong gang tấc/ Bom đạn rơi đâu có hẹn người nào.*

Là người lính, ai không từng trải qua những cuộc hành quân? Nguyễn Anh Nông đã khắc họa hình ảnh người lính trong những cuộc hành quân đầy gian khó từ sự cảm nhận của chính những người trong cuộc: *Bước/chênh chao/ Gió thốc/ Nắng xém/ Tóc cứng/ Miệng khát/ Họng rát/ Mắt chói/ Bụng đói/ Miệng ói/ Chân run/ Tay mỏi/ Gối đau.* Những câu thơ ngắn, nhiều thanh trắc đã giúp người đọc cảm nhận được những khó khăn, gian khổ trong chặng đường hành quân của người lính. Nhưng những khó khăn, gian khổ của người lính đâu chỉ có thế! Những cơn sốt rét rừng tai ác như muốn ăn tươi, nuốt sống cả đoàn quân. Những người lính bị cơn sốt rét rừng hành hạ mê man, mắt hết cả ý thức đã được Nguyễn Anh Nông khắc họa bằng những câu thơ cực ngắn, không theo một trật tự nào và thật khó lòng hiểu được một cách tường tận: *...Đuội đuội/ Ngồi đợi/ Hê ha/ Ha hê../ Mừng mê/ Tê tê/ Xăng kê/ Uống/ Và/ Uống/ Thòm them/ Nhóm nhem/ Lem bem/ Hom hem/ them kem/ kiêng khem/ mía đường...* Những câu thơ có dạng đầu Ngô, mình Sở tưởng như không ăn nhập vào đâu lại vô cùng hữu hiệu giúp Nguyễn Anh Nông khắc họa một cách sinh động và chân thực diện mạo tinh thần của người lính trong cơn hôn mê. Và đúng như Phạm Thuận Thành trong bài viết *Cảm xúc rộng dài như dãy Trường Sơn* từng chia sẻ: *Nếu không đọc bằng cảm giác của người hôn mê sốt rét thì không hiểu anh định viết gì* [22; tr.153].

Cùng với những gian khổ nơi chiến trường khắc nghiệt, người lính phải từng ngày, từng giờ đối mặt với bao hiểm nguy từ bom đạn của kẻ thù. Ranh giới giữa sự sống và cái chết của con người nơi chiến trường tưởng như chưa khi nào mong manh đến thế! Đọc *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông, người đọc

không khỏi xúc động trước những cảnh đời của những người lính trẻ, những chàng trai, cô gái với khát vọng cháy bỏng về tình yêu:

*Bụi và khói nhòa mặt người
 Những cô gái chưa một lần hò hẹn
 Những chàng trai bến lữ
 Mơ một ngày hợp hôn.*

Vậy mà khát vọng vẫn còn xanh, người lính trẻ đã vội trở về với đất mẹ: *Ai biết có ngày buồn/Em đi, không trở lại/ Hồn em thành bướm trắng giữa rừng hoang.*

Ám ảnh thay những cánh bướm - hồn trinh nữ! Các chị, các em chân yếu tay mềm vẫn dần thân nơi đạn bom khắc nghiệt. Những người con gái hồn nhiên và bình dị đã hóa những cánh bướm chập chờn giữa đại ngàn Trường Sơn để vụt tắt bao giấc mơ trai trẻ:

*Anh lại về đây tìm em, tìm em
 Người con gái hồn nhiên và bình dị
 Người con gái đêm đêm
 anh vẫn hằng mơ, hằng mơ, hằng mơ
 Như anh mơ bóng trăng đi hoài, đi mãi
 Như Đạm San vác rìu, vác ná đi tìm Nữ Thần Mặt Trời
 Nhưng Nữ Thần trốn đâu rồi, em ơi, anh trở lại
 Tìm bóng em gặp góc sim cần.*

*

*Mộ em trên đồi hoa sim tím
 Gặp cánh bướm chập chờn ảo ảnh
 Có phải em đây không, hỡi cánh bướm mỏng mảnh
 Hãy đậu trên tay anh linh hồn em trinh trắng
 Đổ mắt, anh nhìn, lệ chảy vòng quanh.*

Giọt nước mắt của chàng trai ngóng đợi người mình yêu ở bên kia cõi thế hẳn đã chứa vào trái tim bao độc giả. Chiến tranh đã cướp mất em để anh nơi đây cô đơn quay quắt trong nỗi đau về một giấc mơ tình yêu dang dở. Anh thảng thốt kiếm tìm em, tìm giấc mơ riêng mình. Đáp lại sự kiếm tìm ấy là một khoảng lặng, là những cánh bướm chập chờn ảo ảnh. Mong ngóng em tới mức anh ngỡ cánh bướm mỏng mảnh ấy chính là em đang tìm về bên anh. Và rồi anh nhìn quanh, đâu chỉ có một cánh bướm - hồn trinh nữ:

Một, hai, ba cánh bướm lay lay...

Ngàn vạn cánh bướm bay bay

Ngọ núi rừng

Ngọ thung xanh

Linh hồn trinh nữ vờn gió nắng

Những cô gái hồn nhiên trong trắng

Nhớ thương ơi, ngày ấy đã xa rồi...

Giữa đại ngàn Trường Sơn có ngàn vạn cánh bướm như thế. Nỗi đau duyên tình dang dở đâu chỉ của riêng anh? Sự ra đi của em, người con gái hồn nhiên và bình dị đâu còn là riêng biệt? Cái sâu sắc và thấm thía của Nguyễn Anh Nông khi viết về sự khốc liệt của cuộc chiến chính là ở đây: từ cảnh ngộ của cá nhân mà khái quát thành cảnh ngộ của cả một lớp người. Hơn nữa, khi khắc họa những đau thương mất mát của con người trong chiến tranh, Nguyễn Anh Nông rất biết cách tạo ra những khoảng lặng vô cùng sâu lắng trong lòng độc giả. Đành rằng khi nói tới chiến tranh, sao tránh được những mất mát, hi sinh, nhất là với người lính? Nhưng điều đặc biệt là trong trường ca này, Nguyễn Anh Nông không nói nhiều về sự ra đi của những tráng nam nhi cùng những giọt nước mắt của nữ giới như lẽ thường tình. Nhà thơ đã nhấn mạnh sự hi sinh của nữ chiến sĩ và những giọt nước mắt đàn ông khiến những trang thơ nặng trĩu nỗi sầu.

Không chỉ dừng lại ở cuộc chiến, nỗi đau thương, mất mát còn theo người lính trở về giữa cuộc sống đời thường khi đất nước đã hoàn toàn độc lập, thống nhất. May mắn hơn biết bao đồng đội đang nằm lại Trường Sơn, có những người lính đã

được trở về trong vòng tay ấm áp và nỗi chờ mong của gia đình, người thân. Người lính ấy đã ghi nhận sự may mắn của mình khi nói cùng con:

Cha - người may mắn

Hơn nhiều bè bạn

Bom đạn - lửa khói - không chết

Sốt rét - ốm đau - sống nhăn

Quả thực trong sự khốc liệt của cuộc chiến, được trở về với quê hương và gia đình trong cảnh đất nước hòa bình là niềm khao khát, là ước mơ cháy bỏng của biết bao người. Song với người lính này, sự trở về của anh giữa đời thường có thực là một hạnh phúc trọn vẹn khi mà cơ thể anh còn găm đầy vết tích chiến tranh?

Mảnh bom nhồi nhói da thịt

Đôi khi vợ con cần nhân

Gió mưa xương cốt nhưng nhức

Nhìn đời, lắm lúc buồn bực

Đã ngừng rồi tiếng đạn bom khốc liệt của cuộc chiến nhưng chưa bao giờ nỗi đau từ cuộc chiến dừng lại nơi người lính. Các anh vẫn phải gồng mình lên để vượt qua những nỗi đau thể xác mỗi khi trái gió, trở trời. Vết thương chiến tranh như hiện hình lên cả dáng vẻ tiêu tụy của người lính: *Ngày dài cho chí đêm thâm/ Đau đầu/ Mắt toét/ Má tóp/ Đít hóp/ Gày rộc.*

Chiến tranh đâu chỉ khiến người lính đau đớn, vật vã về thể xác mà nó khiến các anh bị dày vò, ám ảnh về tinh thần. Sự khốc liệt của cuộc chiến đã khiến cho những người lính thiếu kiên định, thiếu sự dũng cảm phải chùn bước đầu hàng. Họ về giữa cuộc sống đời thường với niềm day dứt, sự bẽ bàng cùng tiếng thở dài thao thiết, buồn đau của kẻ đào ngũ:

Ngày ấy, nếu tôi... không còn

Buồn đau, thống khổ đổ dồn vào ai?

Đêm đêm thao thiết thở dài

Ngày ngày tức tưởi thân trai bẽ bàng

Cúi đầu đi giữa xóm làng

Thấm bao vinh - nhục, khẽ khàng nỗi đau

Có thể khẳng định với lời của kẻ đào ngũ, Nguyễn Anh Nông đã góp thêm một tiếng nói mới mẻ mà thấm thía về nỗi đau thương mất mát của con người trong chiến tranh. Nhà thơ không nhìn kẻ đào ngũ bằng ánh mắt căm hận kẻ có tội với non sông mà nhìn bằng ánh mắt bao dung, nhân hậu. Nguyễn Anh Nông đã cho kẻ đào ngũ một cơ hội để tự bạch nỗi niềm bởi anh rất thấu lẽ đời: làm sao người lính đào ngũ ấy có thể sống nốt phần đời còn lại một cách thanh thản khi biết bao đồng đội một thời của anh đã vĩnh viễn nằm xuống với những cái chết đau đớn, tang thương?

Với kẻ đào ngũ thì thế, còn với những anh hùng bước ra khỏi cuộc chiến thì sao? Các anh là những người chiến thắng, may mắn được trở về nhưng trái tim các anh có bao giờ nguôi nỗi đau mất đồng đội? Hai tiếng thiêng liêng *đồng đội* như găm vào tâm khảm của người lính Trường Sơn để rồi các anh lại trở về đây thấp nén nhang thơm trong tiếng gọi thiết tha: *Hồn ai gió lùa?/ Vía ai thất tán?/ Thịt xương vùi trong đất đá cỏ cây/ Xin hãy về đây, Trường Sơn đại lộ/ Cho bõ tháng ngày thương nhớ/ Đồng đội ơi, đồng đội trở về đây.*

Có sự chia xa nào không vắn vường nỗi niềm thương nhớ? Cuộc hành trình về thế giới bên kia của đồng đội đã gieo vào lòng người lính một nỗi đau thăm thẳm đại ngàn:

Anh trở lại, gom nỗi buồn vương vãi

Đắp mộ em bông huệ trắng môn man

Thấp ngọn nén niềm tin em gửi lại

Nỗi buồn anh thăm thẳm đại ngàn.

Với *Trường ca Trường Sơn*, Nguyễn Anh Nông không chỉ nói tới nỗi đau của người lính mà còn khắc họa nỗi đau thương mất mát của những người ở hậu phương. Họ là cha, mẹ, vợ, con của người lính.

Chiến tranh nổ ra, biết bao người lính theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đã bỏ lại gia đình, quê hương lên đường chiến đấu. Có biết bao người vợ trẻ hàng đêm vò võ một mình, biết bao đứa con thơ thiếu đi hơi ấm và sự bảo ban của người cha:

Ngày cha vượt Trường Sơn

Mẹ mỗi mòn ngóng đợi

Con lêu têu nghịch ngợm toi bời

Và còn biết bao nhiêu những người cha, người mẹ phải gánh chịu nỗi đau của người đầu bạc tiễn người đầu xanh? Qua lời căn hầm dã chiến, Nguyễn Anh Nông đã nói lên thật thấm thía nỗi đau của những bậc sinh thành: *Tôi đau nỗi đau người cha/ Tôi buồn nỗi buồn người mẹ/ Nỗi đau buồn bầm tím ruột gan.*

Chiến tranh đã đi qua nhưng nỗi đau còn ở lại với biết bao gia đình, bao số phận. Đối với người vợ lính Trường Sơn, sự trở về của chồng là một niềm vui, niềm hạnh phúc vô bờ bến. Nguyễn Anh Nông nhìn thấy niềm vui của chị nhưng nhà thơ còn cảm nhận được cả những nhọc nhằn lo toan, vun vén cho cuộc sống gia đình của chị. Anh phải đối mặt với những vết thương nhức nhối thịt da, chị đau đớn bất lực nhìn chồng thoi thóp thở khi tiền nong không công được giấc mơ. Có nỗi đau nào hơn nỗi đau của người vợ phải nhìn chồng đi vào cõi chết trong đau đớn mà mình không cách nào cứu được? Nỗi đau của chị được cảm nhận từ phía người con:

Ngày cha vật vã cơn đau

tiền nong không công được giấc mơ

Mẹ bất lực nhìn cha thoi thóp thở

Dằng dặc Trường Sơn trong mắt mẹ buồn.

Ánh mắt của chị xoáy vào lòng người đọc bao ám ảnh, xót xa. Thế mới biết nỗi đau của con người từ cuộc chiến lớn tới mức nào!

Nỗi đau chiến tranh đâu chỉ giáng xuống những phận người? Đại ngàn Trường Sơn vốn hùng vĩ, thơ mộng là thế cũng nhiều phen phải oằn mình nhức nhối bởi bom đạn kẻ thù:

Đạn bom tan tác cả rừng cây

Núi toác, gục, hoang tàn, đá lở

Và còn gì đau đớn hơn khi rừng xanh phải khoác lên mình chiếc áo trắng tinh, chiếc áo của sự chết chóc, hủy diệt? Chiếc áo được dệt nên bởi sự độc ác, lòng tham và chất độc hóa học của kẻ thù:

Hàng đàn quạ sắt bay điên loạn

Trắng tinh chất độc phủ rừng cây

Khảng khiu, toang hoác tro xương cá

Đất đá bầm đàu những hận thù.

Là chứng nhân của lịch sử, hơn ai hết, người lính Trường Sơn đã cảm nhận thật sâu sắc nỗi đau mà rừng thiêng phải gánh chịu trong chiến tranh. Nó ám ảnh anh, găm vào trí nhớ anh ngay cả khi anh đã về bên kia cõi thế. Cái chất trắng ma quái đã biến bao vạt rừng thành đất chết, bao phận người thành đau thương, nhức nhối. Đạn bom của kẻ thù với *tiếng nổ rực trời hoa và máu*, với *dàn lửa quét nghiêng trời như rửa hận* đã trở thành niềm đau, thành vết thương khó lành đối với thiên nhiên và con người.

2.1.2. Khúc ca của muôn đời

Cảm hứng ngợi ca luôn là cảm hứng chủ đạo của nhiều văn nghệ sĩ khi viết về Trường Sơn, viết về cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Đến với *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông, người đọc cũng bắt gặp nguồn cảm hứng ấy song điều mà Nguyễn Anh Nông ngợi ca đâu phải chỉ đơn giản là những con người đã làm nên một Trường Sơn huyền thoại? Ta còn gặp trong tác phẩm của anh khúc ca về những con người bình dị đang từng ngày, từng giờ giúp Trường Sơn thay da đổi thịt, xây dựng một Trường Sơn vạn đại và sẽ còn mãi với thời gian khúc ca về đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ!

2.1.2.1. Một Trường Sơn huyền thoại

Nhắc tới Trường Sơn là ta nhắc tới một mảnh đất đau thương mà anh dũng, một huyền thoại về cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc, một biểu tượng

tuyệt vời cho ý chí và sức mạnh Việt Nam. Vậy điều gì đã làm nên một Trường Sơn huyền thoại? Câu trả lời có trong *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông.

Đọc *Trường ca Trường Sơn*, chúng ta không khó để nhận ra khúc ca mà Nguyễn Anh Nông dành để tri ân người lính, những người đã trực tiếp chiến đấu để viết nên trang sử hào hùng của dân tộc. Viết về người lính, Nguyễn Anh Nông không hề thần thánh họ. Anh viết về họ với những gì mộc mạc, giản dị vốn có của người lính. Họ là những con người với những tình cảm và khát vọng đời thường: nhớ nhà, nhớ người thân, thấp thỏm ngóng tin nhà, lo âu, mơ về hạnh phúc,...Điều đáng nói là ở những con người hết sức bình dị ấy lại ngời lên một lí tưởng anh hùng. Người lính sẵn sàng gác lại tuổi thanh xuân, hạnh phúc gia đình để đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Vẫn biết rằng chiến trường là nơi tử địa, rằng *bom đạn rơi đâu có hẹn người nào* nhưng các chị, các anh vẫn dũng cảm, kiên cường lao vào nơi mưa bom bão đạn với một lí tưởng cao cả: quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh! Nguyễn Anh Nông viết về sự hi sinh của người lính bằng cả tấm lòng yêu thương và cảm phục:

Máy bay gầm rú trên đầu

Dàn lửa quét nghiêng trời như rửa hận

Dáng hiên ngang em đứng đếm bom thù

Từng chớp rạch mịt mù lửa khói

Em thét gào đau đón xé tim gan

Trong tiếng nổ rục trời hoa và máu

Em hóa thành ánh chớp lóe không gian.

Có thể khẳng định *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông chính là bài ca về người lính, những người lính anh dũng, kiên cường, đập bằng mọi khó khăn thử thách. Bằng ý chí và nghị lực phi thường, họ đã vượt qua những thiếu thốn về vật chất, thiên nhiên khắc nghiệt, bệnh tật và vượt khỏi cả lưới hái của tử thần để trở về với đại ngàn thác lũ: *Anh lại trở về với đại ngàn thác lũ/ Về với mây bay, nắng nổ, sương giăng/ Đục vách núi tạo hình hài tổ ấm/ Khoan ngàn năm hóa thạch suorì hơi người.*

Cuộc sống khó khăn, thiếu thốn, khắc nghiệt là thế nhưng tâm hồn người lính vẫn ngời lên sự hào hùng, yêu đời. Dưới ánh mắt của nhà thơ, tiếng bom đạn trở nên rất nhỏ so với vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của đại ngàn: *Mây sà mắt gió/ Kính vỡ/ Chim sa/ Xe đi và đi/ Bom rơi và bụi và bụi/ Giò lan rừng tòng teng, đung đưa/ Tiếng bom nghe rất nhỏ/ Nhỏ như là không có nó.*

Có lẽ hình ảnh những đoàn quân xuất quỷ nhập thần rùng rùng đi trong quuyến luyến sẽ mãi gắn vào trí nhớ của độc giả khi đến với *Trường ca Trường Sơn*. Không khí ra trận của người lính Trường Sơn không khỏi làm ta xúc động và tự hào:

Chỉ thấy đàn voi tải hàng ra trận

Chỉ nghe bập bùng chiêng trống râm ran

Và chỉ thấy người đi như nước chảy

Những đoàn xe rùng rùng ngả ba ngả bảy

Trận đánh trường kì – năm tháng – trập trùng – đi.

Huyền thoại Trường Sơn đâu chỉ được dệt nên bởi người lính? Nguyễn Anh Nông đã tri ân và ngợi ca những con người vô danh, bình dị, những người đã âm thầm che chở giúp đoàn quân vượt hiểm nguy, góp công làm nên Trường Sơn dài rộng:

Nhiều người làm áng mây huyền diệu

Che chở ta như lá rừng che mắt địch

Những Trường Sơn dài rộng vô cùng.

Nói về sự hi sinh thầm lặng của người vợ lính, Nguyễn Anh Nông thật tinh tế và sâu sắc khi để chính những người lính cảm nhận về vợ mình. Trong lời của một người cha nói với con, hình ảnh một người phụ nữ, một người vợ, một người mẹ đảm đang tháo vát, kiên cường cùng chồng vượt thử thách đã được hiện lên thật sinh động:

Với mẹ của con

(Người vợ yêu dấu của cha)

Ngàn lời vàng ngọc không đủ để ngợi ca

Tình yêu, tình thương và nỗi nhớ

Một người vợ, người em, người chị,

nàng dâu, quản gia, đội trưởng, nội tướng...

Mẹ của lũ con lít nhít

Bao nhiêu gánh nặng tháng năm thao thiết

Vạn lời ca không đủ để tặng người.

Nói về vợ, người lính không giấu nổi niềm tự hào, yêu mến và biết ơn. Thậm chí, người đàn ông ấy còn tự làm nhỏ mình để tri ân vợ:

Tất tật những gì cha có

Là nhờ mẹ đày con ơi.

Không một tấm huy chương, không mấy người biết đến sau chiến thắng lịch sử của dân tộc nhưng chắc hẳn các chị sẽ vô cùng vui sướng và hạnh phúc khi được chồng mình ghi công: *Cha thấy: tuyệt vời/ Trên cả tuyệt vời/ Dài rộng cao sâu tựa Trường Sơn kì vĩ/ Ai bảo: đàn bà “nông nổi – coi đặng trâu”/?/ Ai bảo: đàn bà “đái không vượt ngọn cỏ”/?/ Cha có phút giây thăng hoa lên vũ trụ/ Chính mẹ con là con tàu đưa cha lên cung trăng.* Viết ra những lời thơ như thế, hẳn Nguyễn Anh Nông đã có một sự nhìn nhận thật chính xác và tinh tế. Nhà thơ không tiếc lời ngợi ca những con người thầm lặng mà vĩ đại đã góp phần làm nên một bản hùng ca về Trường Sơn.

Khi tấu lên khúc ca về một Trường Sơn huyền thoại, Nguyễn Anh Nông không quên ghi công thiên nhiên. Với nhà thơ, những áng mây, những căn hầm, những cây cầu tạm đã cùng với con người lập thành một trận tuyến đánh giặc. Trong cảm nhận của Nguyễn Anh Nông, mây an nhiên, trong trẻo, dịu dàng là thế nhưng khi cần, mây cũng là một chiến binh dũng cảm, sẵn sàng bảo vệ đoàn quân trước họng súng quân thù:

Mây từng che mắt đối phương

Cho ai vượt biển

Mây không là gì

Nhưng mây che – giấu - không cho địch thủ phát hiện

Đoàn quân rùng rùng đi trong quyển luyến.

Có thể nói với *Trường ca Trường Sơn*, Nguyễn Anh Nông đã khái quát tương đối đầy đủ những yếu tố làm nên chiến thắng huyền thoại Trường Sơn.

2.1.2.2. Một Trường Sơn "vạn đại"

Điểm mới mẻ trong *Trường ca Trường Sơn* là Nguyễn Anh Nông không chỉ cho người đọc thấy được một Trường Sơn trong quá khứ hào hùng của dân tộc mà còn cung cấp cho người đọc cái nhìn về một Trường Sơn trong hiện tại và tương lai. Chiến thắng của ngày hôm qua chính là điểm tựa cho tương lai để ta có thể xây dựng một Trường Sơn giàu mạnh, xứng đáng với những người đã ngã xuống. Và có được ngày hôm nay, ta không bao giờ được phép lãng quên quá khứ. Nguyễn Anh Nông đã điểm danh những yếu tố làm nên một Trường Sơn vạn đại, một Trường Sơn đang thay da, đổi thịt. Đó là sự góp mặt của con người và thiên nhiên.

Nhắc tới những người đang từng ngày, từng giờ giúp Trường Sơn thay da đổi thịt, Nguyễn Anh Nông không quên sự góp công của người lính. Ngày hôm qua họ là những anh hùng nơi chiến trận, ngày hôm nay họ trở về giữa cuộc sống đời thường với biết bao thương tích chiến tranh nhưng các anh đã vượt qua tất cả, tự dặn lòng không bao giờ quay lưng lại với quá khứ. Các anh luôn trân trọng, biết ơn quá khứ, biết ơn cả những tháng ngày gió mưa và nắng nỏ: *Trời cho/ Đất cho/ Người cho/ Nhiều hơn cái mình vốn có/ Cảm ơn những ngọn gió/ Cảm ơn những nụ hoa/ Cảm ơn những tháng ngày gió mưa và nắng nỏ.* Người lính Trường Sơn của ngày hôm qua đã sát cánh cùng những người lính mới, giúp Trường Sơn thay da đổi thịt, xây dựng một Trường Sơn của thời đại mới: *Người lính cũ bên những người lính mới/ Họ mộc mạc, đơn sơ, thuần khiết/ Họ cười nói như là không mệt nhọc/ Như là không khắc khoải nỗi chờ mong/ Nghiêng gầu máy/ múc/ Ánh trăng cổ thụ/ Đắp/ đằm/ lặn.../ đập chấn,/ ngăn sông/ Hút nước/ nhả/ ngược dòng/ nương máng mới/ Lúa ngô trở bắp, đơm bông/ Cà phê mướt xanh lúc liu hoa trái mộng.*

Và điều các anh làm đâu chỉ có thế! Những người lính năm xưa còn truyền lửa cho thế hệ sau viết tiếp bài ca Trường Sơn ngay cả khi các anh đã rời xa cõi thế. Nguyễn Anh Nông đã dành số trang lớn nhất trong tác phẩm cho người lính ở thế giới bên kia bộc bạch nỗi niềm. Anh bay về miền cực lạc, thấy vui biết bao khi con cháu:

Bầu đoàn lũ lũ/ Mỗi người – chọn cho mình – một Trường Sơn/ Rời đi – bằng đôi chân của mình/ (mặc - sức vóc – không bằng anh bằng chị). Anh dặn dò, gửi gắm niềm tin mãnh liệt vào cháu con, những người sẽ tiếp bước mình xây dựng một Trường Sơn vạn đại: Nơi các con đón đợi/ Những Trường Sơn/ kì vĩ/ tươi non/ Vượt: đau buồn/ Vượt: tị hiềm, đố kị/ Vượt: ngờ vực, nhỏ nhen, ích kỉ/ Đây, Trường Sơn – bạn bè – anh em/ đồng chí – đồng loại – đồng bào/ Những Trường Sơn dài rộng tới mai sau.

Nghe theo lời cha dặn, hôm nay người con vượt Trường Sơn với bao nỗi niềm suy tư của tuổi trẻ và rồi người con đã nghiệm ra và chấp nhận thử thách của đời mình:

Sức vóc con người có hạn

Giấc mơ nào còn lại giấc mơ thôi?

Con chấp nhận: Trường Sơn vạn đại

Những Trường Sơn – dài – rộng – của – riêng – mình.

Không chỉ ngợi ca người lính, *Trường ca Trường Sơn* còn là khúc ca về những con người đang từng ngày, từng giờ đem dòng điện sáng, ngăn nước lũ, xua thú dữ, đem đến mùa màng tốt tươi và cuộc sống yên bình: *Xua thú dữ, mùa màng tươi tốt/ Ngăn lũ nguồn, điện sáng, băng khuâng.* Họ là những người lao động cần cù, bình dị với tình yêu tha thiết mảnh đất quê hương:

Những chàng trai cô gái tuổi mười tám đôi mươi

Gánh trên vai bao điều bình dị

Cồng trên lưng nặng nhọc tháng năm đi.

Trong khúc ca về một Trường Sơn vạn đại, người đọc bắt gặp cả hình ảnh rất đỗi dịu dàng của cô giáo trẻ Tây Nguyên, người đem ánh sáng tri thức đến chốn thâm u rừng già núi thiêng: *Bên cô giáo trẻ/ Người con gái Tây Nguyên/ Viết lên bảng đen/ Những điều mới mẻ/ Như viết vào quyển sách cuộc đời cô/ Ngọn đuốc sáng soi vào thâm u rừng già núi thiêng.* Và yêu biết bao cái âm thanh trong ngần các em nhỏ học bài: *Kìa voi đủng đĩnh/ Cái vòi cong cong/ Cái đuôi phơ phất/ Bốn chân vòng vèo.*

Nguyễn Anh Nông thật có lí khi tin rằng vào một ngày không xa, các em chính là những người viết tiếp khúc ca về Trường Sơn: *Ngày mai khôn lớn/ Em vào thay ca/ Tung bừng điện sáng/ Niềm vui chan hòa.*

Để làm nên một Trường Sơn vạn đại, một Trường Sơn rực rỡ sắc màu, Nguyễn Anh Nông đã không quên khắc họa một không gian văn hóa rất đặc trưng của Tây Nguyên. Đó là mái nhà rông ngân nga tiếng chiêng, là tiếng trâu đi hoang hoải rừng già, là những bản anh hùng ca của Đam San, Xinh Nhã,...Đến với không gian văn hóa ấy, ta bắt gặp trong thơ Nguyễn Anh Nông những câu thơ thật duyên dáng và tình tứ:

Thông thống gió trời

Vạm vỡ ngực trần Đam San

Dịu dàng ánh mắt Hơ Nhí

Mái nhà rông ngân nga tiếng chiêng

Uốn lượn dốc đồi mái núi

Thác chảy rì rào, u u tu

Đôi trai gái tuổi trăng tròn tình tự

Rượu cần vít cong niềm vui

Lời khan ủ men thấp thỏm.

Chỉ vài câu thơ thôi mà Nguyễn Anh Nông đã rót vào lòng ta thứ mật ngọt xao xuyến của rừng già để rồi ai chưa một lần đến với Tây Nguyên, đến với Trường Sơn đều khao khát khôn nguôi. Và chắc hẳn hình ảnh già làng, người giữ hồn văn

hóa Tây Nguyên sẽ in đậm trong lòng người đọc với một ấn tượng khó phai. Nguyễn Anh Nông đã đề già làng nói lên tâm tình của mình bằng cách nói vừa chân thực, vừa hài hước, vừa như thôi miên độc giả: *Những già làng như ta – da đồng, tóc cước,/ râu bạc, kẻ Khan như lên đồng – ong bay, bướm lượn/ Vắt vẻo rượu cần/ Cồng chiêng say ánh mắt/ Bàn chân bàn tay vụng dại/ Múa lên trời hoa văn/ Xòe mặt đất lời cỏ mật/ Cát lên những lời u ơ...u ơ.../ Mặt trời đỏ ứa nước mắt/ Vàng trắng then thùng, lấp lửng trong mây.*

Và đến với *Trường ca Trường Sơn* là ta đến với khúc ca của đại ngàn hùng vĩ. Mặc dù bom đạn chiến tranh, chất độc hóa học của kẻ thù có sức tàn phá ghê gớm nhưng Trường Sơn vẫn hồi sinh mãnh liệt với màu xanh bất tận:

*Tọa độ nào bom đạn chất chồng ngọn ngang đất đá
Giờ xanh cây lá.*

Đọc kỹ *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông, chúng ta mới thấy cách sắp xếp các chương, đoạn của nhà thơ thật chặt chẽ. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Anh Nông kết thúc bản trường ca đầu tay của mình bằng một *Vĩ thanh*. Trong *Vĩ thanh* ấy, chúng ta lắng nghe được hơi thở, nhịp đập của những trái tim đang yêu, của vũ điệu rừng xanh:

*Tay nắm chặt tay
Mắt ngời trong mắt
Rượu cần – nghiêng chén – nghiêng chum
Mái nhà rông ngân tiếng hát
Cồng chiêng rạo rục
Núi non nhón gót
Rừng xanh kiểng chân.*

Có lẽ đây chính là cái đích cuối cùng mà nhà thơ muốn hướng đến khi viết về Trường Sơn, một Trường Sơn rạo rục niềm vui, chan chứa tình yêu và đậm đà sắc màu văn hóa.

2.2. Gửi Bill Gates và trời xanh, “một thông điệp văn hóa thời kĩ trị”

Khi nhắc tới nội dung của trường ca, người đọc thường nghĩ ngay tới những vấn đề trọng đại của một quốc gia, một cộng đồng. Trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh* của Nguyễn Anh Nông cũng vậy. Song nét đặc biệt của trường ca này ở chỗ nó không đậm chất sử thi như phần lớn những trường ca khác mà tìm đến những vấn đề mang tính thời sự nóng hổi trong đời sống để qua đó truyền tải những thông điệp mới. Hơn nữa, cách thể hiện của Nguyễn Anh Nông ở trường ca này cũng khá đặc biệt. Toàn bộ tác phẩm là lời tâm tình của nhà thơ, một nông dân của nền văn minh nông nghiệp lúa nước với Bin Ghét – một tỉ phú của nền văn minh công nghệ. Qua cuộc đối thoại ấy, Nguyễn Anh Nông đã gửi đi bức thông điệp văn hóa thời kĩ trị: bức thông điệp về tình yêu cuộc sống, tình yêu đối với thơ ca.

2.2.1. Tình yêu cuộc sống

Chúng ta đang sống trong thế kỉ XXI, thế kỉ của nền kinh tế tri thức, thế kỉ của khoa học công nghệ. Những lợi ích mà cuộc cách mạng khoa học công nghệ đem lại cho đời sống con người là không thể phủ nhận. Song cùng với đó là những hệ lụy khôn lường đe dọa đến cuộc sống con người: chiến tranh, bệnh tật, ô nhiễm môi trường sống,...và đặc biệt là hiện tượng con người trở nên hờ hững, vô cảm trước đồng loại. Ý thức sâu sắc về những thảm họa mà loài người đang và sắp phải hứng chịu, Nguyễn Anh Nông đã rung lên tiếng chuông cảnh báo và gửi đi bức thông điệp về tình yêu cuộc sống.

Trong bức thông điệp về tình yêu cuộc sống mà Nguyễn Anh Nông gửi gắm ở trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*, người đọc dễ dàng nhận ra thông điệp hòa bình, thân thiện. Ta hãy cùng nghe lời tâm tình của Nguyễn Anh Nông, một nông dân Việt Nam gửi tỉ phú công nghệ Bill Gates nước Mỹ:

Bin Ghét

Cậu khỏe không?

Tớ với cậu chưa gặp nhau

Nhưng tớ biết cậu

Cậu giỏi thế ai mà chẳng biết

*Chỉ có người mù và điếc không nghe, không thấy
 Những người chưa sinh ra và người chết khi cậu
 chưa sinh ra thì không biết
 Những người ngoài hành tinh thì họ chẳng cần biết
 Tớ với cậu đang suy nghĩ và đang làm gì?*

Trong cách người nông dân thực thà, chất phác ấy nói chuyện không hề có khoảng cách giữa người giàu, người nghèo; không có sự tự ti của một tiểu nông trước tỉ phú công nghệ tầm vóc thế giới. *Tớ - cậu*, cách xưng hô sao mà thân thiện, gần gũi, đời thường ngỡ như hai người đã là bạn tự thuở nào! Nhưng không, trong lời tự bạch của mình, Nguyễn Anh Nông khẳng định chỉ mình biết Bin Ghét, còn Bin Ghét không hề biết đến Nguyễn Anh Nông. Và tất nhiên rồi, khi bạn chưa biết về mình thì chỉ còn cách duy nhất là mình tự giới thiệu:

*Bin Ghét
 Rõ ràng cậu chẳng biết tớ
 Mà biết để làm gì?
 Tớ chỉ là một nông dân xoàng
 Của xứ sở hiền hòa, nhân hậu
 Mưa và nắng và gió và bão
 Vẫn đồng hành
 qua những thương đau...*

Vẫn là những lời lẽ đối thoại thẳng thắn của một tiểu nông chất phác nhưng người đọc vẫn kịp nhận ra trong lời lẽ ấy ẩn giấu một niềm kiêu hãnh, tự hào khôn nguôi về nền văn hóa của một dân tộc đã phải trải qua biết bao đau thương nhưng vẫn *hiền hòa, nhân hậu*. Và đây nữa những lời tự bạch chân thành của thi sĩ họ Nguyễn:

*Tớ là niềm thương nỗi nhớ của lũy tre, rặng dừa,
 luống khoai, thửa mạ?*

Tớ là niềm dan díu của gió núi, hương rừng.

Tớ là hơi thở của biển xanh, cát trắng?

Tư duy tớ chấp chờn cánh én, cánh hải âu

Tâm hồn tớ mang hàng đàn

chim bồ câu – chim hòa bình

Pi-cát-xô với tớ, là bạn

Mặc dù Pi-cát-xô chẳng biết tớ là ai

Nguyễn Anh Nông đã tự phác họa bức chân dung tinh thần của mình để người bạn phương xa hiểu. Trong những lời tự bạch ấy, người đọc bắt gặp dáng dấp của một con người có tình yêu tha thiết với quê hương, vườn ruộng. Và trên hết đó là tình yêu, khát vọng hòa bình – khát vọng muôn thuở của nhân loại. Mặc dù chỉ là một *nông dân xoàng* nhưng vị nông dân ấy tự nhận là bạn của Pi-cát-xô, một danh họa nổi tiếng của đất nước Tây Ban Nha nói riêng, của toàn thế giới nói chung. Mới nghe qua thật khó có thể tin được nhưng đọc tiếp mà ngẫm thì hoàn toàn hợp lí:

Cậu biết không?

Năm 1991

Tớ viết như thế:

Pi-cát-xô là bạn!

Ông ấy nào biết tớ là ai?

Giống như cậu, nào biết tớ là ai?

Cậu biết tớ mà làm gì, tớ là ai chẳng được?

Tớ là bạn của Hòa Bình và Cái Đẹp

Những ai yêu cái đẹp và Hòa Bình

Cứ cần gì phải quen biết nhau đâu?

Cái Đẹp và Hòa Bình là những giá trị mà cả nhân loại trân trọng, yêu mến và khao khát kiếm tìm. Do đó, người giàu cũng như người nghèo, người nổi tiếng hay

kẻ vô danh tiểu tốt đều có thể trở thành những người bạn nếu như họ cùng yêu mến, tôn thờ Cái Đẹp và Hòa Bình, giống như Bin Ghét – Nguyễn Anh Nông và Pi-cát-xô vậy. Hiểu sâu sắc tư tưởng của danh họa Pi-cát-xô: “Tôi đứng về phía cuộc sống, chống lại cái chết. Tôi đứng bên cạnh hòa bình, phản đối chiến tranh” cùng với những thông điệp người họa sĩ gửi gắm trong những bức tranh vẽ chim bồ câu, rõ ràng vị nông dân ấy không hề *xoàng* chút nào! Với sự cảm nhận khá tinh tế về hội họa, nhà thơ đã tâm sự với Bin Ghét những vấn đề trọng đại của toàn nhân loại nhân việc bàn về một bức tranh:

Dưới nét bút danh họa

Một lần ta nhìn thấy bóng em

- chim câu -

trong nanh vuốt của con mèo mặt hổ

Thế giới sục sôi – vạc dầu – chiến tranh.

Hình ảnh chim câu – biểu tượng đẹp đẽ của hòa bình nhân loại đang bị vây khốn *trong nanh vuốt của con mèo mặt hổ*. Tính mạng của chim câu đang ngàn cân treo sợi tóc đồng nghĩa với việc nền hòa bình thế giới đang bị đe dọa nghiêm trọng. Trái tim nhà thơ và những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới không tránh khỏi nỗi xót xa khi thấy cảnh: *Chim câu đang vừa bay vừa khóc...*

Không chỉ mượn hình ảnh chim câu để nói về nền hòa bình thế giới đang bị đe dọa, Nguyễn Anh Nông còn khắc họa trực tiếp những vấn đề có tính thời sự nóng hổi rất đáng lo ngại của nhân loại như khủng bố, chiến tranh, chết chóc, khủng hoảng kinh tế,... Là một công dân có trách nhiệm của hành tinh này, nhà thơ không khỏi trăn trở, lo lắng trước vận mệnh nhân loại. Không lo lắng sao được khi con người sống với nhau giả dối; khi cái xấu, cái ác đội lốt những giá trị nhân văn:

Sách thánh hiện trong tay quỷ dữ?

Mặt trời bầm máu ứa

Tiếng kêu la trong quảng lửa

Đạn bom mang khuôn mặt nhân từ

Đạo đức phét sơn xanh đỏ

Bàn tay sắp ngựa

Trái tim đen?

Ám ảnh thay tiếng kêu la của những con người thấp cổ, bé họng trong quảng lửa chiến tranh và tội ác! Từ đây, Nguyễn Anh Nông đã gióng lên hồi chuông thức tỉnh nhân loại: hãy yêu hòa bình và nỗ lực hết mình vì một thế giới hòa bình! Điều đáng quý nữa là mặc dù thế giới có hỗn độn, trật tự hay mờ nhòe thì khát vọng hòa bình vẫn chưa khi nào tắt trong trái tim nhà thơ. Dù bị vây khốn trong nanh vuốt của con mèo mặt hổ nhưng chim câu – chim hòa bình vẫn hồi sinh kì diệu và cất cánh bay lên: *Như có phép lạ/ Rồi bỗng em hồi sinh/ Chim câu ngời rúm rỏ/ Chim câu cất cánh bay lên*. Có thể nói hình ảnh chim câu tung cánh giữa trời xanh đã mang theo khát vọng hòa bình của một công dân toàn cầu – nhà thơ Nguyễn Anh Nông.

Cùng với thông điệp hòa bình, thân thiện, Nguyễn Anh Nông còn gửi tới người đọc bức thông điệp về tình yêu thương con người. Bằng trái tim của một thi sĩ, hơn ai hết nhà thơ cảm nhận được sức mạnh và giá trị của tình người trong cuộc sống, rằng: con người sẽ có cuộc sống hạnh phúc khi biết tìm đến nhau để yêu thương.

Là tín đồ của cái thiện và lòng yêu thương con người, Nguyễn Anh Nông đã đồng dạng khẳng định: *Tôi phản đối sự treo cổ của lòng thù hận!* Với nhà thơ, không phải ngẫu nhiên mà Hút-xen đứng trước vành móng ngựa, bị dư luận thế giới lên án nhưng điều quan trọng là ta phải ứng xử như thế nào trước một con người từng lầm lỡ? Nguyễn Anh Nông tâm sự với Bill Gates những cảm nhận chân thực của bản thân trước cách hành xử của nhân loại về tội phạm chiến tranh, Tổng thống Hút – xen của đất nước I - Rắc:

Bạn ạ!

Không ai dừng đứng nhìn một người bị treo cổ

- dẫu họ đã có lần mắc sai lầm

- bây giờ đừng đưa chiếc dây không

- còn cái đầu đã lìa khỏi cổ?

Nhà thơ đã khẳng định con người không thể đứng đưng trước nỗi đau của đồng loại và phát đi thông điệp: hãy yêu thương con người, hãy mở rộng tấm lòng vị tha, nhân ái! Bởi chỉ có tình yêu thương mới khiến cho cuộc sống của con người mãi đẹp đẽ như mùa xuân:

*- Kìa em ơi, mùa xuân đang hẹn hò trước cửa
Ta sánh bước bên nhau bè bạn với thiên thân
Thiên thân chạy lon ton, ngạt ngào hoa mới nở
Em dịu dịu trong anh hơi thở thanh tân.*

Vẫn biết rằng cuộc sống muôn hình vạn trạng, rông phượng – rắn rết, tốt – xấu vẫn ở cạnh nhau và mỗi con người là một cái loa phát ngôn. Có cái loa phát ra *hương hoa, ánh sáng*, kéo con người gần nhau hơn; lại có chiếc loa phát ra *mùi thum thum, u ám khói độc*, đẩy con người vào khổ đau, chết chóc:

*Có chiếc loa phát ra hương hoa, ánh sáng
Có chiếc loa tỏa mùi thum thum, u ám khói độc
Có chiếc loa kéo con người lại với nhau
Có chiếc loa phá đám, xui khiến con người thù địch,
chép giết đồng loại*

Và tự sâu thẳm lòng mình, Nguyễn Anh Nông khao khát mỗi con người trong cuộc đời này hãy là chiếc loa *gieo trồng hạnh phúc từ đống tro tàn*.

Có những lúc phân vân về bản thể, Nguyễn Anh Nông đã hóa thân vào “một làn mây”, “một làn gió”, “một bông cúc xanh”, “một đóa hoa hồng” và cuối cùng khẳng định:

*Bin Ghét này, mình nói thật:
Chúng – mình – là – hạt – cát – biết – yêu đương...*

Bình dị, nhỏ nhoi vậy thôi nhưng hạt cát ấy lại chắt chiu cái mặn mòi của biển cả, lại biết cất lên lời của gió, lời của trái tim tha thiết yêu thương. Vô vàn

những hạt cát biết yêu đương như thế sẽ khiến cho hành tinh này ánh lên sắc màu kì diệu của tình yêu!

Một cuộc sống tốt đẹp, một cuộc sống chan chứa niềm vui và rộn rã tiếng cười luôn là điều nhân loại hằng mơ ước. Và để có niềm vui trọn vẹn giữa cuộc đời này, theo Nguyễn Anh Nông, con người phải yêu thiên nhiên, chung sống hòa bình với thiên nhiên. Khoa học công nghệ phát triển đem lại cho con người bao lợi ích song nó cũng khiến môi trường sống bị ô nhiễm, những thiên tai, bệnh tật đang chờ đón con người phía trước. Là một công dân toàn cầu, Nguyễn Anh Nông không thể làm ngơ trước cảnh:

*- Kìa chim câu trắng nhao mình trên núi lửa và
Ngùn ngụt khói giéng dầu
Mặt trời sặc sụa nhỏ những giọt nước mắt – a-xít
Xuống các châu lục.
Chim câu đang vừa bay vừa khóc...*

Những dự cảm của một con người từng trải đã nhắc nhở chúng ta về sự nổi giận của thiên nhiên, về một thảm họa thiên tai đang tới gần: *Hình như gió mưa dữ dằn hơn xưa?/ Hình như trái đất đang kì ậm ạch?*

Chính con người là tác nhân số một gây ra những thảm họa ấy. Những con người đang từng ngày, từng giờ chạy theo lợi nhuận trước mắt mà bất chấp tất cả đã khiến cho bà mẹ trái đất trở nên già nua, bệnh tật:

*Những tổ hợp nhà khói độc lên trời
Từng đám mây a-xít lặc lè bay quanh trái đất
Trái đất ruồng dần bởi dầu, than, khí đốt
- con người khai lên
Con người khai lên cả vàng, đồng, kẽm, sắt...
Trái đất như con người bị moi dần tim, gan, lá lách
Một ngày kia trái đất như người già đờn đau, tật bệnh*

Từ hiện thực đau đớn ấy, nhà thơ đã thăng thốt cất lên câu hỏi đầy day dứt: *Vũ trụ có còn nguyên một tinh tú lung linh?* Đó là câu hỏi của một con người có ý thức, trách nhiệm với ngôi nhà chung của nhân loại, một người yêu thiết tha trái đất này. Và tự đáy lòng mình, Nguyễn Anh Nông trầm nhủ:

Thiên hạ đang mơ cơn mưa vàng

Ta mơ màu xanh râm mát

Ta mơ giấc mơ trái đất

Vĩnh viễn là người bắt tử em ơi!

Giấc mơ ấy bình dị, mộc mạc thôi nhưng cao cả và đẹp đẽ vô ngần. Nhà thơ đâu có mơ cho riêng mình một cuộc sống đủ đầy, sung túc mà mơ giấc mơ nhân loại, mơ trái đất vĩnh viễn thành người bắt tử! Và đây nữa một suy nghĩ đáng trọng biết nhường nào:

Mỗi ngày sống ta như người mắc nợ

Với trái đất này, bạn ơi!

Bằng giọng thơ tâm tình, Nguyễn Anh Nông đã gửi tới người đọc bức thông điệp xanh: hãy chung tay, góp sức để ngôi nhà chung của nhân loại mãi xanh!

2.2.2. Tình yêu thơ ca

Có thể nói bức thông điệp văn hóa thời kỹ trị mà Nguyễn Anh Nông gửi tới bạn đọc ở trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh* còn chứa đựng cả thông điệp về tình yêu đối với thơ ca. Nhà thơ ý thức sâu sắc rằng văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra. Và thơ ca cũng chính là một trong những yếu tố quan trọng của văn hóa ở phương diện giá trị tinh thần. Do đó, Nguyễn Anh Nông trong những lời trò chuyện với Bill Gates đã khẳng định giá trị nhân văn của thơ ca và phát đi thông điệp về tình yêu đối với thơ ca, nhất là trong một xã hội mà công nghệ phát triển như vũ bão khiến con người *dễ đánh đồng tiền bạc với nhân văn*.

Trong cuộc đối thoại văn hóa giữa một *nông dân xoàng* như cách Nguyễn Anh Nông nói về mình với một tỉ phú công nghệ thế giới, ta nhận thấy người nông dân ấy hiện lên không hề nhỏ bé, tự ti mà vô cùng bình đẳng:

Tớ khâm phục cách cậu nói và làm việc

Tớ ngưỡng mộ cách cậu sử dụng tiền

Tớ học cậu cách cậu làm – đặng đàn, đi đứng

Tất nhiên cậu học tớ cách làm thơ, thì cũng còn lâu

(Dẫu khiêm tốn thì vẫn còn khiêm tốn)

Nguyễn Anh Nông không tiếc lời ngợi ca người bạn phương xa, một vĩ nhân của nền văn minh công nghệ - Bin Ghét. Trong lời ngợi ca ấy, người đọc dễ dàng nhận thấy nhà thơ đã vinh danh những con người tạo ra giá trị vật chất, nâng cao chất lượng sống cho nhân loại. Đồng thời, Nguyễn Anh Nông cũng khẳng định vai trò quan trọng của những con người sáng tạo ra giá trị tinh thần như mình:

Nếu thơ tớ mà đổi ra đô la, vàng, bạc, kim cương

Thì trái đất nặng thêm nhiều trọng lực

Cái ấy giống tư duy của cậu cũng nhiều trọng lực

Thế mà thế giới mấy người biết?

Trong những lời thơ tưởng như đùa vui, tếu táo, người đọc thấy cả niềm tự hào, kiêu hãnh của một thi nhân và ẩn sâu trong niềm kiêu hãnh ấy là nỗi xót xa, day dứt khôn nguôi khi: *Thiên hạ dễ đánh đồng tiền bạc với nhân văn? Không xót xa sao được khi con người chạy theo văn minh công nghệ, sẵn sàng: Đánh đổi mồ hôi và máu/ Lấy giàu sang? Quyền quý, vinh quang?*

Họ sống nhanh, sống gấp mà nhất thời quên đi những giá trị sống, để không kịp nhận ra mình đang bị già nua, cằn cỗi về tâm hồn. Nguyễn Anh Nông đã giúp họ nhận thức lại rằng tiền bạc, danh vọng không phải là thứ duy nhất con người cần đến trong cuộc đời này, rằng thơ ca sẽ làm đẹp tâm hồn con người và nó còn giá trị hơn tất cả vật chất: *Vàng bạc nào sánh nổi mấy vần thơ?* Vậy thơ là gì mà có giá

trị lớn lao đến vậy? Với nhà thơ họ Nguyễn, thơ là tiếng nói của tâm hồn, của niềm tin yêu cuộc sống:

Thơ bì bõm lội ngang chiều tĩnh động

Tớ vẫn hát niềm tin yêu cuộc sống

Dẫu cô đơn thăm thẳm voi đầy

Thơ là gì mà biếc gió xanh cây?

Tình yêu là gì, nào ai đã rõ?

Thơ khiến cho cõi nhân gian trở nên lung linh, huyền diệu hơn! Thơ tưới mát hồn ta bằng những giấc mộng thom tho và đẹp đẽ: *Đời vẫn thế: bao dung, làm lười/ Những nàng thơ đông đảo, đa tình?/ Bao giấc mộng thom tho, đẹp đẽ/ Cứ hoài thai lẳng lặng hiện hình.* Từ thực tế cuộc sống, nhà thơ suy ngẫm, chiêm nghiệm và nhận ra giá trị đích thực của thơ ca. Bằng cách nói có phần hài hước và thẳng thắn của một nông dân, Nguyễn Anh Nông đã đứng cao hơn Bin Ghét khi mỉm cười mà phán rằng:

Bin Ghét đích thị không biết làm thơ?

Thế thì phí...nửa đời người?

Thế thì giàu, nhiều đô la, cũng...vứt!

Đếch như chúa Chôm Việt Nam tao

Xuống âm phủ, hòa cả làng, như nhau tất.

Quả thực những vần thơ như thế của Nguyễn Anh Nông không khỏi khiến nhiều độc giả tròn mắt ngạc nhiên. Cái ngạc nhiên đến từ chỗ Bin Ghét vốn là một vĩ nhân, một công dân nổi tiếng toàn cầu ai ai cũng ngưỡng mộ và thán phục. Thế mà Bin Ghét lại nhận được từ một nông dân xoàng cái lắc đầu tiếc nuối kèm một lời phê: không biết làm thơ thì *phí nửa đời người, nhiều đô la cũng...vứt!* Lời phê ấy thật dí dỏm và sâu sắc. Nó chỉ có thể có ở một con người từng trải, thấu lẽ đời và mang một trái tim nhân văn cao cả!

Lẽ dĩ nhiên, khi ta đánh giá về đối tượng nào cũng phải nhìn từ nhiều góc độ để có được cái nhìn toàn diện nhất. Nguyễn Anh Nông cũng vậy. Nhà thơ phê Bin

Ghét không biết làm thơ nhưng lại nhìn thấy đóng góp lớn lao của kĩ thuật công nghệ trong việc truyền đi *những tia chớp mang hình trái tim*:

*Nhưng tớ biết và tớ khoái nhất khi sử dụng internet –
những công nghệ do cậu và đồng nghiệp của cậu tạo ra
- để viết thơ và truyền tới bạn bè
- nhanh hơn tia chớp*

Những tia chớp mang hình trái tim

Vậy là trong tâm thức của Nguyễn Anh Nông, Bin Ghét – người bạn phương xa ấy đã góp phần đắc lực để truyền đi thông điệp trái tim – thông điệp của thơ ca. Và rồi nhà thơ khẳng định rằng cả thơ ca và công nghệ thông tin đã kéo con người xích lại gần nhau hơn: *Bin Ghét/ Hơn năm tháng tớ gửi thơ lên mạng/ Không may may nhận được hồi âm của cậu/ Tớ lại nhận được nhiều bạn mới/ Qua email./ Có ai biết mặt ai đâu/ Những con chữ kết họ lại/Như keo/ Dính vào/ Khó gỡ ra. Chát keo kết nối những con người xa lạ lại với nhau theo cách nói của Nguyễn Anh Nông phải chăng là tình yêu mãnh liệt của con người đối với thơ ca hay sự đồng điệu của những tâm hồn yêu cái đẹp? Có lẽ cả hai!*

Viết trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*, Nguyễn Anh Nông muốn nhắn nhủ người đọc rằng giá trị vật chất thật đáng quý nhưng giá trị tinh thần như thơ ca là thứ không thể thiếu trong bất cứ nền văn minh nào. Nếu thiếu nó, con người sẽ trở nên khô cứng về tâm hồn và sẽ chẳng khác nào những con rô bốt đã được lập trình sẵn!

2.3. Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành, một mảng màu cuộc sống đời thường

Văn học viết cho thiếu nhi là một mảng đề tài đã được nhiều nhà văn, nhà thơ lựa chọn. Với lòng yêu trẻ, hiểu trẻ, nhà thơ Nguyễn Anh Nông đã có hẳn tập thơ *Kị sĩ ngựa gỗ* viết về lứa tuổi này. Không dừng lại ở đó, thế giới tuổi thơ còn được Nguyễn Anh Nông miêu tả một cách sinh động trong hai tập trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành*. Viết hai trường ca này, Nguyễn Anh Nông lấy cảm hứng từ sự kiện hai đứa con trai của một người bạn - nhà thơ Đỗ

Trọng Khôi lần lượt chào đời. Khám phá hai trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành* của Nguyễn Anh Nông, người đọc sẽ tìm thấy một mảng màu cuộc sống đời thường với những niềm vui bình dị, những lo âu, trăn trở và cả ước vọng về tương lai.

2.3.1. Niềm vui bình dị

Trong cuộc sống, sự ra đời của một công dân tí hon luôn là niềm vui lớn của cha mẹ, gia đình và bạn bè. Trong hai trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành*, Nguyễn Anh Nông đã thay mặt gia đình nhà thơ Đỗ Trọng Khôi nói lên niềm hạnh phúc khi họ lần lượt chào đón hai đứa con trai là Cu Lập Sơn và Lập Thành. Sự kiện Cu Lập Sơn chào đời được Nguyễn Anh Nông miêu tả là vào một "Buổi sáng - khởi đầu":

Chú cung quăng chum nước mưa gốc cau sáng nay

bình tỉnh giấc

Thế giới ngoài kia rộng hẹp thế nào?

Mưa gió nhôm nham vườn khuya để giun tự tình: Cu Lập Sơn

chào đời trong sự hân hoan ít nhất của hai người.

(*Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn*)

Có thể nói Cu Lập Sơn chào đời là một sự kiện đặc biệt có ý nghĩa đối với gia đình nhà thơ Đỗ Trọng Khôi. Nó đặc biệt ở chỗ đứa trẻ này không chỉ là đứa con đầu lòng được cả gia đình mong đợi mà Cu Lập Sơn còn là kết quả tình yêu của những con người có số phận éo le. Cha cậu, Đỗ Trọng Khôi bị liệt cả hai chân, ngày cũng như đêm phải làm bạn với chiếc giường trong tư thế nằm ngửa, nằm nghiêng. Mẹ cậu, Đỗ Kim Oanh đã từng gặp trắc trở trong tình duyên, đi dọc chiều dài của đất nước cuối cùng mới tìm được bến đỗ hạnh phúc trên quê lúa Thái Bình. Thế mới biết sự ra đời của Cu Lập Sơn đã nhân lên niềm vui gấp bội cho một gia đình vốn gặp nhiều sóng gió và bất hạnh. Và rồi niềm vui nối tiếp niềm vui, mầm sống thứ hai tiếp tục được gieo trồng từ những khó khăn, bất hạnh của cuộc đời: Đỗ Khôi, Kim Oanh đã đón chào đứa con thứ hai, Lập Thành. Có thể nói sự có mặt của Cu Lập Sơn và Lập Thành trong gia đình Đỗ Khôi giống như những làn gió mát, những

bông hoa tỏa ngát hương thơm tô điểm và làm đẹp cho cuộc sống. Những đứa trẻ chính là nhân tố quan trọng góp phần tạo nên một mái ấm gia đình, giúp cha mẹ chúng có thêm niềm tin để vượt qua những khó khăn, trắc trở và vươn lên trong cuộc sống. Đứa trẻ miệng sữa từ những tiếng phát âm *u...o...ơ* cho đến những câu gọi mẹ, gọi cha đầu tiên đã đem lại sự xúc động, niềm vui cho những bậc sinh thành. Những người làm cha, làm mẹ không vui sao được khi từng ngày được nhìn thấy đứa con của mình khỏe mạnh, chân đi miệng nói. Và đôi khi niềm vui, niềm tự hào của cha mẹ lại đến từ những cảnh tượng hết sức ngộ nghĩnh, hồn nhiên của trẻ nhỏ. Khi là cảnh Cu Sơn khỏe mạnh đái vồng cầu vồng trong ánh mắt thán phục của người lớn:

Mấy tháng tuổi mà đái vồng cầu vồng: Ấy là hạnh phúc

Hình dung con mua trắng đồng ngoi ngóp lũ của xanh

Nhiều người nhìn Cu Lập Sơn mà ao, mà ước....

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Lúc lại là cảnh đứa trẻ vui sướng thỏa thuê khi bắt gặp bầu sữa thơm của mẹ: *Nụ cười chúm chím vú mọng sữa thơm tít mắt/ bàn tay nắm chim chim*. Được ôm con trong vòng tay, thấy nụ cười chúm chím, ánh mắt thỏa thuê của con, người mẹ nào không hạnh phúc? Chính sự hồn nhiên, trong trắng của đứa trẻ đã đem lại niềm vui và dạy cho người lớn quên âu sầu, lo lắng:

Vô tư khóc cười

Những đứa trẻ thiên thần trong trắng

Dạy người lớn quên âu sầu, lo lắng.

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Cùng với sự nuôi dưỡng của cha mẹ, đứa trẻ ngày một lớn lên gắn liền với niềm vui được khám phá thế giới xung quanh. Thế giới đã nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ của anh em Cu Lập Sơn, Lập Thành là không gian sống của gia đình, không gian của làng quê thanh bình, yên ả: khi là cây đa, đồng rom, chim sáo, cái sân gạch, bậc cửa, con chó, con gà. Có khi là cây lúa, cây ngô, cây khoai lang, ghé ọ,

bê vàng,...những hình ảnh quen thuộc gắn bó với cuộc sống nơi làng quê. Nó là những thứ thiết yếu để nuôi nấng con người lớn khôn. Nguyễn Anh Nông đã diễn tả thật đúng cái cảm giác của đứa trẻ Lập Thành ngồi bếp chờ nồi ngô luộc đang sôi ùng ục, tỏa hương vị hấp dẫn mà nuốt nước bọt: *Bếp/ Ngọn lửa liếm lát/ Nồi leng keng/ Ùng ục/ Sôi/ khói tỏa/thơm, thơm.../ L.T./ nuốt nước bọt/ Ngô ơi! (Lập Thành)*.

Khi nói về thế giới tuổi thơ, Nguyễn Anh Nông không quên nhắc đến những trò chơi con trẻ. Trong sự hình dung của nhà thơ, niềm vui của Cu Lập Sơn cũng như những đứa trẻ khác được sinh ra và lớn lên ở miền quê là được hòa mình vào những trò chơi như đánh đáo, chơi khăng, đánh chuyền, đánh chắt, đuổi bướm bướm, bắt chuồn chuồn,...Trong hình dung của trẻ nhỏ, siêu nhân có sức mạnh phi phàm, luôn đứng về phía lẽ phải để bảo vệ trái đất, bảo vệ hòa bình. Siêu nhân đã trở thành sự ngưỡng mộ của bao đứa trẻ. Siêu nhân cũng là trò chơi yêu thích của Lập Thành:

L.T:

- BỐ ƠI

Siêu nhân

con đâu?

(Lập Thành)

Như vậy, viết về niềm vui của con người trước sự kiện một đứa trẻ ra đời, nhà thơ Nguyễn Anh Nông không chỉ nói lên niềm vui của gia đình Đỗ Trọng Khơi mà còn giúp người đọc thấy rõ niềm vui của những đứa trẻ khi được chơi đùa và khám phá thế giới xung quanh.

2.3.2. Những lo âu, trăn trở

Viết trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và trường ca *Lập Thành*, Nguyễn Anh Nông không chỉ nói về niềm vui bình dị của gia đình Đỗ Khơi khi hai đứa con trai lần lượt chào đời mà còn nói đến những âu lo, trăn trở về hành trình lớn lên của đứa trẻ.

Nguyễn Anh Nông không hề giấu giếm những vất vả, lo toan thường nhật của những bậc làm cha, làm mẹ khi một đứa trẻ ra đời: nào là bận rộn chuyện quần áo, tã lót, nào là lo cái ăn, giấc ngủ, ốm đau, tiền nong,...Nhà thơ gọi đó là bốn phận LÀM NGƯỜI:

Những tã lót giăng giăng phơi phồng

*Những đứa con đùm bọc chở che - nóng - lạnh - hắt hơi sổ mũi - bố mẹ chúng
bạc mặt tiền nong - tối tăm lọ mọ - léch tha léch thếch - nhăn nha nhăn nhở - gánh
trên vai bốn phận LÀM NGƯỜI.*

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Nhìn từ chính cuộc đời của mình, hơn ai hết cả Đỗ Khôi, Kim Oanh đều thấu hiểu những khó khăn và sự khắc nghiệt của cuộc sống. Những bất trắc luôn bủa vây, rình rập và không ngừng đeo bám con người. Với những bậc cha mẹ, việc chăm sóc con cái vừa là tình thương yêu, vừa là bốn phận. Cùng với sự yêu chiều, giáo dục nghiêm khắc, cha mẹ không tránh khỏi tâm lí nơm nớp âu lo trong từng bước đi của đứa con trên hành trình hướng về tương lai.

Nói về nỗi lo toan của người lớn trong việc chăm sóc, dạy bảo con cái, Nguyễn Anh Nông đã đặt những đứa trẻ hồn nhiên, vô tư trong sự tương phản với nỗi lo thường nhật của cha mẹ:

Ngày mai, ngày nay cơm áo thế nào

Những người già lo xa lắm chuyện

Những đứa con túi rỗng vẫn vô tư

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Nguyễn Anh Nông thật tinh tế khi miêu tả ngày đứa trẻ chào đời. Trong tiếng khóc “oa oa” đầu tiên của đứa bé, nhà thơ không chỉ nhìn thấy niềm hạnh phúc của cha mẹ, người thân mà còn thấy được cả những dự cảm âu lo:

Mặt đất hồn nhiên học bài học vỡ lòng từ tiếng khóc oa oa.

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Học đấỵ nhưng hành đượ bao nhiêu? Khi mà những thảm họa thiên nhiên, thảm họa con người vẫn xảy ra thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi và đang vây quanh hành trình lớn lên của đứa trẻ:

Mây gió oi, chớ xám sì a - xít

Động đất sóng thần oi, chớ phá tan hoang nát bấy lòng người

*Chớ gieo rắc kinh hoàng nỗi hoang mang phóng xạ - một niềm
đau róm máu cõi nhân sinh.*

Và thảm họa luôn xảy ra làm lòng người bất an. Con người đã tìm đến cõi tâm linh, thành kính cúi đầu trước trời đất, tổ tiên cầu mong cho con cháu đượ bảo vệ, chớ che:

Con cháu cúi đầu kính dâng Tiên Tổ- Thần Công- Thổ Địa- Ngọc

Hoàng- Thượng Đế linh thiêng?

*Hãy về thụ lộc, đoái thương con cháu xóm làng, non nước - mưa
thuận gió hòa - mở lòng độ lượng - phù hộ độ trì - chớ che chõi non lộc biếc, gốc
gác- dịu dàng áp ủ, chăm sóc, vun xới, nâng niu trăn trở cõi dương gian.*

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Từ cuộc sống bận rộn, lo toan “sấp ngựa hai bàn tay” của mình, người lớn không tránh khỏi nỗi lo về số phận, định mệnh cuộc đời: *Sấp ngựa hai bàn tay/
Đường số phận nổi chìm chẳng chịt/ Định mệnh nào trời đất vẫn xoay?*

Cùng với những nỗi lo âu là niềm trăn trở khôn nguôi của người lớn khi nghĩ về tương lai của con cháu:

Năm 2020 ta là ai?

Năm 3000 ta ở đâu?

Năm một triệu con cháu ta có còn là động vật cao cấp?

Ai biết đượ điều gì sẽ tới, mặc dù ta vẫn trông vẫn

đợi một ngày...

Nuôi dạy con cái, cha mẹ nào không trông chờ, kì vọng vào tương lai tươi sáng của con? Nhưng ai biết được điều gì sẽ xảy ra khi mà những sóng gió cuộc đời vẫn bủa vây xung quanh những đứa trẻ?

Như vậy, qua việc miêu tả những âu lo, trăn trở của những bậc sinh thành về hành trình tương lai của con cái, nhà thơ Nguyễn Anh Nông đã cho người đọc thấy được tình thương yêu của cha mẹ dành cho con cái lớn lao đến mức nào!

2.3.3. Khát vọng tương lai

Trong bài viết “Cảm nhận về bốn trường ca của Nguyễn Anh Nông”, khi nói về bộ đôi trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành*, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Lai có đưa ra nhận xét: *Bằng sự cảm nhận sâu sắc, sự liên tưởng và niềm đam mê, nhà thơ Nguyễn Anh Nông đã vẽ nên một bức tranh tươi sáng và hi vọng với ngàn vạn con chữ lấp lánh về tương lai cuộc sống của một tổ ấm gia đình nhiều khát vọng vươn lên vượt qua khó khăn vất vả và sự nghiệt ngã của tạo hóa để đến một chân trời tươi sáng hơn* [21; tr.192 – 193]. Quả đúng như vậy, đọc hai trường ca này, người đọc sẽ thấy Nguyễn Anh Nông không chỉ nói lên niềm vui bình dị và nỗi lo âu, trăn trở, một vấn đề hết sức đời thường của cuộc sống gia đình mà còn đề cập đến một vấn đề hết sức nhân bản đó là: khát vọng hướng về tương lai tươi sáng.

Đầu tiên, ta có thể thấy, ước vọng tương lai được Nguyễn Anh Nông gửi gắm ngay khi đứa trẻ chào đời. Sự kiện Cu lập Sơn được sinh ra theo ghi nhận của nhà thơ là:

Ngày đứa trẻ chào đời như rùng rùng đất chuyển

Mầm cây non nhu nhú khóc oe oe

Làng nước đón một công dân mới như quốc gia đón chào lãnh tụ.

Nguyễn Anh Nông đã miêu tả thật ấn tượng, ngày đứa trẻ chào đời không phải là ngày bình thường như bao ngày khác mà là một ngày trọng đại đến cả trời đất như cũng "rùng rùng" chuyển, tiếng khóc "oe oe" đã chứng tỏ sự hiện diện của sự sống trên cõi đời này và "mầm cây non" ấy không chỉ đem lại niềm vui sướng,

hạnh phúc vô bờ cho cha mẹ, cho mọi người xung quanh mà nó còn trở thành sự kì vọng về một tương lai tươi sáng:

*Mái nhà Cu Lập Sơn lợp bằng tình yêu sáng choang
Nhìn hai bố con tập lầy tập bò
Không biết rồi ai đi xa hơn ai...*

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Ý thơ xuất phát từ cảnh ngộ của nhà thơ Đỗ Trọng Khơi, người bố này bị liệt cả hai chân nên không thể đi đứng được. Song ở đây ta dễ dàng nhận ra ước muốn, niềm tin của Nguyễn Anh Nông về tương lai tốt đẹp cho cả hai bố con: bố sẽ nghị lực hơn để vượt qua sự khó khăn khắc nghiệt của số phận, con sẽ có những bước đi vững chắc trên con đường hướng về tương lai tươi sáng.

Nguyễn Anh Nông đã hình dung ra cảnh anh em Lập Sơn, Lập Thành “thi đá”. Bằng giọng thơ khôi hài, tếu táo, nhà thơ đã so sánh Cu Lập Sơn và Lập Thành giống như “đỉnh vàng”, “kim cương” để qua đó gửi gắm ước vọng về một tương lai tươi sáng cho những đứa con của người bạn Đỗ Khơi:

*Áy là sáng kiến vĩ đại đầu tiên của ta
Lập Sơn chả là gì với tài năng sức lực
So với Lập Thành, anh ta là cái đỉnh
Không phải đỉnh sắt ghi mà là đỉnh vàng
hay kim cương
Đóng vào thế kỉ 21 những buồn vui sáng láng*

(Lập Thành)

Trách nhiệm của cha mẹ không chỉ là nuôi nấng, chăm sóc, lo cho con cái ăn, giấc ngủ mà còn dạy bảo nhân cách, đời nhân xử thế. Qua việc dạy bảo con cái, người lớn luôn đem theo ước vọng con cái sẽ trưởng thành, khôn lớn, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội: *Trí/ Dũng/ Nhân/ Đức/ Phúc/ Lộc/ Thọ/ an khang/ thịnh vượng/ Bố/ dặn ta thế.../ ở hiền gặp lành/ Mẹ/ dặn ta thế...(Lập Thành).*

Đứa trẻ được sinh ra, lớn lên, trưởng thành, rồi sẽ góp phần xây dựng đất nước. Nguyễn Anh Nông đã để cho người bà nói lên niềm mong ước, đứa trẻ sẽ trở thành tương lai của đất nước. Cu Lập Sơn được hiện lên với tương lai thật mạnh mẽ, thật to lớn và thật hòa bình:

*Bà giơ tay chào đón tương lai đất nước
Cu Lập Sơn cao lớn lênh khênh
Mái tóc bông bênh như mây buổi sớm- bóng mát
xanh che rợp nóc nhà thờ.*

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Mặc dù người lớn nhận thức rõ con đường hướng về tương lai của đứa trẻ còn xa ngái với nhiều đèo dốc quanh co, song cha mẹ vẫn có “Niềm tin, một vốc đầy”. Cu Lập Sơn được kỳ vọng sẽ có một tương lai sáng láng, sẽ bay cao, bay xa và mạnh mẽ như cánh đại bàng bay lượn giữa không gian rộng lớn:

*Tích tắc...
Niềm tin, một vốc đầy
Đích xa, đèo dốc quanh co nhỉ?
Tung cánh đại bàng
thỏa sức say.*

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Nguyễn Anh Nông còn khắc họa trong hình dung, suy tưởng của mình về một quá trình đời sống của đứa trẻ từ lúc được sinh ra đến khi trưởng thành. Từ lúc nằm trong vòng tay của mẹ bú mớm, rồi chập chững bước đi, được gia đình nuôi ăn học, xây dựng gia đình, tự lập cuộc đời, góp công xây dựng đất nước, xây dựng trái đất hòa bình hữu nghị. Theo quy luật của đời người, Cu Lập Sơn sẽ có con và trở thành bố tướng, có cháu và thành cụ tướng và có khi thành biểu tượng thi ca nhân loại - biểu tượng đẹp nhất của loài người:

Ngày Cu Sơn thành Bồ tướng

Cả xóm tung bùng

Ngày Cu Sơn thành cụ tướng

Cả xã tung bùng

Ngày Cu Sơn thành biểu tượng thi ca

Quốc tế tung bùng.

Hình dung ra tương lai của đứa trẻ, ta đọc được những vần thơ lục bát tươi sáng của Nguyễn Anh Nông. Nhà thơ đã mượn “Lời cánh cò cánh vạc” để gửi gắm ước vọng về một tương lai tốt đẹp. Cu Lập Sơn sẽ “lội đồng, trèo núi, vượt sông”, “cười con tuấn mã” thật mạnh mẽ, oai hùng và trên hết là “làm người tử tế”:

Cánh cò cánh vạc lặn tẩn

Chuông chiều rủ lá vang ngân nắng vàng

Lúa ngô mướt mát mênh mang

Phau phau nón trắng dịu dàng non tơ

Có anh Cu Tí thập thò

Lụng chà lụng chụng lò dò tập đi

Mai ngày chạy khắp thôn quê

Anh cu nện bước, phóng như trâu lông

Lội đồng, trèo núi, vượt sông

Cười con tuấn mã oai hùng biết bao

Ấy là ta những ước ao

Làm người tử tế, lẽ nào lại không?

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Cuộc sống còn nhiều khó khăn, trắc trở song con người sẽ không thôi ước nguyện, vượt lên số phận, vạch sáng đường đi, dẫn dắt bước chân để hướng về tương lai tươi sáng:

Vạch đường cày - trên trang sách mới

Những đường cong, vạch thẳng cứ nôn nao

Khoai lúa mọc không hàng, không lối cứ xanh um, môn mơn, rì rào.

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Bằng lời thơ chân thành, Nguyễn Anh Nông đã nói lên khát vọng về tương lai của một tổ ấm gia đình biết vươn lên, vượt qua khó khăn và sự nghiệt ngã của số phận để đến nơi chân trời tươi sáng với những “gió mát”, “hoa đẹp” và “hương thơm”. Khát vọng hướng về tương lai tươi sáng là điều vô cùng cần thiết, bởi nó là động lực quan trọng giúp con người vươn lên trong cuộc sống vốn nhiều khó khăn, thử thách. Viết về sự ra đời của Lập Sơn, Lập Thành - những đứa trẻ được sinh ra trong một gia đình gặp nhiều éo le và trắc trở trong cuộc sống, Nguyễn Anh Nông đã nói lên được khát vọng tương lai tươi sáng và ước vọng về một tổ ấm gia đình. Qua đó, ta thấy được tình cảm chân thành mà nhà thơ dành cho gia đình người bạn Đỗ Khôi.

Tiểu kết

Qua việc tìm hiểu nội dung trường ca Nguyễn Anh Nông, chúng tôi nhận thấy nhà thơ đã thực sự tìm ra cho mình cũng như thể loại trường ca một hướng đi mới. Chất sử thi vốn có ở phần lớn các trường ca của các tác giả có tiếng trước đó đã dần được Nguyễn Anh Nông thay thế bằng chất hiện thực, một hiện thực đang diễn ra trong đời sống thường nhật: một Trường Sơn huyền thoại trở thành điểm tựa vững chắc cho một Trường Sơn của ngày hôm nay, một thông điệp văn hóa thời kỹ trị, một mảng màu cuộc sống đời thường,... Dù ở trường ca nào, người đọc cũng bắt gặp một Nguyễn Anh Nông với niềm trăn trở khôn nguôi về cuộc đời, về con người và tận sâu thẳm trong trái tim thi sĩ vẫn ánh lên niềm tin bất diệt về một tương lai tươi sáng cho con người.

Chương 3: NGHỆ THUẬT TRƯỜNG CA NGUYỄN ANH NÔNG

3.1. Ngôn ngữ, hình ảnh trong trường ca Nguyễn Anh Nông

3.1.1. Ngôn ngữ đối thoại, gần gũi với đời sống

Nếu như hội họa tạo nên hình tượng từ màu sắc, đường nét, điêu khắc tạo nên hình tượng từ hình khối, âm nhạc tạo nên hình tượng từ giai điệu thì văn học lại tạo nên hình tượng từ chất liệu ngôn từ nghệ thuật, thứ chất liệu giúp văn học vẽ nên tranh, tạc thành tượng và tạo ra nhạc. Macxim Gorki đã nói: “Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học”. Tuy nhiên tùy vào đặc trưng thể loại, ngôn ngữ trong mỗi loại thể văn học có những đặc điểm riêng. Là nghệ thuật “lấy ngôn ngữ làm cứu cánh” (Jakobson), ngôn ngữ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong thơ nói chung, trong trường ca nói riêng. Khi nghiên cứu về ngôn ngữ trường ca, Nguyễn Thị Hậu đã đánh giá: *Ngôn ngữ nghệ thuật - một yếu tố quan trọng của thi pháp trường ca* [16]. Trong trường ca Việt Nam hiện đại, có các loại hình ngôn ngữ như: ngôn ngữ kể chuyện, ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ biểu cảm và ngôn ngữ phản tư. Khi nghiên cứu về trường ca Nguyễn Anh Nông, chúng tôi nhận thấy đặc điểm nổi bật trong việc sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Anh Nông là ngôn ngữ đối thoại, gần gũi với đời sống.

Trong *Trường ca Trường Sơn*, chất đối thoại được thể hiện rõ qua việc Nguyễn Anh Nông đặt tên cho các chương: *Lời một người con, lời kẻ đảo ngũ, lời một người cha, lời căn hầm dã chiến, lời cây cầu tạm, lời con đường, lời một em bé, lời già làng*. Khi để cho các nhân vật cất lên lời thoại, Nguyễn Anh Nông thường lựa chọn thứ ngôn ngữ chân mộc, gần gũi với cuộc sống. Điều này đã làm cho đối tượng được miêu tả là Trường Sơn được hiện lên chân thực, sống động trước mắt người đọc. Trong lời của người cha nói với con, người đọc bắt gặp những từ ngữ dân dã, được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày: *Cha- người may mắn/ Hơn nhiều bạn bè/ Bom đạn - lửa khói - không chết/ Sốt rét - ốm đau - sống nhăn*. Những từ ngữ "không chết", "sống nhăn" không chỉ diễn tả sự may mắn của người lính sống sót được trở về quê hương mà còn nói lên sức mạnh kiên cường vượt qua sự khốc liệt của chiến tranh. Đồng thời, đây cũng là cách nói hài hước thể hiện tinh thần lạc quan của những người lính dạn dày chiến trận.

Nguyễn Anh Nông cũng sử dụng ngôn ngữ đời sống để diễn tả nỗi niềm thấu hiểu, tri ân của người lính Trường Sơn đã về bên kia cõi thế với người vợ của mình:

Với mẹ của con

(Người vợ yêu dấu của cha)

Ngàn lời vàng ngọc không đủ để ngợi ca

Tình yêu, tình thương và nỗi nhớ

Một người vợ, người em, người chị,

nàng dâu, quản gia, đội trưởng, nội tướng...

Mẹ của lũ con lít nhít

Bao nhiêu gánh nặng tháng năm thao thiết

Vạn lời ca chưa đủ để tặng người.

Bằng việc sử dụng ngôn ngữ giản dị, ta thấy hình ảnh người vợ được hiện lên cụ thể, chân thực với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam: đảm đang, tháo vát, giàu tình thương yêu và đức hi sinh cao cả.

Ngôn ngữ đời sống cũng đi vào cuộc đối thoại giữa Nguyễn Anh Nông với Bill Gates, một tỉ phú nổi tiếng toàn thế giới trong trường ca ***Gửi Bill Gates và trời xanh***. Mở đầu trường ca, Nguyễn Anh Nông đã lựa chọn cách xưng hô *tớ - cậu* vừa dân dã, thân mật, vừa xóa bỏ ranh giới khoảng cách để tạo sự bình đẳng:

Bin Ghét (Bill Gates)

Cậu khỏe không?

Tớ với cậu chưa gặp nhau

Nhưng tớ biết cậu

Cậu giỏi thế ai mà chẳng biết.

Cách dỗ dành trẻ con của người lớn nhiều khi cũng thật hồn nhiên nhưng cũng giản dị, gần gũi đời thường biết bao! *Mẹ bảo ta cứ ăn cứ chơi/ Tốt nhất nghe lời người lớn/ Không nghe lời thì không ngoan/ Mà không ngoan thì không được sờ vú mẹ (Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn).*

Nguyễn Anh Nông để cho những lời đối thoại của trẻ thơ được hiện lên chân thực, phù hợp với cách nghĩ và sự khám phá thế giới xung quanh của đứa trẻ. Những thắc mắc kiểu trẻ con của Lập Thành và cách dỗ dành em của Cu lập Sơn thật hồn nhiên mang đậm ngôn ngữ trẻ thơ:

L.T.:

- Người yêu em

Đâu nào?

C. L. S.:

- Trời biết...

Thôi

Quệt mũi đi

Rồi theo anh

đuổi bướm bướm

bắt chuồn chuồn...

(Lập Thành)

Xây dựng ngôn ngữ đối thoại, Nguyễn Anh Nông còn đưa vào thơ rất nhiều thành ngữ dân gian, các từ láy và cả lối nói đồng dao. Vì vậy, đọc trường ca của Nguyễn Anh Nông, ta luôn có cảm giác gần gũi, thân quen: *Tớ nghèo kiết xác/ Cậu giàu nứt đố đổ vách/ Ấy là theo cách nói Việt Nam. (Gửi Bill Gates và trời xanh)*. Nhà thơ đã sử dụng thành ngữ "nghèo kiết xác" và "giàu nứt đố đổ vách" để xác định vị thế bình đẳng giữa một nhà thơ nghèo với một nhà tỉ phú. Đồng thời đi đến khẳng định con người dù giàu hay nghèo thì vẫn có chung nhịp đập của con tim biết yêu thương sự sống, yêu cái đẹp và cái thiện.

Và đây nữa, Nguyễn Anh Nông còn vận dụng sáng tạo thành ngữ dân gian "tai bay vạ gió" để nói lên những khó khăn, thử thách đang bủa vây xung quanh những người theo nghiệp cầm bút. Qua đó, Nguyễn Anh Nông trân trọng và cảm phục về ý chí, nghị lực của nhà thơ Đỗ Trọng khơi, người đã thắng vượt số phận để sáng tạo thơ ca, để lại cái đẹp cho đời:

Sức trơ lì thói quen nặng hơn trái núi

Những dị nghị hồ nghi vây bủa những mầm xanh

Thi nhân loay xoay chống trả làn gió độc

Những vạ gió tai bay tua tủa hoành hành.

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Người đọc còn gặp trong trường ca Nguyễn Anh Nông những câu thơ kiểu đồng dao. Đây là điều rất mới trong trường ca của anh. Ta bắt gặp lối đồng dao ở ngay phần đầu của trường ca *Lập Thành* khi nhà thơ "trích ngang" giới thiệu về gia đình Lập Thành:

Trọng Khơi (T.K): chồng Kim Oanh (K.O)

Kim Oanh (K.O): mẹ Lập Thành

Lập Thành: em Lập Sơn

Lập Sơn: cháu Cây Đa

Cây Đa: tổ Chim Sáo

Chim Sáo: mẹ Ca Dao

Ca Dao: ao lúng liếng

Lúng liếng: miệng càn khôn

Càn Khôn: hồn Trời Đất

Trời Đất: mặt Thi Ca

Thi Ca: A Là la...

(Lập Thành)

Trường ca Nguyễn Anh Nông có sự vận động theo xu hướng từ chất sử thi đến chất đời thường nên nhà thơ lựa chọn thứ ngôn ngữ đối thoại, gần gũi với đời sống.

3.1.2. Hình ảnh thơ

3.1.2.1. Hình ảnh thơ chân thực, sống động

Khi sáng tác trường ca, Nguyễn Anh Nông đã xây dựng được trong thơ của mình thế giới hình ảnh hết sức đa dạng. Trong mỗi tác phẩm trường ca, nhà thơ lại lựa chọn hệ thống những hình ảnh để xây dựng hình tượng qua đó khơi gợi cảm xúc cho người đọc. Khi nghiên cứu trường ca Nguyễn Anh Nông, chúng tôi nhận thấy một trong những đặc điểm nghệ thuật nổi bật đó là việc nhà thơ lựa chọn và sử dụng những hình ảnh thơ chân thực, sống động.

Viết về Trường Sơn và chiến tranh, trong *Trường ca Trường Sơn*, bên cạnh việc miêu tả những hình ảnh thiên nhiên gắn bó với cuộc sống chiến đấu và sinh hoạt của người lính như núi rừng, sông suối, Nguyễn Anh Nông đã miêu tả hình ảnh người lính vượt đèo, leo dốc: *Gió thốc/ Nắng xém/ Tóc cứng/ Miệng khát/ Họng rát / Mắt chói/ Bụng đói/ Miệng ói/ Chân run/ Tay mỏi/ Gối đau...*Những câu thơ ngắn chỉ hai tiếng cùng với việc sử dụng nhiều thanh trắc với âm vực cao, Nguyễn Anh Nông đã tái hiện thật chân thực, sống động hình ảnh người lính hành quân với sự khó khăn, vất vả, mệt nhọc.

Hình ảnh những căn hầm dã chiến, cây cầu hay con đường là nhân chứng lịch sử đã chứng kiến bao trận chiến ác liệt mà kẻ thù đã dội xuống. Nguyễn Anh Nông cũng miêu tả những hình ảnh này một cách chân thực, sống động. Trước hết là căn hầm dã chiến – nơi bảo vệ tính mạng của đồng bào, chiến sĩ trong những trận đánh ác liệt của kẻ thù khi: *chứa vào lòng bao số phận*, khi chứng kiến cảnh: *Đạn bom tan tác cả rừng cây/ Núi toác, gục, hoang tàn, đá lở*. Và căn hầm cũng đau thay nỗi đau của người cha, người mẹ khi chứng kiến cảnh thiên nhiên và con người bị tàn phá trước bom đạn của kẻ thù:

Tôi đau nỗi đau người cha

Tôi buồn nỗi buồn người mẹ

Nỗi đau buồn tím ruột gan.

Trên những cung đường Trường Sơn, cây cầu và con đường là huyết mạch giao thông, nối liền giữa các trận tuyến. Dù phải hứng chịu bom đạn của kẻ thù

nhưng chúng vẫn hiên ngang đứng đó giúp cho những chiến dịch được diễn ra thuận lợi. Nguyễn Anh Nông đã miêu tả hình ảnh cây cầu thật ấn tượng:

*Xoạc chân đứng đỡ đoàn xe
Tám thân lấm láp, xù xì, đã sao?
Cõng bao xe pháo sang cầu
Tôi vui, đồng đội mau mau an toàn...*

Còn con đường không chỉ đau nỗi đau chung của con người mà còn biết hi vọng, biết ước mơ với những “giấc mơ đẹp đẽ”: mong ước cho những người chiến sĩ đã anh dũng ngã xuống sẽ đội đất sống dậy diệu kì: *Tôi mơ giấc mơ đẹp đẽ/ Bao người nằm xuống hôm qua/ Bỗng dựng đội đất sống dậy/ Rung rung niềm vui chói lòa.*

Trong hai trường ca ***Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn*** và ***Lập Thành***, Nguyễn Anh Nông đã miêu tả thế giới tuổi thơ của Lập Sơn, Lập Thành với những hình ảnh nơi làng quê một cách chân thực và sống động. Những đứa trẻ ngày một lớn lên và cùng với đó là sự khám phá thế giới xung quanh:

*Ao nhà bao nhiêu tôm cá
Vườn nhà gốc mít gốc cau
Sân nhà gạch nâu, gạch đỏ
Ngõ nhà lũ cún lau chau.*

Hiện lên trước mắt đứa trẻ là ao nhà với tôm cá, là vườn nhà với gốc mít, gốc cau, là sân nhà lát gạch nâu, gạch đỏ và ngoài ngõ là lũ cún đáng yêu chạy lau chau. Và không chỉ có lũ cún mà còn có cả đế mèn, nòng nọc, ghé ọ, bê vàng,... Tất cả những con vật đáng yêu đều được hiện lên sinh động trong sự khám phá của trẻ thơ. Và đây là một ví dụ: *Bê vàng/ Bên bờ mẹ/ Day vú/ No nê/ Rồi bê vàng/ Huých/ Phốc/ Đất ẩm/ Đường trơn/ Hự.../ Oạch.../ Đau, nhăn mặt/ Bê vàng/ Liếc mắt/ Nhìn/ Bò mẹ/ Nhìn/ L.T./ Thẹn thùng/ Gượng dậy/ Cong đuôi/ Phất/ Chạy.../ tung tăng...*

Như vậy, qua việc chỉ ra một vài hình ảnh trong trường ca Nguyễn Anh Nông, ta có thể thấy rằng nhà thơ đã lựa chọn và xây dựng được những hình ảnh thơ hết sức chân thực, sống động.

3.1.2.2. Một số hình ảnh biểu tượng trong trường ca Nguyễn Anh Nông

Văn học phản ánh hiện thực đời sống nhưng không phải là sự rập khuôn y nguyên hiện thực. Thế giới nghệ thuật trong tác phẩm là một thế giới hư cấu, giống thật chứ không phải là thật. Để tạo nên một thế giới như thế, nhà văn sử dụng nhiều yếu tố trong đó có những biểu tượng nghệ thuật. Tìm hiểu biểu tượng nghệ thuật sẽ góp phần làm rõ hơn bản chất của việc xây dựng hình tượng trong văn học.

Về biểu tượng văn học, theo *Từ điển thuật ngữ văn học* của Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi thì: *Biểu tượng như là thuật ngữ của mỹ học, lý luận văn học và ngôn ngữ học còn được gọi là tượng trưng, nó có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng nghệ thuật. Đặc điểm cơ bản của hình tượng nghệ thuật là sự tái hiện thế giới, làm cho con người và cuộc sống hiện lên y như thật... Theo nghĩa rộng, biểu tượng là đặc trưng phản ánh cuộc sống bằng hình tượng của văn học nghệ thuật. Theo nghĩa hẹp, biểu tượng là một phương thức chuyển nghĩa của lời nói hoặc một loại hình tượng nghệ thuật đặc biệt có khả năng truyền cảm lớn, vừa khái quát được bản chất của một hiện tượng nào đấy, vừa thể hiện một quan niệm, một tư tưởng triết lý sâu xa về con người và cuộc đời [14; tr.24].*

Hiểu một cách chung nhất thì biểu tượng là những hình tượng mang tính đa nghĩa trong văn học nói chung và trong thơ nói riêng. Biểu tượng là những hình ảnh sự vật cụ thể, cảm tính bao hàm trong nó nhiều ý nghĩa, gây được ấn tượng sâu sắc với người đọc. Biểu tượng trở thành phương tiện diễn đạt cô đọng, hàm súc, có sức khai mở rất lớn trong lòng độc giả. *Thế giới thơ là thế giới của những biểu tượng . Nó vừa là phương tiện vừa là đối tượng, vừa là mục đích của quá trình sáng tạo [22, tr.49].* Đọc trường ca Nguyễn Anh Nông, ta sẽ bắt gặp rất nhiều những hình ảnh lặp đi lặp lại và chúng mang ý nghĩa biểu trưng cao như: *Mây, núi, cánh bướm, chim bồ câu trắng*. Những hình ảnh này chính là các biểu tượng nghệ thuật kết tinh tư tưởng thẩm mỹ trong trường ca Nguyễn Anh Nông.

Về biểu tượng *Mây*, Qua khảo sát trường ca Nguyễn Anh Nông, chúng tôi nhận thấy hình ảnh mây xuất hiện với tần số cao (90 lần) và được phân bố ở cả bốn tập trường ca: *Trường ca Trường Sơn* (42 lần), *Gửi Bill Gates và trời xanh* (11 lần), *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* (34 lần), *Lập Thành* (3 lần). Hình ảnh mây trong thơ Nguyễn Anh Nông hiện ra với muôn hình khối, đường nét, màu sắc và đầy tâm trạng.

Có thể nói rằng trong những năm tháng kháng chiến ác liệt, cuộc sống chiến đấu và sinh hoạt của người lính Trường Sơn luôn gắn liền với những hình ảnh thiên nhiên như rừng núi, suối, sông. Với Nguyễn Anh Nông, hình ảnh mây không còn là thiên nhiên đơn thuần mà nó đã trở thành nhân vật đặc biệt. Mây đã cùng với con người tạo thành một trận tuyến đánh giặc:

Mây từng che mắt đối phương

Cho ai vượt hiểm

Mây không là gì

nhưng mây che - giấu - không cho địch thủ phát hiện

Đoàn quân rừng rùng đi trong quyền luyến

Chưa bao giờ mây kể công đâu

(Trường ca Trường Sơn)

Mây không chỉ là một chiến binh dũng cảm, cùng con người vượt khó khăn, hiểm nguy, đưa đất nước tới ngày độc lập, tự do mà còn là người bạn thủy chung, tri kỉ: *Mây nhé cùng ta bay tới đích/ Xóa sạch bùn nhơ, rũ hết buồn/ Ta đã tự do và độc lập/ Mây hãy cùng ta bước trập trùng/ Mây đã cùng ta bạn tri kỷ/ Nguyễn mãi song hành/ bước thủy chung (Trường ca Trường Sơn).*

Trong lời của người cha nói với con, sự hi sinh của những đồng đội đã hợp lại thành áng mây thiêng để làm nên sự bất tử của Trường Sơn:

Bạn bè thịt nát xương tan

Người người hợp lại

Thành áng mây thiêng

Cười gió về trời

Nỗi niềm toác hoác

Dằng dặc Trường Sơn lớp lớp mây đùn.

(Trường ca Trường Sơn)

Tuy đã về bên kia cõi thế nhưng người cha đã hóa thân thành "áng mây" để che chở và làm điểm tựa niềm tin, làm tấm gương sáng cho con cháu noi theo: *Cha sẽ làm áng mây/ Che cho cháu con ngày nắng lửa/ Nhưng cha tin, niềm tin sắt đá/ Bởi cháu con không nản lòng, thối chí/ Không nấp bóng cha làm điều bậy bạ/ Không đảo ngũ, thoái lui (Trường ca Trường Sơn).*

Với Nguyễn Anh Nông, mây còn là biểu tượng cho nỗi đau của thiên nhiên, của bà mẹ trái đất đang bị hủy hoại do bàn tay con người khui lên:

Những tổ hợp nhà khói độc lên trời

Tùng đám mây a - xít lặc lè bay quanh trái đất

Trái đất ruộng dân bởi dầu, than, khí đốt - Con người khui lên.

(Gửi Bill Gates và trời xanh)

Mây còn được Nguyễn Anh Nông xây dựng thành biểu tượng cho hạnh phúc của nhà thơ Đỗ Trọng khơi khi có được người vợ giàu lòng nhân ái, luôn yêu thương chăm sóc, giúp cho nhà thơ vượt lên số phận bất hạnh và thấp sáng mái ấm gia đình:

Em là mây hay bông hoa trong buồng nhà anh?

Em là nàng tiên hay công chúa trên giường của anh?

Em là giấc mơ trong chăn đệm nhà anh?

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Có khi mây còn trở thành biểu tượng cho ước vọng tương lai đầy tươi sáng của đứa trẻ: *Cu Lập Sơn cao lớn lênh khênh/ Mái tóc bông bênh như mây buổi sớm - bóng mát xanh che rợp nóc nhà thờ (Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn).*

Bên cạnh hình ảnh *mây*, ta còn bắt gặp trong trường ca Nguyễn Anh Nông hình ảnh biểu tượng *núi*. Núi xuất hiện 35 lần trong trường ca Nguyễn Anh Nông: *Trường ca Trường Sơn* (21 lần), *Gửi Bill Gates và trời xanh* (4 lần), *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* (9 lần), *Lập Thành* (1 lần).

Trong lời căn hầm, núi non trở thành lá chắn vững vàng che chở cho con người trước đạn bom của kẻ thù: *Tôi chứa vào lòng bao số phận/ Núi non lá chắn vững vàng chưa? (Trường ca Trường Sơn)*.

Núi còn là biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của Trường Sơn, một Trường Sơn hòa bình, độc lập đang từng ngày thay da đổi thịt:

Mái nhà rộng ngân tiếng hát

Công chiêng rạo rục

Núi non nhón gót

Rừng xanh kiểng chân

Lú lo chim hót

Ong bay, bướm lượn tần ngần

(Trường ca Trường Sơn)

Trong trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn*, hình ảnh *núi* còn trở thành biểu tượng của thơ ca - biểu tượng đẹp nhất của cuộc sống. Hồn thơ của nhà thơ Đỗ Trọng Khơi giống như "những ngọn núi chon von" chứa đựng những buồn vui của cuộc đời:

Nằm hay ngồi hồn thơ ta vẫn thế

Bạn bè ơi - những ngọn núi chon von

Băng tuyết phủ tiềm tàng thăm thẳm lạ

Đời vốn mênh mông dằng dặc vui buồn.

Núi còn là biểu tượng cho những khó khăn, thử thách mà con người phải vượt qua để đi đến tương lai tốt đẹp ở phía trước. Nguyễn Anh Nông đã gửi gắm

ước vọng tương lai vào đứa trẻ. Cu Lập Sơn sẽ lớn lên trèo núi, vượt sông và trên hết là trở thành người đạo đức tử tế:

*Có anh Cu Tí thập thò
 Lặng chà lặng chững, lò dò tập đi
 Mai này chạy khắp thôn quê
 Anh Cu nện bước phóng như trâu lông
 Lội đồng, trèo núi, vượt sông
 Cười con tuấn mã oai hùng biết bao
 Ấy là ta những ước ao
 Làm người tử tế lẽ nào lại không?*

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Hình ảnh biểu tượng *cánh bướm* và *chim bồ câu trắng* tuy xuất hiện không nhiều trong trường ca Nguyễn Anh Nông nhưng lại có ý nghĩa khái quát, trừu tượng cao. Không phải ngẫu nhiên trong *Trường ca Trường Sơn*, Nhà thơ lại đặt tên chương XIII - *Cánh bướm - hồn trinh nữ*. Hình ảnh cánh bướm có sức ám ảnh mạnh mẽ về nỗi đau, sự mất mát hi sinh, sự ra đi của biết bao nữ chiến sĩ Trường Sơn. Và nó cứ xoáy sâu vào lòng người đọc bao xót xa, nuối tiếc:

*Một, hai, ba cánh bướm lay lay...
 Ngàn vạn cánh bướm bay bay
 Ngọn núi rìng
 Ngọn thung xanh
 Linh hồn trinh nữ vờn gió nắng
 Những cô gái hồn nhiên trong trắng
 Nhớ thương ơi, ngày ấy đã xa rồi..*

.(Trường ca Trường Sơn)

Trong các loại hình nghệ thuật nói chung, trong văn thơ nói riêng, hình ảnh chim câu trắng thường được lấy làm biểu tượng cho sự sống, hòa bình, cái đẹp và cái thiện. Trong trường ca *Gửi Bill gates và trời xanh*, Nguyễn Anh Nông cũng chú trọng đi vào xây dựng hình ảnh biểu tượng *chim câu trắng*. Nhà thơ đã đặt chim câu trắng vào tình thế đang bị vây khốn trong nanh vuốt của con mèo mặt hổ:

Chim câu

Trong nanh vuốt dữ dằn của con mèo mặt hổ

Thế giới sục sôi - vạc dầu - chiến tranh.

Chim câu trắng hay sự sống, hòa bình đang cận kề bên miệng vực hủy diệt do thảm họa thiên nhiên như núi lửa, khói giồng dầu, mưa a - xít mà con người chính là nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp gây ra:

*Kìa, chim câu trắng nhao mình trên núi lửa và ngùn ngụt khói giồng dầu
mặt trời sặc sụa nhỏ những giọt nước mắt a - xít xuống các châu lục.*

Chim câu đang vừa bay vừa khóc...

Mượn biểu tượng *chim câu trắng*, Nguyễn Anh Nông không chỉ phát đi thông điệp để thức tỉnh lương tri con người mà còn có niềm tin mãnh liệt vào hòa bình, sự sống:

Như có phép lạ

Rồi bỗng em hồi sinh

Chim câu ngời rúm ró

Chim câu cất cánh bay lên.

Qua việc khảo sát trên, ta thấy nhà thơ Nguyễn Anh Nông đã xây dựng được trong sáng tác trường ca của mình những biểu tượng riêng hết sức độc đáo: *mây, núi, cánh bướm, chim câu trắng*. Những biểu tượng đa nghĩa trong trường ca Nguyễn Anh Nông đã kết tinh tư tưởng thâm mỹ và có sức khơi gợi cảm xúc mạnh mẽ đối với độc giả.

3.2. Cấu trúc, nhịp điệu trong trường ca Nguyễn Anh Nông

3.2.1. Cấu trúc

3.2.1.1. Sự giao thoa giữa thơ và văn xuôi

Theo Từ điển thuật ngữ văn học, thơ văn xuôi là một hình thức cơ bản của thơ được viết bằng văn xuôi. Thơ văn xuôi khác thơ tự do ở chỗ không phân dòng, không dùng hình thức dòng thơ (cũng gọi là "câu thơ") làm đơn vị nhịp điệu, không có vần. Chất thơ của thơ văn xuôi được tạo nên bởi cấu tứ và suy tưởng giàu sức gợi, bất ngờ, chất triết lí thâm thúy, thơ mộng [14; tr.319].

Nhờ khả năng truyền tải cảm xúc mạnh mẽ nên thơ văn xuôi đã được nhiều nhà thơ Việt Nam, đặc biệt là các tác giả trường ca lựa chọn. Khi sáng tác trường ca, Nguyễn Anh Nông cũng tìm đến thơ văn xuôi để thể hiện những cảm xúc mạnh mẽ, dạt dào của mình. Là tác giả trường ca có xu hướng đi vào khai thác những vấn đề bình dị của cuộc sống đời thường, Nguyễn Anh Nông đã lựa chọn thơ văn xuôi làm thể mạnh để phát huy chất hiện thực và thể hiện quan niệm của mình về cuộc đời, con người. Đọc trường ca Nguyễn Anh Nông, ta bắt gặp một lối thơ văn xuôi tự nhiên như lời ăn tiếng nói của con người trong đời sống hàng ngày. Ta hãy lắng nghe lời tâm tình của nhà thơ:

*Chiều nay (26/3/2011) ta lại ngồi vào bàn gõ những câu thơ mộc - dòng chữ
trào dâng niềm cảm xúc không xác định.*

(Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn)

Câu thơ giống như tuyên ngôn của Nguyễn Anh Nông về việc sáng tạo những câu thơ văn xuôi, chúng bị đẩy đi và trượt dài trên trục dọc vô biên theo dòng cảm xúc dâng trào của nhà thơ. Và đây nữa những câu thơ:

*Ý thức, không ý thức
Bản năng, khuôn phép hay vật tự nó?
Có thể là một, hai, ba hoặc chẳng là gì cả?
Cũng không sao, ta còn thời gian
Chảy không ngừng nghỉ
Trong động mạch và tĩnh mạch
Hồng hào hoan hỉ.*

(Lập Thành)

Nói theo cách của Nguyễn Thanh Tuấn thì *Thơ không hình hài cụ thể, không có giới hạn, không tuân theo quy luật nào, hình ảnh thơ, nhịp thơ, cách ngắt dòng cứ mặc sức tung phá, nhập nhằng, bất định, mờ ảo trong trạng thái mông lung giữa tâm thức và tiềm thức, giữa thực và hư.*[22, tr.175].

Trong hai trường ca ***Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn*** và ***Lập Thành***, những câu thơ của Nguyễn Anh Nông luôn bị đẩy theo dòng chảy của cảm xúc nên nhà thơ đã xóa bỏ mọi biên giới về vần, nhịp, dòng thơ cũng bị xóa bỏ, điều này khiến cho các câu thơ chảy ùa về phía vãn xuôi. Đây là những câu thơ vãn xuôi Nguyễn Anh Nông viết để diễn tả cuộc sống của gia đình Cu Lập Sơn ở tương lai trong sự hình dung của mình: *Rồi Lập Sơn sẽ chạy nhảy tung tăng trong ánh mắt trầm trở của nhà thơ và cô thủ thư cần mẫn/ Những cú nghịch ngợm có thể sẽ ăn đòn roi cho nó sáng mắt ra hay là sự nũng nịu yêu chiều nhưng lựa nôm nớp lo âu từng bước chân chàng thủy thủ dạn dày, phong sương, lịch lãm?/ Những con thuyền xa khơi mang gió biển mặn mòi và niềm hi vọng tiền bạc, danh vọng, vinh quang hay niềm thất thất vọng, ê chề? Hãy đợi đấy: những ý nghĩ rụt rè -những bước chân lấm láp nhọc nhằn - những tư duy chơm chớm heo may - nhun nhút hương hoa - hây hây niềm mặc khải trình nguyên.*

Và đây nữa, những câu thơ vãn xuôi được Nguyễn Anh Nông sử dụng để nói lên tâm trạng, nỗi lòng của những con người mắc vào nợ vãn chương: *Mùa đông tróc vỏ/ Lũy tre pheo xơ xác gầy gò/ Đã bật gốc ơi tháng năm lặn đận - mở mắt nhìn rơi vãi những buồn vui - Ta lặng lẽ, còn cào như là đang vui vẻ - Những lần roi quất vào cõi tâm can, mỡ màng da thịt - Ai bảo ta là kẻ vô tâm - Nhìn quá khứ tháng năm như đứt ruột đứt gan - Hai bàn tay bút tóc vò tai - Ta là kẻ ăn mày dĩ vãng? Ăn mày tương lai? Ăn mày thực tại? Ta như ôm trái núi trong lồng ngực?*

Trong trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*, Nguyễn Anh Nông cũng sử dụng dạng câu thơ vãn xuôi để gửi gắm thông điệp về lòng nhân ái, tình yêu thương con người: *Không ngẫu nhiên mà Hút - xen đứng trước vành móng ngựa?/ Tôi phản đối sự treo cổ của lòng thù hận!/. Sự khôn ngoan không mách bảo một dân tộc này bài học về đối nhân xử thế của dân tộc khác?/ Những X, Y, Z...khi thất thế chúng*

không làm yếu đi một thể chế?/ Không làm tàn úa đi một cọng cỏ/ sau cơn mưa mùa xuân/ Bạn ạ!/ Không ai đứng đung nhìn một người bị treo cổ

- dẫu họ đã có lần mắc sai lầm

- bây giờ đung đưa chiếc dây không

- còn cái đầu đã lìa khỏi cổ?

Ở Trường ca Trường Sơn, Nguyễn Anh Nông đã sáng tạo những câu thơ văn xuôi để miêu tả lời của người cha ở bên kia cõi thế nói với con về người vợ của mình với tất cả sự yêu mến, thấu hiểu, trân trọng và biết ơn:

Với mẹ của con

(Người vợ yêu dẫu của cha)

Ngàn lời vàng ngọc không đủ để ngợi ca

Tình yêu, tình thương và nỗi nhớ

Một người vợ, người em, người chị,

nàng dâu, quản gia, đội trưởng, nội tướng...

Mẹ của lũ con lít nhít

Bao nhiêu gánh nặng tháng năm thao thiết

Vạn lời ca chưa đủ để tặng người

Có thể khẳng định khi viết trường ca, Nguyễn Anh Nông rất chú ý đến việc đưa văn xuôi vào thơ để diễn tả những dòng cảm xúc dạt dào của mình. Nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Tuấn thật có lí khi cho rằng: *Trường ca Nguyễn Anh Nông còn là kết quả của quá trình giao thoa giữa văn xuôi và thơ* [22; tr.174].

3.2.1.2. Những "tổ khúc" thơ

Khi nghiên cứu về cấu trúc trong trường ca, nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn đã nhận định: *Xem xét trường ca hiện đại của ta, tôi thấy cấu trúc có khá nhiều dạng: có dạng đơn giản chỉ là Thơ dài - tức là kéo dài những mạch thơ lẻ, có dạng như Khan đời mới - chưa thoát khỏi trường ca Tây Nguyên bao nhiêu, có dạng như truyện thơ - do nhấn mạnh vào cốt truyện và ham kể lể, có dạng thành hoạt cảnh*

thơ - do nặng tính dàn cảnh sân khấu hóa, có dạng như tổ khúc - gồm nhiều chương khúc xoay quanh một chủ đề, có dạng như giao hưởng thơ - mượn lối viết của nhạc giao hưởng, có dạng là hợp ca, hợp xướng, có dạng là liên khúc...[22; tr.120]. Quan sát về cấu trúc trường ca của Nguyễn Anh Nông, chúng tôi nhận thấy trường ca của anh được cấu trúc theo dạng những "tổ khúc" thơ.

Về trường ca *Trường Sơn*, Nguyễn Anh Nông đã tổ chức cấu trúc của tác phẩm thành hai mươi khúc ca và một vĩ thanh. Ở mỗi khúc ca, nhà thơ lại chia thành các phần, các đoạn thơ nhỏ và được đánh số thứ tự rất rõ ràng. Đặc biệt, ở hầu hết các khúc ca, Nguyễn Anh Nông đã xây dựng được những nhân vật hết sức sống động và họ là những con người đại diện cho nhiều thế hệ: người cha - người lính trường sơn, nữ chiến sĩ, vị Tư lệnh, nhà thơ và có cả kẻ đảo ngũ; người con, em bé, già làng; những chứng tích lịch sử như căn hầm đã chiến, cây cầu tạm, con đường; có mây và cả những cánh bướm tượng trưng cho những liệt sĩ - trinh nữ. Tất cả cùng góp phần tạo nên một Trường Sơn bền bỉ, quyết liệt trong máu lửa chiến tranh và một Trường Sơn vạn đại.

Đọc trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*, ta bắt gặp chín khúc ca xoay quanh cuộc đối thoại giữa nhà thơ – người đại diện cho nền canh nông lúa nước với Bin ghét - một tỉ phú đại diện cho nền văn minh công nghệ. Qua cuộc đối thoại, nhà thơ đã đề cập đến những vấn đề nóng của thế giới như chiến tranh, thảm họa thiên nhiên, ô nhiễm môi trường để từ đó phát đi thông điệp về hòa bình, về tình yêu sự sống và tình yêu thương con người. Đọc trường ca này, ta thấy có khúc ca tác giả viết về muối, cóc, kiến, còng gió như ở khúc V, hay những màn trữ tình ngoại đề như ở khúc ca IV. Lướt qua những khúc ca như thế, người đọc ban đầu có cảm giác mọi thứ không có sự ăn nhập với chủ đề. Song xét kĩ, ta thấy nó vẫn có tác dụng phục vụ cho chủ đề của tác phẩm. Chẳng hạn như đoạn nói về muối:

Bọc hồ phách tái tạo sự hồi sinh kỳ diệu

chỉ có trời đất biết

Mây trắng thuở hồng hoang hội tụ để hoài thai?

Biết đâu tao với mi cùng chung nguồn gốc?

Cùng sinh ra từ vụ nổ Big - bang?

Đọc những câu thơ này, ta dễ dàng nhận ra điều mà Nguyễn Anh Nông muốn chuyển tải: dù là con người hay vạn vật thì cũng cùng sống chung dưới một mái nhà là trái đất và có chung nguồn gốc là được sinh ra từ "vụ nổ Big - bang" nên con người và vạn vật không chỉ có mối tương giao mà còn phải chung sống hòa bình.

Hai trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành* cũng được nhà thơ cấu trúc theo các chương, các phần, các đoạn. Tuy được viết theo *Lối viết tự động tâm linh* [22; tr.170] nhưng ta vẫn thấy các chương, các phần và các đoạn luôn có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Chúng đều tập trung làm rõ chủ đề: niềm hạnh phúc của gia đình nhà thơ Đỗ Trọng Khơi khi lần lượt chào đón hai đứa con trai chào đời cùng những lo âu trăn trở và ước vọng hướng về tương lai tươi sáng cho những đứa trẻ.

Như vậy, việc tổ chức cấu trúc tác phẩm theo dạng những tổ khúc thơ vừa tạo ra cho trường ca Nguyễn Anh Nông những dòng chảy riêng, vừa tạo ra mạch ngầm chung để làm nổi bật chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

3.2.2. Nhịp điệu thơ

Theo "Từ điển thuật ngữ văn học": *Nhịp điệu (rythme) một phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật trong văn học, dựa trên sự lặp lại có tính chất chu kỳ, cách quãng hoặc luân phiên của các yếu tố có quan hệ tương đồng trong thời gian hay quá trình nhằm chia tách và kết hợp các ấn tượng thẩm mỹ. Trong văn học, nhịp điệu là sự lặp lại các quãng đều đặn và có thay đổi của các hiện tượng ngôn ngữ, hình ảnh, mô típ,...nhằm thể hiện sự cảm nhận thẩm mỹ về thế giới, tạo ra cảm giác vận động của sự sống, chống lại sự đơn điệu, đơn nhất của văn bản nghệ thuật* [14, tr.238].

Trường ca Nguyễn Anh Nông là sự dung hòa nhiều thể thơ: thơ tự do, thơ lục bát truyền thống của dân tộc, thơ năm chữ, thơ bảy chữ, thơ tứ tuyệt và cả thơ văn xuôi,... Vì vậy, đọc trường ca Nguyễn Anh Nông, ta thấy những câu thơ của anh không tuân theo một khuôn nhịp nào, mà là sự đa dạng trong nhịp điệu, mỗi nhịp điệu thơ đều là nhịp lòng, là điệu cảm xúc của nhà thơ.

Có khi Nguyễn Anh Nông sử dụng những câu thơ hai chữ dưới dạng những từ láy với nhịp thơ ngắn kết hợp với những thanh trắc để tái hiện hình ảnh người lính Trường Sơn đang phải gồng mình chống chọi với căn bệnh sốt rét rừng quái ác: *Đắp chẵn/ Hàm hập/ Giản giật/ Lật đật/ Bật khật/ Át ật/ Trầy trật/ Ậc ậ/ Lặc khặc/ Lăn lóc/ Trần trọc/ Ông ộc/ Sảng sặc/ Bặc khặc/ Nằng nặc/ Hục hặc/ Khục khặc...*(*Trường ca Trường Sơn*).

Nếu như những câu thơ bảy chữ truyền thống nhịp điệu thường là 4/3 hoặc 3/4 thì đến Nguyễn Anh Nông, đã có sự chuyển nhịp linh hoạt:

Đạn bom/ tan tác cả rừng cây

Núi toác/ gục/ hoang tàn/ đá lở

(*Trường ca Trường Sơn*)

Với nhịp thơ 2/5 và 2/1/2/2, Nguyễn Anh Nông đã tái hiện được cảnh thiên nhiên Trường Sơn bị tàn phá dữ dội trước bom đạn của kẻ thù.

Nguyễn Anh Nông còn dùng nhịp thơ chẵn 2/2 trong câu thơ bốn âm tiết để diễn tả niềm vui rạo rức của núi rừng, của con người khi được sống trong hòa bình, độc lập, trong không khí của Tây Nguyên đang tung bùng vào hội:

Công chiêng/ rạo rức

Núi non/ nhón gót

Rừng xanh/ kiểng chân

(*Trường ca Trường Sơn*)

Nhìn vào trường ca Nguyễn Anh Nông, ta sẽ dễ dàng nhận ra nhiều đoạn thơ được sử dụng theo lối vắt dòng, hình thức thể hiện là những câu thơ dài, ngắn đan xen. Khi dùng cách vắt dòng, nhà thơ phá đi cách đọc dừng lại ở cuối dòng. Điều này không chỉ giúp cho nhà thơ tạo nên sự đột biến trong cảm xúc mà còn thôi thúc người đọc đi tìm phần chưa trọn vẹn của câu thơ với tốc độ đọc nhanh hơn. Chẳng hạn như đoạn thơ:

Người lính cũ bên những người lính mới
 Họ mộc mạc, đơn sơ, thuần khiết
 Họ cười nói như là không mệt nhọc
 Như là không khắc khoải nỗi chờ mong
 Nghiêng gầu máy
 múc
 ánh trăng cổ thụ
 Đắp
 đâm
 lặn...
 đập chấn,
 ngăn sông
 Hút nước
 nhả
 ngược dòng
 nương máng mới
 Lúa ngô trở bắp, đơm bông
 Cà phê mướt xanh lúc liu hoa trái mọng

(Trường ca Trường Sơn)

Với lối vắt dòng và những câu thơ có nhịp điệu dài ngắn đan xen, Nguyễn Anh Nông đã giúp người đọc thấy được thế hệ cháu con đang tiếp bước cha anh tìm đến Trường Sơn, hăng say lao động để xây dựng Trường Sơn ngày thêm giàu đẹp. Và đây nữa, những câu thơ:

Thơ rằng:

- này, chim câu trắng

*Em sinh ra
thế giới đã hỗn tạp
bao âm,
sắc
buồn
vui
thiện
ác
giăng xé - mỗi- tế bào.*

(Gửi Bill Gates và trời xanh)

Lối thơ vắt dòng với những nhịp thơ ngắn đã giúp nhà thơ bộc bạch được nỗi lo âu khi nhận ra rằng hòa bình, cái đẹp và cái thiện đang đứng trước nguy cơ đe dọa trong một thế giới hỗn tạp.

Cùng với việc sử dụng lối thơ vắt dòng, Nguyễn Anh Nông còn tạo nhịp điệu thơ bằng cách trình bày các dòng thơ theo dạng bậc thang. Chẳng hạn như đoạn thơ miêu tả chân dung người lính Trường Sơn:

Nhúc nhắc

Túc tắc

Nhóm dậy

đi

sấp ngửa

mắt môi hoe.

(Trường ca Trường Sơn)

Lối thơ bậc thang này khiến nhịp thơ được ngắt ra rõ ràng, diễn tả tinh tế quá trình người lính từng bước nghị lực vượt qua trận sốt rét tai ác để tiếp tục cuộc hành quân.

Đến với trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*, ta cũng gặp lối thơ bậc thang:

Tao chỉ sợ một điều...

Một điều này...

Một điều này thôi...

Một điều này thôi nhé...

Một điều này thôi nhé muối...

Một điều này thôi nhé...muối ơi!

Nàng bỏ ta một mình với... muối.

(*Gửi Bill Gates và trời xanh*)

Đoạn thơ là lời tâm sự của nhà thơ với muối. Cách sắp đặt dòng thơ theo kiểu bậc thang tăng dần kết hợp với việc sử dụng các dấu chấm lửng ở mỗi dòng thơ có tác dụng tạo chỗ ngắt nhịp dài hơn, lâu hơn đã thể hiện nỗi băn khoăn, lo sợ của nhà thơ khi nghĩ về một ngày mình phải sống trong nỗi cô đơn, thiếu vắng tình thương yêu.

Có thể thấy nhịp điệu thơ trong sáng tác trường ca của Nguyễn Anh Nông rất đa dạng. Mỗi một cách ngắt nhịp không chỉ làm cho thơ có hình thức mới lạ, hấp dẫn mà còn giúp cho nhà thơ dễ dàng bộc lộ cảm xúc.

3.3. Thời gian và không gian nghệ thuật trong trường ca Nguyễn Anh Nông

3.3.1. Thời gian đồng hiện mang dấu ấn thời hậu hiện đại

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*: *Sự miêu tả, trần thuật trong văn học nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ một điểm nhìn nhất định trong thời gian. Và cái được trần thuật bao giờ cũng diễn ra trong thời gian, được biết qua thời gian trần thuật. Sự phối hợp của hai yếu tố thời gian này tạo thành thời gian nghệ thuật, một hiện tượng ước lệ chỉ có trong thế giới nghệ thuật* [14; tr. 322]. Nếu thời gian khách quan được đo bằng đồng hồ và lịch thì thời gian nghệ thuật có thể đảo ngược, quay về quá khứ, có thể vượt tới tương lai xa xôi, có thể dồn nén một khoảng thời gian dài trong chốc lát, lại có thể kéo dài cái chốc lát đến vô tận. Khi sáng tác trường ca, nhiều tác giả đã sử dụng thủ pháp thời gian đồng hiện: xen kẽ quá khứ với hiện tại,

từ hiện tại nghĩ về tương lai. Viết trường ca, nhà thơ Nguyễn Anh Nông cũng rất chú ý đến việc sử dụng thời gian đồng hiện. Trong *Trường ca Trường Sơn*, Nguyễn Anh Nông đã sử dụng thủ pháp thời gian đồng hiện để đem lại hiệu quả nghệ thuật cao. Ở phần đầu của bản trường ca, phần có tác dụng định hướng cho toàn bộ tác phẩm, Nguyễn Anh Nông đã lựa chọn điểm nhìn khởi đầu ở thời gian hiện tại, người lính trở về thăm lại chiến trường xưa với nỗi nhớ thương man mác: *Trường Sơn/ Ai lại về đây/ Lặng nhìn hôm nay*. Tiếp theo nhà thơ đưa người đọc trở về thời gian quá khứ. Trường Sơn mang nét đẹp huyền thoại đậm đặc văn hóa Tây Nguyên với những Đam San, Hơ Nhí; với mái nhà rông; rượu cần; lời khan ủ men thấp thỏm:

Vạm vỡ ngực trần Đam San
Dịu dàng ánh mắt Hơ Nhí
Mái nhà rông ngân nga tiếng chiêng
Uốn lượn dốc đồi mái núi
Thác chảy rì rào ưu tư
Đôi trai gái tuổi trăng tròn tình tự
Rượu cần vít cong niềm vui
Lời khan ủ men thấp thỏm

Có những lúc thời gian quá khứ và hiện tại cứ đan cài xoắn xuýt vào nhau. Ấy là khi, Nguyễn Anh Nông theo bước chân người lính về thăm lại chiến trường xưa, hồi tưởng lại một thời khói lửa:

Tọa độ nào bom đạn chất chồng ngổn ngang đất đá
Giờ xanh cây lá
Tiếng bom mìn găm thân cây thân
người nhức nhối ngày trở gió
Tiếng suối thét gào hay tiếng anh em vùi trong cỏ
Máu xương hòa đất đai xír sớ
Linh thiêng hồn Trường Sơn nắng gió sương sa

Và rồi từ thời gian hiện tại, Nguyễn Anh Nông hướng người đọc về một Trường Sơn của tương lai, một Trường Sơn đang từng ngày thay da đổi thịt, trẻ em tung tăng tới trường, cô giáo trẻ đang ươm trồng những mầm non cho Tây Nguyên, cho tương lai đất nước:

Tung tăng đàn em quàng khăn đỏ

Trang vở mới thơm tho

Bên cô giáo trẻ

Người con gái Tây Nguyên

Viết lên bảng đen

Những điều mới mẻ

Như viết vào quyển sách đời cô

Ngọn đuốc sáng soi vào thâm u rừng già núi thiêng

Thời gian đồng hiện không chỉ được thể hiện ở phần đầu của trường ca mà ở các phần sau, ba điểm nhìn thời gian luôn có sự hòa quyện, đan cài vào nhau. Ở phần tiếp theo, Nguyễn Anh Nông để cho hình ảnh những nữ chiến sĩ hiện lên xen lẫn tâm sự của nhà thơ, rồi cả lời tự bạch của kẻ đảo ngũ, tâm sự của vị Tư lệnh Trường Sơn cùng những suy nghĩ của người thanh niên trong thời bình, những em bé tới trường, già làng. Đúng như lời nhận xét của Đoàn Minh Tâm: *Lối đan cài này giúp Nguyễn Anh Nông tạo được hình ảnh "phức hợp" về Tây Nguyên ngay trong từng phần và trong toàn bộ tập trường ca* [22; tr.133].

Trong trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập sơn*, Nguyễn Anh Nông cũng chú ý sử dụng yếu tố thời gian đồng hiện. Chẳng hạn như ở chương một, nhà thơ lấy thời gian hiện tại gắn liền với sự kiện một buổi sáng - khởi đầu Cu Lập Sơn chào đời: *Mưa gió nhôm nham vườn khuya để giun tự tình: Cu Lập Sơn chào đời trong sự hân hoan ít nhất của hai người*. Và rồi nhà thơ đã đưa người đọc trở về với thời gian của bốn mươi năm trước khi cha của Cu Lập Sơn, nhà thơ Đỗ Khơi hiện diện giữa cõi người:

Nhớ lại chuyện do người lớn kể lại: năm 1960 đưa trẻ ra đời

*Niềm hi vọng vạm vỡ hoành tráng đáng nam nhi như Phù Đổng Thiên Vương ăn thúng uống thùng khỏe như voi mạnh mẽ như sư tử phóng khoáng kiêu sa như đại bàng xú núi bay vút chao liệng giữa trời cao. Sau thời gian hồi tưởng quá khứ là thời gian tương lai. Trong sự hình dung của nhà thơ, Cu Lập Sơn sẽ lớn lên, trưởng thành và có một tương lai tươi sáng: *Nuồm nườm tàu xe/ Cu Sơn đón đưa cả nhà cả xóm/ Cuộc hành trình xuyên Việt, vượt đại dương.../ tới những hành tinh mới.**

Ở những trường ca còn lại, thời gian đồng hiện tuy không được thể hiện rành mạch ở từng chương, từng phần song nhìn một cách tổng thể, ta vẫn thấy ba yếu tố thời gian hiện tại, quá khứ và tương lai luôn được đan cài vào nhau. Điều này đã giúp Nguyễn Anh Nông dễ dàng chuyển mạch cảm hứng, thay đổi về điểm nhìn, nhân vật, không gian, tạo sức hấp dẫn cho tác phẩm.

Việc sử dụng thời gian đồng hiện trong trường ca Nguyễn Anh Nông thực chất là thủ pháp bóp méo thời gian, một trong những thủ pháp nổi bật của lối viết hậu hiện đại. Đây cũng chính là đóng góp của Nguyễn Anh Nông trong nỗ lực cách tân thể loại trường ca.

3.3.2. Không gian được chuyển đổi linh hoạt

Theo "Từ điển thuật ngữ văn học": *Không gian nghệ thuật là hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó. Sự miêu tả, trần thuật trong nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ một "điểm nhìn", diễn ra trong "trường nhìn" nhất định, qua đó thế giới nghệ thuật cụ thể, cảm tính bộc lộ toàn bộ quang tính của nó: cái này bên cạnh cái kia, liên tục, cách quãng, tiếp nối, cao, thấp, xa, gần, rộng, dài tạo thành viễn cảnh nghệ thuật [14; tr.160].*

Như chúng ta đã biết, qui mô của trường ca được thực hiện bằng các lớp nang chương hồi. Mỗi chương hồi, mỗi đoạn, mỗi khổ thơ là một khoảng không gian ấn tượng khác nhau. Tìm hiểu về nghệ thuật trường ca Nguyễn Anh Nông, chúng tôi nhận thấy nét độc đáo trong việc sử dụng yếu tố không gian đó là không gian được chuyển đổi linh hoạt, đúng như nhận định của nhà nghiên cứu Đặng Văn

Toàn: *Tác giả rất giỏi tạo không gian thơ. Mỗi không gian thơ mở ra một phía cuộc đời hoặc đào sâu vào một tầng tâm trạng* [22; tr.190].

Viết *Trường ca Trường Sơn*, Nguyễn Anh Nông đã xây dựng kết cấu của tác phẩm bao gồm 20 phần và một vĩ thanh, mỗi phần lại được chia thành nhiều đoạn thơ. Đặc biệt, nhà thơ đã lựa chọn điểm nhìn của nhiều đối tượng như: người lính trở về Trường Sơn thăm chiến trường xưa, lời người con, lời nhà thơ, lời nữ chiến sĩ, lời người cha đã về bên kia cõi thế, lời kẻ đảo ngũ, lời căn hầm dã chiến, lời cây cầu tạm, lời con đường và có cả lời một em bé, lời già làng trong hiện tại. Mỗi đối tượng lại gắn liền với một không gian cụ thể để cuối cùng hợp lại cùng làm sống dậy một Trường Sơn huyền thoại vừa đau thương, vừa bất khuất, anh hùng và một Trường Sơn vạn đại. Người đọc còn dễ dàng nhận ra trong lời đối thoại của mỗi một nhân vật, tác giả lại đan cài vào đó nhiều không gian khác nhau. Chẳng hạn như trong *Lời của người cha* (XV): Đầu tiên, người cha đã trở về bên kia cõi thế nói với người con trên dương thế về cuộc đời xông pha của người lính Trường Sơn:

Bây giờ, cha, cõi âm

Nói với con trên dương thế

Nhớ ngày cha đứng trên đỉnh núi

Nói với mây bay nắng nổ gió ngàn.

Tiếp theo là không gian của quê nhà. Khi đất nước được hòa bình và thống nhất, hơn nhiều đồng đội đã nằm xuống, người cha may mắn được trở về quê hương, song những thương tích của chiến tranh vẫn găm lại trên da thịt nhưc nhói ngày trở gió: *Cha - người may mắn/ Hơn nhiều bè bạn/ Bom đạn - lửa khói - không chết/ Sốt rét - ốm đau - sống nhăn/ Mảnh bom nhói nhói da thịt/ Đôi khi vợ con cần nhờ/ Gió mưa xương cốt nhưng nhưc.* Nhưng với bản lĩnh của người lính, cha vẫn nghị lực vươn lên sống vui vẻ cùng cháu con. Song khi về sống giữa cuộc sống đời thường, những người lính quên sao được những năm tháng ác liệt cùng đồng đội chiến đấu, vượt qua mưa bom bão đạn của kẻ thù. Những kí ức đưa người cha trở về với quá khứ của một thời trận mạc. Không gian của Trường Sơn máu lửa được hiện ra:

Tiếng bom rung

Tiếng mìn phá đá

Tiếng thở hồn hển thiếu nữ

San nền, dọn bãi, chỉ lối xe đi

Ngập ngừng anh lính trẻ

Nhìn đêm đen, tránh bom thù

Trên xe, cha nhìn theo bóng họ

Cứ nhập nhòa ánh sáng đạn bom

Đang ở không gian Trường Sơn trong kí ức, Nguyễn Anh Nông lại đưa người đọc trở về với không gian của người cha ở miền cực lạc đang nhả nhủ cháu con hãy chọn cho mình một Trường Sơn rồi đi bằng đôi chân của chính mình: *Cha bay bay về miền cực lạc/ Chốn bồng lai tiên cảnh/ Dằng dặc nỗi nhớ/ Dằng dặc niềm thương/ Và cha thấy cháu con/ Bầu đoàn lũ lũ/ Mỗi người - chọn cho mình - một Trường Sơn/ Rồi - đi - bằng đôi chân của mình.*

Khi người cha nói với con về người vợ yêu dấu của mình thì không gian lại được trở về với không gian của hậu phương. Người chồng ra trận, người vợ ở nhà thay chồng gánh vác giang sơn nhà chồng: nuôi con thơ, phụng dưỡng cha mẹ già, đối nội, đối ngoại. Cha đã nói với con về người vợ của mình với niềm tri ân sâu sắc. Đó là người phụ nữ tuyệt vời mà *Ngàn lời vàng ngọc không đủ để ngợi ca và Vạn lời ca chưa đủ để tặng người.*

Và cuối cùng, người đọc không chỉ thấy không gian nơi người cha ở cõi vĩnh hằng gửi lại niềm tin về một Trường Sơn trong thời đại mới lấp lánh sắc màu mà còn là không gian của Trường Sơn trong hiện tại với lớp lớp cháu con đến đây, những bước chân mạnh mẽ, dứt khoát nối tiếp ý chí của cha và đồng đội để xây dựng một Trường Sơn vạn đại: *Cha mừng - con - vượt - Trường Sơn/ Mạnh mẽ/ Dứt khoát/ Bằng/ Vượt/ Qua/ Cái - bóng - của - mình.*

Qua việc chỉ ra một điểm nhìn cụ thể đó là lời người cha - một người lính Trường Sơn nói với con, ta thấy Nguyễn Anh Nông đã sử dụng không gian rất linh

hoạt. Và không chỉ ở một điểm nhìn cụ thể, ta còn bắt gặp cách sử dụng không gian này ở nhiều phần trong tác phẩm. Việc liên tục chuyển đổi không gian vừa giúp cho nhà thơ tái hiện được một Trường Sơn đa sắc màu, vừa tăng thêm cảm xúc cho hình tượng.

Không chỉ được sử dụng trong *Trường ca Trường Sơn*, cách chuyển đổi không gian linh hoạt còn được Nguyễn Anh Nông sử dụng khá hiệu quả ở những tập trường ca tiếp theo. Chẳng hạn như ở chương bốn trong trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn*, nhà thơ đã tạo dựng được không gian cơ bản là không gian sống của gia đình nhà thơ Đỗ Trọng Khơi nhưng ở mỗi phần như *Tâm sự với Đ. K - K.O*, *Cu Lập Sơn*, *chiếc ra đi ô và chiếc ti vi*, *chiếc laptop*, *chiếc giường*, *chiếc gương*, *giàn thiên lý ngoài cửa sổ*, *với khách văn và áng mây ngàn năm trước* lại là những không gian cụ thể giúp mở ra một phía cuộc đời hoặc đào sâu vào một tầng tâm trạng.

Tâm sự với Đ. K - K.O là không gian làng quê, không gian của tình khoai lúa để hồn thơ Đỗ Trọng Khơi cất cánh thăng hoa, hứa hẹn những vụ mùa bội thu trên cánh đồng thi ca bất tận:

Tình khoai lúa thơm hương đời mộc mạc

Ai chân lấm tay bùn nâng giẻ mạ tươi non

Cấy vào giấc mơ ta mùa màng tươi tốt

Vì bị liệt cả hai chân và suốt ngày phải nằm nên chiếc giường đã trở thành không gian gắn bó với nhà thơ Đỗ Trọng Khơi. chiếc giường là nơi Đỗ Khơi sinh hoạt, làm thơ và cũng là nơi đón tiếp bạn bè:

Không hiểu ta có trước hay chày có trước

Chỉ nhớ chày và ta ít khi rời nhau nửa bước

Có thể nói trong hoàn cảnh của nhà thơ Đỗ Trọng Khơi, những vật dụng như chiếc ra đi ô, chiếc ti vi và chiếc laptop đã giúp nhà thơ thoát ra khỏi không gian của chiếc giường, không gian ngôi nhà của mình và chúng trở thành cầu nối quan trọng để nhà thơ được tiếp xúc với thế giới bên ngoài:

*Ta là chiếc cầu nối của thế giới muôn màu
 Muôn âm thanh đến từ miền xa thẳm
 Những chàng cao bồi, những cô yếm thắm...
 Tất tật hiện hình, đi đứng xênh xang.*

Là một đứa trẻ nên với Cu Lập Sơn là không gian chứa đựng cả một thế giới đồ chơi ngôn ngữ, linh kinh:

*Xe pháo nhà ta chạt chội, kèn càng
 Ta biết ta là khanh tướng các đồ vật
 Mọi thứ bày đặt linh kinh, ngôn ngữ.*

Có thể thấy không gian được chuyển đổi linh hoạt là một trong những đặc điểm nghệ thuật nổi bật trong những sáng tác trường ca của Nguyễn Anh Nông. Cách sử dụng yếu tố không gian này đã góp phần tạo nên thành công của trường ca Nguyễn Anh Nông.

Tiểu kết

Có thể khẳng định với bốn trường ca: *Trường ca Trường Sơn, Gửi Bill Gates và trời xanh, Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành*, Nguyễn Anh Nông đã góp phần đem đến một làn gió mới cho thể loại trường ca nói riêng, cho sự hiện đại hóa nền văn học dân tộc nói chung. Ta gặp trong trường ca của Nguyễn Anh Nông thứ ngôn ngữ đối thoại, gần gũi với đời thường song cũng không kém phần sống động, giàu chất thơ. Sự giao thoa giữa thơ và văn xuôi cũng là một nét hình thức dễ nhận thấy trong các sáng tác trường ca của nhà thơ. Bên cạnh đó, cách thể hiện thời gian đồng hiện mang dấu ấn thời hậu hiện đại và không gian được chuyển đổi linh hoạt cũng là những đóng góp nổi bật của Nguyễn Anh Nông trong việc đem đến cho thể loại trường ca một diện mạo mới.

KẾT LUẬN

1. Trường ca là thể loại có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của thơ ca nói riêng, nền văn học dân tộc nói chung. Trường ca đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài nhưng cho đến nay nó vẫn được xem là thể loại chưa ổn định. Về khái niệm trường ca, các nhà nghiên cứu tuy mỗi người đều đưa ra cách hiểu riêng của mình song các ý kiến đều có điểm chung thống nhất: Trường ca là những tác phẩm vừa có "tâm cỡ", "tâm vóc" lớn lao cả về hình thức lẫn nội dung, vừa có tính tự sự, tính trữ tình và có yếu tố suy nghĩ chính luận. Trường ca Việt Nam hiện đại đã manh nha từ trước cách mạng tháng tám 1945, phát triển mạnh mẽ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Sau chiến tranh, trường ca có sự nở rộ và cho đến nay thể loại này vẫn đang giữ một vị trí quan trọng trong dòng chảy văn học dân tộc. Trường ca sau chiến tranh có hai đặc điểm nổi bật đó là trường ca được nhìn bằng con mắt hậu chiến và trường ca được biểu hiện bằng lối viết hậu hiện đại. Từ chỗ đề cao tính sử thi, trường ca ngày càng quan tâm hơn đến chất thể sự đời thường. Để bắt nhịp với xu thế của thời hiện đại, các tác giả trường ca rất chú trọng sử dụng các thủ pháp của lối viết hậu hiện đại: liên kết văn bản, trộn lẫn các loại hình văn học nghệ thuật khác nhau, nghệ thuật phân mảnh, bóp méo thời gian, hình thức vui đùa và chuyện khôi hài. Đây là xu hướng vận động để bắt kịp với thời đại và qua đó trường ca cũng đang khẳng định được sức sống mãnh liệt của thể loại trong thời đại mới.

2. Nhà thơ Nguyễn Anh Nông đang khẳng định được tên tuổi và vị thế của mình trên thi đàn văn học dân tộc. Sau khi có được thành công ở những sáng tác thơ ngắn (7 tập thơ), Nguyễn Anh Nông tiến thêm một bước dài trên con đường nghệ thuật bằng các sáng tác trường ca. Nguyễn Anh Nông đã chứng tỏ được tài năng của mình bằng việc liên tiếp cho ra đời bốn tập trường ca: *Trường ca Trường Sơn* (2009), *Gửi Bill Gates và Trời xanh* (2011), *Trò chuyện với cha con cu Lập Sơn* (2012) và *Lập Thành* (2012). Trường ca Nguyễn Anh Nông được đánh giá có nội dung đặc sắc và mang hình thức nghệ thuật mới lạ. Có thể nói, Nguyễn Anh Nông đã và đang có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của thể loại trường ca.

3. Về nội dung, chúng tôi nhận thấy bốn trường ca của Nguyễn Anh Nông: *Trường ca Trường Sơn*, *Gửi Bill Gates và trời xanh*, *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn* và *Lập Thành* là bốn mảng màu khác nhau tạo nên một bức tranh đa sắc màu về cuộc sống, làm nên sức hấp dẫn cho thể loại trường ca nói chung, trường ca Nguyễn Anh Nông nói riêng. Và dù viết về nội dung gì thì cả bốn trường ca của Nguyễn Anh Nông đều là sự trải lòng của nhà thơ về cuộc đời, về con người cùng một ước vọng thiết tha: con người sẽ có một cuộc sống tốt đẹp hơn!

Đến với *Trường ca Trường Sơn* của Nguyễn Anh Nông, người đọc sẽ bắt gặp một cái nhìn đa chiều về chiến tranh: có đau thương, mất mát và có cả bản hùng ca của muôn đời. Với tác phẩm này, nhà thơ đã góp thêm một cách nhìn, một cách cảm về cuộc chiến đau thương mà anh dũng của dân tộc. Nguyễn Anh Nông nhìn thấy nỗi đau hằn sâu trong những phận người dù họ là người lính trực tiếp chiến đấu ở Trường Sơn hay ở hậu phương, dù trong thời chiến hay khi đất nước đã hòa bình. Nhà thơ cũng thấu nỗi đau của đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ trước mưa bom, bão đạn của kẻ thù. Song điều đáng nói là trong suy nghĩ của nhà thơ mặc áo lính, quá khứ đau thương mà hào hùng chính là điểm tựa để chúng ta xây dựng một Trường Sơn giàu đẹp hơn trong hiện tại và tương lai. Khi tấu lên bản hùng ca về Trường Sơn, Nguyễn Anh Nông đã không quên tri ân người lính, người vợ lính và cả những con người lao động bình dị đang từng ngày, từng giờ giúp Trường Sơn thay da, đổi thịt. Trong khúc ca ấy, ta lắng nghe được cả hơi thở của đại ngàn, của không gian văn hóa đậm chất Tây Nguyên với những vũ điệu của rừng xanh, âm thanh của tiếng chiêng ngân, men say của *Rượu cần vít cong niềm vui/ Lời khan ủ men thấp thỏm...*

Đọc trường ca *Gửi Bill Gates và trời xanh*, độc giả bị thu hút bởi cuộc đối thoại thẳng thắn mà thân tình giữa một *nông dân xoàng* của xứ sở hiền hòa, nhân hậu, Việt Nam với tỉ phú công nghệ Bill Gates, nước Mỹ. Vốn là một công dân toàn cầu có trái tim thi sĩ và ý thức, trách nhiệm cao với nhân loại, Nguyễn Anh Nông trong cuộc đối thoại với Bill Gates đã gửi đi bức thông điệp văn hóa thời kỹ trị: Hãy sống hòa bình, thân thiện; hãy sống bằng trái tim biết yêu thương con người và vạn vật; hãy yêu thơ ca vì thơ ca không chỉ là thước đo văn hóa của một dân tộc mà nó còn tưới mát tâm hồn con người, giúp con người xích lại gần nhau hơn.

Ở trường ca *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành*, Nguyễn Anh Nông đã khiến độc giả đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, để người đọc nhận ra rằng nội dung của thể loại trường ca đâu nhất thiết cứ phải là vấn đề hệ trọng của cả cộng đồng. Ta gặp trong hai trường ca này một không gian êm đềm của làng quê, của gia đình Đỗ Khôi – Kim Oanh với Cu Lập Sơn và Lập Thành. Trong suốt hành trình ra đời và lớn lên của hai đứa trẻ, nhà thơ không ngừng suy tư, chiêm nghiệm và nhận ra rằng trong những mảng màu cuộc sống đời thường có những niềm vui bình dị, những lo âu trăn trở và có cả những ước vọng tương lai.

4. Về phương diện nghệ thuật, chúng tôi ghi nhận sự nỗ lực của Nguyễn Anh Nông trong việc góp phần mang đến một diện mạo mới cho thể loại trường ca. Người đọc gặp trong trường ca của Nguyễn Anh Nông thứ ngôn ngữ đối thoại, gần gũi với đời thường song cũng đậm chất thơ. Sự giao thoa giữa thơ và văn xuôi; hình ảnh thơ sinh động, giàu tính biểu tượng; cách ngắt nhịp linh hoạt,...là những nét hình thức dễ nhận thấy trong các sáng tác trường ca của nhà thơ. Bên cạnh đó, cách thể hiện thời gian đồng hiện mang dấu ấn thời hậu hiện đại và không gian được chuyển đổi linh hoạt cũng là những đóng góp nổi bật của Nguyễn Anh Nông trong việc cách tân thể loại trường ca.

5. Có thể nói với tài năng, sự nỗ lực không ngừng và niềm đam mê sáng tạo nghệ thuật, Nguyễn Anh Nông đã gặt hái được những vụ mùa bội thu trên cánh đồng thi ca với bốn trường ca: *Trường ca Trường Sơn*, *Gửi Bill Gates và trời xanh*, *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn và Lập Thành*. Tìm hiểu trường ca Nguyễn Anh Nông, chúng tôi không chỉ nhằm mục đích xác định nét phong cách cùng những đóng góp của nhà thơ với thể loại trường ca mà còn để thấy được tiến trình phát triển của thể loại trường ca nói riêng, của nền văn học dân tộc nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (1999), *Văn học Việt Nam hiện đại, nhận thức và thẩm định*, Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học, tài liệu Viện Văn Học.
2. Lại Nguyên Ân (1975), “Máy suy nghĩ về thể loại trường ca”, *Tạp chí văn học* số 4.
3. Lại Nguyên Ân (1981), “Bàn góp về trường ca”, *Tạp chí văn học* số 1.
4. Lại Nguyên Ân (1984), “Thể trường ca gần đây”, *Văn học và phê bình*, Nxb Tác phẩm mới.
5. Mai Bá Ân (2011), "Hai đặc điểm cơ bản của trường ca Việt Nam hiện đại", *phongdiep.net*.
6. Mai Bá Ân (2012), "Trường ca Thu Bồn - Thể loại và cấu trúc", *vanchuongviet.org*.
7. Thu Bồn (2003), “Bài ca chim chơ rao”, *Thu Bồn – thơ và trường ca*, Nxb Đà Nẵng.
8. Phan Ngọc Cảnh (1980), "Trường ca và người viết trường ca", *Tạp chí văn nghệ quân đội*.
9. N.V. Gôgôl (1971), *Những linh hồn chết*, Về trường ca vĩ đại của N.V. Gôgôl (bài giới thiệu của X.Maisxkin), Nxb Văn học thiếu nhi.
10. Phạm Tiến Duật (1980), “Nhân bản về trường ca đôi điều nghĩ về hình thức”, *Văn nghệ quân đội* tháng 12.
11. Nguyễn Khoa Điềm (1977), “Mặt đường khát vọng”, *Tuyển tập trường ca*, Nxb Quân đội, Hà Nội.
12. Nguyễn Đăng Điệp (2002), *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, Nxb Văn học, Hà Nội.
13. Nguyễn Đăng Điệp (2014), *Thơ Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng*, Nxb Văn học, Hà Nội.
14. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
15. Trần Mạnh Hảo (1994), *Đất nước hình tia chớp*, Nxb Quân đội nhân dân.

16. Nguyễn Thị Hậu (2011), "Về thi pháp trường ca trong thơ Việt Nam hiện đại", *Tạp chí Nhà văn*, số tháng 1.
17. Hoàng Ngọc Hiến (1981), "Về đặc trưng của trường ca", *Tạp chí văn học* số 4.
18. Hoàng Ngọc Hiến (1999), *Năm bài giảng về thể loại*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
19. Phạm Hồ (1981), "Người lính trong *Trường ca sư đoàn*", *Báo Văn nghệ*.
20. Bùi Công Hùng (2000), *Sự cách tân thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
21. Nguyễn Thanh Huyền (2012), *Những biểu hiện của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học đương đại*, Luận văn Thạc sỹ, ĐH Quốc gia Hà Nội.
22. Đỗ Thị Thu Huyền (2013), *Nguyễn Anh Nông đi từ miền lá cỏ*, Nxb Quân đội nhân dân.
23. Nguyễn Thu Hương (2002), *Một số trường ca tiêu biểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Luận văn thạc sỹ Đại học Sư phạm Hà Nội.
24. Đỗ Văn Khang (1982), "Tư ý kiến về trường ca sử thi của Hê - ghen đến trường ca hiện đại của ta", *Tạp chí văn học* số 6.
25. Mã Giang Lân (1982), "Trường ca vấn đề thể loại", *Tạp chí văn học* số 6.
26. Mã Giang Lân (2003), *Văn học Việt Nam 1945 - 1954*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
27. Hà Li, Lưu Nguyễn, Phi Hà (2011), "Ba bài viết về tập trường ca *Lòng hải lý*", *trieuxuan.info*.
28. Hà Thị Liên (2014), *Thế giới nghệ thuật trong thơ Nguyễn Anh Nông*, Khóa luận Tốt nghiệp Đại học, Đại học Sư phạm Thái Nguyên – Đại học Thái Nguyên.
29. Nguyễn Văn Long (1977), "Hương đi của một số nhà thơ", *Báo Văn nghệ* số 539.
30. Nguyễn Văn Long (2002), *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
31. Nguyễn Văn Long (2009), *Phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

32. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, Lê Ngọc Trà, La Khắc Hòa, Thành Thê Thái Bình (2002), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
33. Phương Lưu, Nguyễn Nghĩa Trọng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh (2009), *Lí luận văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
34. Thiều Mai (1980), "Hữu Thịnh trên đường tới thành phố", *Văn nghệ Quân đội* tập 12.
35. Nguyễn Đăng Mạnh, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn, Trần Đình Sử, Ngô Thảo (1987), *Một thời đại văn học mới*, Nxb Văn học Hà nội.
36. Nguyễn Đức Mậu (1978), *Trường ca sư đoàn*, Nxb Quân đội nhân dân.
37. Lê Thị Mây (2003), *Lửa mùa hong áo*, Nxb Quân đội nhân dân.
38. Nguyễn Anh Nông (1993), *Bàn tay lá cỏ*, Tập 1, Nxb Văn học Hà Nội.
39. Nguyễn Anh Nông (1995), *Bàn tay lá cỏ*, Tập 2, Nxb Văn học Hà Nội.
40. Nguyễn Anh Nông (1998), *Kỹ sỹ ngựa gỗ*, Nxb Sở văn hóa thông tin Hòa Bình.
41. Nguyễn Anh Nông (2000), *Mây bay*, Nxb Sở văn hóa thông tin Hòa Bình.
42. Nguyễn Anh Nông (2005), *Những năm tháng ở rừng*, Nxb Quân đội nhân dân.
43. Nguyễn Anh Nông (2009), *Trường ca Trường Sơn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
44. Nguyễn Anh Nông (2010), *Lững thững xanh*, Nxb Văn học Hà Nội.
45. Nguyễn Anh Nông (2011), *Hà Nội và em*, Nxb Quân đội nhân dân.
46. Nguyễn Anh Nông (2011), *Gửi Bill Gates và trời xanh*, Nxb Văn học, Hà Nội.
47. Nguyễn Anh Nông (2012), *Trò chuyện với cha con Cu Lập Sơn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
48. Nguyễn Anh Nông (2012), *Lập Thành*, Nxb Văn học, Hà Nội.
49. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1980), *Thơ ca Việt Nam – hình thức và thể loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Lã Nguyên (1971), *Diện mạo văn học Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

51. Bùi Văn Nguyên (1975), “Về đẹp hùng tráng và nên thơ trong trường ca Tây Nguyên”, *Tạp chí văn học*.
52. Vũ Đức Phúc (1982), “Chung quanh vấn đề trường ca”, *Tạp chí văn học* (6).
53. Diệu Thị Lan Phương (2011), *Thể loại trường ca trong văn học hiện đại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
54. Diệu Thị Lan Phương (2011), "Nghĩ về một số phần trường ca", vannghequandoi.com.vn.
55. Nguyễn Bình Phương (1986), "Đỏ bóng xuống mặt trời", Báo Văn nghệ Công an.
56. Hà Quảng (2011), "Về các khuynh hướng phát triển trường ca Việt", vanvn.net.
57. Lê Minh Quốc (2006), "Hành trình của con kiến", Nxb Trẻ.
58. Đỗ Quyên (2010), "Đến trường phái thơ Việt từ cảm thức hậu hiện đại", *Tạp chí Sông Hương* số 257.
59. Đỗ Quyên (2012), "Ghi nhận về một thi cảm trường ca tươi lạ", vanvn.net
60. Từ Sơn (1981), “Về khái niệm trường ca”, *Văn nghệ quân đội* số 1.
61. Chu Văn Sơn (2011), "Thanh Thảo với Trường ca", nguvan.hnue.edu.vn.
62. Nguyễn Thái Sơn (2009), *Chiến tranh - chín khúc tưởng niệm*, Nxb Văn học Hà Nội.
63. Trần Đăng Suyền (2004), *Nhà văn - Hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo*, Nxb Văn học Hà Nội.
64. Vũ Văn Sỹ (2001), “ *Sự biến đổi của thể loại thơ từ sau năm 1975*” – *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
65. Vũ Văn Sỹ (2003), “Thời nở rộ trường ca, một hiện tượng sáng tạo thể loại”, *Tạp chí văn nghệ*.
66. Nguyễn Trọng Tạo (2011), "Những đặc điểm của trường ca", nguyentrongtao.org.
67. Nguyễn Thị Liên Tâm (2010), "Đặc điểm giọng điệu trong trường ca sử thi hiện đại", *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn* số 23.

68. Nguyễn Thị Liên Tâm (2011), "Sự phức hợp và đa dạng về thể thơ trong trường ca sử thi hiện đại", *phongdiep.net*.
69. Nguyễn Thanh Tú (2014), "Trượng đài người lính trong trường ca đương đại", Quân đội nhân dân số tháng 11.
70. Nguyễn Bá Thành (1996), *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
71. Ngô Đức Thịnh (2004), "Tiểu vùng văn hóa xứ Thanh", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1.
72. Hữu Thịnh (1980), "Vài suy nghĩ về thể loại trường ca", *Văn nghệ Quân đội nhân dân* tập 12.
73. Hữu Thịnh (1996), *Trường ca biển*, Nxb Quân đội nhân dân.
74. Lưu Khánh Thơ (2010), "Đôi nét về trường ca những năm gần đây từ góc nhìn thể loại", *vannghequandoi.com.vn*.
75. Đào Thị Khánh Vân (2009), "Trường ca Thanh Thảo", Luận văn thạc sỹ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên – Đại học Thái Nguyên.